

The cover features a large, stylized circular graphic composed of several segments. The central segment is orange and contains the title text. Surrounding it are three other segments: a top-right segment showing an aerial view of a construction site with a large rectangular foundation in a body of water; a right segment showing a row of wind turbines against a sunset sky; and a bottom segment showing a long-exposure photograph of a city street at night with light trails from cars and illuminated buildings in the background. The entire design is set against a light gray background.

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022**



# MỤC LỤC



Các biểu tượng có tính tương tác: chạm để mở các thông tin giá trị.

## 01



### TẦM NHÌN CỦA FECON

- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT.....8-9

## 02



### DẤU ẤN NĂM 2022

- Những con số ấn tượng năm 2022.....12-13
- Chỉ số kinh doanh tiêu biểu.....14-15
- Dấu ấn FECON 2022.....16-19

## 03



### VỮNG CHẮC NỀN MÓNG

- Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh.....24-25
- Sơ đồ tổ chức Tập đoàn.....26-27
- Các đơn vị thành viên.....28-29
- Mô hình tổ chức và nhân sự..30-31
- Hội đồng quản trị.....36-48
- Ban Kiểm soát .....39
- Ban Điều hành.....40-42
- Chính sách nhân sự.....45-46

## 04



### VỮNG VÀNG VƯỢT SÓNG LỚN

- Báo cáo hoạt động kinh doanh...46-63
- Báo cáo của Ban Kiểm Soát....64-67
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.....68-71
- Báo cáo quản trị rủi ro.....72-73

## 05



### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc..76-77
- Báo cáo Kiểm toán độc lập....78-79
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất..80-83
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.....84-85
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất..86-87
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.....88-137

# 01

## TẦM NHÌN CỦA FECON

- Thông điệp của chủ tịch HĐQT

**Tên tiếng Việt:** CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

**Tên tiếng Anh:** FECON CORPORATION

**Tên viết tắt:** FECON

**Giấy đăng ký kinh doanh:**

Số 0101502599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/6/2004

**Địa chỉ:** Tầng 15, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Điện thoại:** 024 62690481

**Email:** [info@fecon.com.vn](mailto:info@fecon.com.vn) | **Website:** [www.fecon.com.vn](http://www.fecon.com.vn)



# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



**Kính gửi Quý Cổ đông và toàn thể Cán bộ công nhân viên Tập đoàn FECON,**

**Biến động khôn lường và khó khăn chồng chất** là thực tế tình hình kinh tế thế giới năm 2022. Cuộc xung đột kéo dài Nga - Ukraine, các lệnh trừng phạt của Mỹ và các nước phương Tây đối với Nga; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; các biện pháp phòng, chống dịch Covid - 19 tại Trung Quốc; lũ lụt, hạn hán kéo dài trên diện rộng ở Trung Quốc, EU... đã làm cho chuỗi cung ứng bị gián đoạn; giá dầu thô, lương thực - thực phẩm; nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh; lạm phát tăng cao khó kiểm soát tại nhiều quốc gia, dẫn đến nhu cầu giảm mạnh, suy giảm về thương mại và đầu tư.

Ở trong nước, dưới những tác động của tình hình quốc tế, cùng với những khó khăn sau hơn 2 năm chống chọi với đại dịch Covid - 19 và chiến dịch phòng chống tham nhũng của Đảng đã khiến nền kinh tế phải đối mặt với không ít khó khăn thách thức. Cụ thể là những diễn biến phức tạp, trái quy luật về giá cả hàng hoá, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất và xây dựng, nhất là giá xăng dầu và vật liệu xây dựng, dẫn đến chi phí đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp thuộc nhiều ngành và lĩnh vực khác nhau...

Trong năm 2022, công tác kiểm tra giám sát đối với hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường bất động sản cũng được thắt chặt dẫn đến dòng tiền trên thị trường bị cạn kiệt, lãi suất cho vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng tăng cao, dẫn đến việc huy động vốn của các doanh nghiệp gặp khó khăn ở giai đoạn 6 tháng cuối năm và chi phí tài chính doanh nghiệp tăng đột biến, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hầu hết các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đặc biệt là thị trường xây dựng & bất động sản.

Không nằm ngoài tình hình chung của thị trường xây dựng, mặc dù HĐQT và Ban Điều hành của FECON đã nỗ lực hết mình trong cả năm qua, nhưng kết quả hoạt động SXKD năm 2022 của Tập đoàn không đạt kế hoạch đặt ra từ đầu năm. Tính tới 31/12, tổng tài sản Tập đoàn đã đạt 7.581 tỷ đồng, giá trị hợp đồng ký mới đạt 3.500 tỷ đồng, doanh thu hợp nhất năm 2022 đạt 3.046 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 52 tỷ đồng.

Đây là các con số dưới kỳ vọng rất nhiều so với kế hoạch, trong bối cảnh các khách hàng, chủ đầu tư cũng gặp rất nhiều khó khăn, số dự án triển khai ít hoặc các dự án đã ký hợp đồng thì triển khai chậm do thiếu dòng tiền. Tình hình cạnh tranh trên thị trường xây dựng khốc liệt hơn bao giờ hết do các doanh nghiệp xác định mục tiêu có dự án để tồn tại qua giai đoạn khó khăn thay vì mục tiêu lợi nhuận. Các hợp đồng nổi bật FECON đã ký kết và triển khai trong năm như: Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2 - Hà Tĩnh, Dự án Nhiệt điện - Thị Nghè - TP.Hồ Chí Minh; Dự án cảng Lạch Huyện 5 - 6 - Hải Phòng; Dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 - 4 - Đồng Nai; Dự án Tổ hợp thép Hòa Phát Dung Quất giai đoạn 2 - Quảng Ngãi... đã giúp Công ty duy trì hoạt động và giữ được thị trường, thể hiện sự ghi nhận và đánh giá đúng mức của khách hàng về năng lực FECON trên thị trường xây dựng, đặc biệt đối với các dự án lớn có yêu cầu cao về chất lượng.

Đứng trước áp lực về chi phí, Tập đoàn cũng đã tái cấu trúc doanh nghiệp mạnh mẽ, cắt giảm 15% đội ngũ nhân sự, giảm đầu mỗi các công ty con và tập trung cao độ cho nhiệm vụ phát triển và quản lý hiệu quả dự án, duy trì vị thế Tập đoàn trên thị trường xây dựng để sẵn sàng đón các cơ hội mới.

Thay mặt HĐQT Tập đoàn, tôi xin trân trọng cảm ơn những nỗ lực không mệt mỏi của toàn thể Ban Điều hành và Cán bộ công nhân viên trên toàn hệ thống FECON, mong rằng tất cả chúng ta tiếp tục chân cứng đá mềm để vượt qua khó khăn trước mắt, sẵn sàng cho những cơ hội tốt hơn trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

Dù thị trường vẫn còn rất nhiều khó khăn, Chính phủ cũng đang không ngừng nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp bất động sản và xây dựng. Cùng với sự quyết tâm và nỗ lực của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn, tôi tin rằng chúng ta sẽ đạt được mục tiêu đã đặt ra cho năm 2023 ra là: doanh thu 3.800 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 125 tỷ đồng.

Thay mặt HĐQT công ty chúng tôi kính mong các Quý cổ đông chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp trong giai đoạn vô cùng khó khăn này và tiếp tục ủng hộ HĐQT & Ban Điều hành công ty trong những chặng đường tiếp theo, tôi tin rằng khó khăn trong ngắn hạn sẽ chỉ là thử thách đối với Tập đoàn để chuẩn bị cẩn thận và vững vàng hơn cho dài hạn. Thị trường xây dựng của Việt Nam vẫn còn nguyên đó các cơ hội, cơ chế chính sách của chính phủ sẽ phải thay đổi để thích nghi với thực tế khách quan và tiệm cận với các thông lệ Quốc tế. Với sự đoàn kết và ý chí đồng tâm vượt qua mọi khó khăn của Ban Lãnh đạo cùng hơn 1200 Cán bộ công nhân viên, cùng sự ủng hộ của các quý vị cổ đông, tôi tin tưởng chắc chắn rằng FECON sẽ vượt qua thử thách năm 2023, tăng trưởng lợi nhuận bền vững trong các năm tiếp theo và bám sát mục tiêu trở thành Tập đoàn hàng đầu về xây dựng và phát triển hạ tầng tại Việt Nam vào năm 2025

**Trân trọng cảm ơn Quý cổ đông và toàn thể anh chị em cán bộ nhân viên FECON.**

*Kính chúc toàn thể quý vị & gia đình mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!*

T/M Hội đồng quản trị  
Chủ tịch HĐQT



PHẠM VIỆT KHOA



# 02

## DẤU ẤN CỦA NĂM 2022

- Những con số ấn tượng năm 2022
- Chỉ số kinh doanh tiêu biểu
- Dấu ấn FECON 2022





# NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG NĂM 2022



**7.581** TỶ ĐỒNG  
TỔNG TÀI SẢN

**3.483** TỶ ĐỒNG  
VỐN CHỦ SỞ HỮU

**1.574** TỶ ĐỒNG  
VỐN ĐIỀU LỆ

**3.046** TỶ ĐỒNG  
DOANH THU

**1.228** CÁN BỘ  
CÔNG NHÂN VIÊN

**20** ĐƠN VỊ  
THÀNH VIÊN



CHỈ SỐ KINH DOANH TIÊU BIỂU

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

KẾT QUẢ HĐKD	2018	2019	2020	2021	2022
Doanh thu	2.846	3.092	3.154	3.484	3.046
Lợi nhuận gộp	428	434	473	470	356
Lợi nhuận trước thuế	306	277	168	110	78
LN sau thuế	249	212	133	71	52
LN thuộc về cổ đông công ty mẹ	246	201	119	68	40

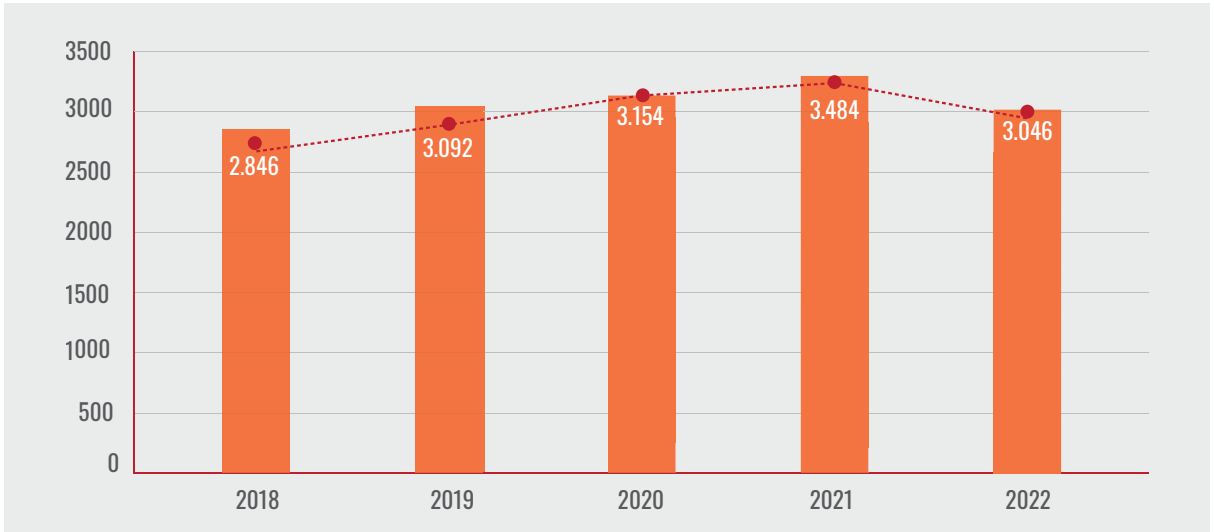
(Đơn vị tính: tỷ đồng)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng tài sản	4.723	5.647	6.780	7.496	7.581
Tài sản ngắn hạn	3.651	4.502	5.557	5.063	5.235
Tài sản dài hạn	1.072	1.146	1.223	2.433	2.346
Nợ ngắn hạn	2.172	2.804	3.896	3.365	3.152
Nợ dài hạn	617	388	381	1.201	946
Vốn chủ sở hữu	1.934	2.456	2.503	2.929	3.483
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	130	256	288	275	837

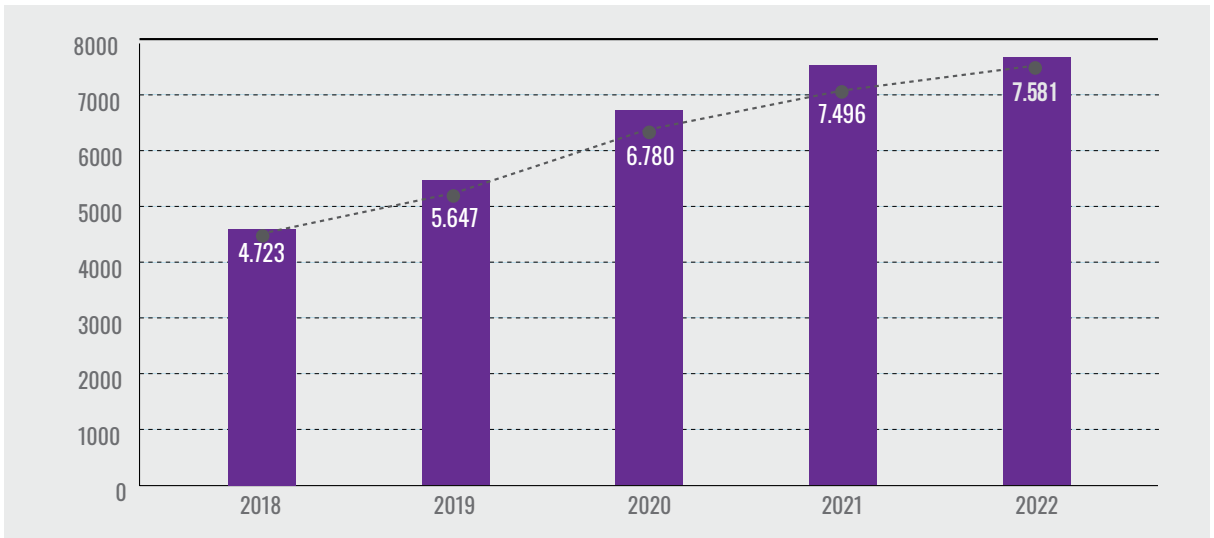
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	2018	2019	2020	2021	2022
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,68	1,61	1,43	1,50	1,66
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,44	1,36	1,16	1,01	1,13
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>					
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	59%	57%	63%	61%	54%
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	144%	130%	171%	156%	118%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>					
+ Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	5,13	4,44	2,68	2,24	1,61
+ Vòng quay tổng tài sản (vòng)	0,56	0,60	0,51	0,49	0,40
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>					
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	9%	7%	4%	2%	2%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	15%	10%	5%	3%	2%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	6%	4%	2%	1%	1%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	10%	9%	6%	3%	2%

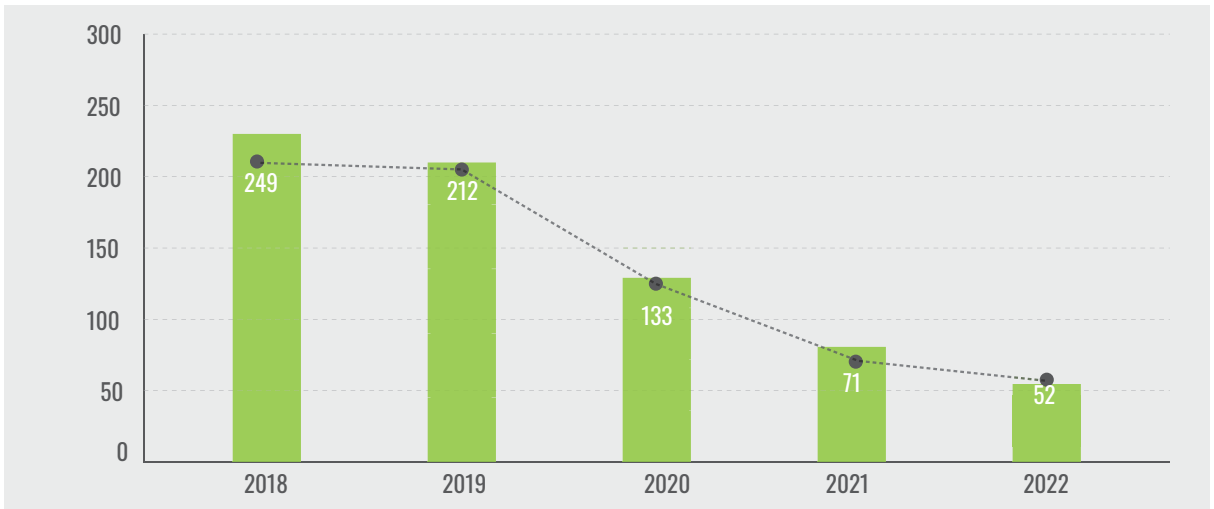
Doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)



Tổng tài sản (tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



# DẤU ẤN FECON 2022

## FECON ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM 2022 CHO LĨNH VỰC “XÂY DỰNG HẠ TẦNG NGẦM”

Đầu tháng 11 năm 2022, FECON vinh dự được công nhận là doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam tại Lễ công bố Thương hiệu Quốc gia lần thứ 8 do Bộ Công Thương tổ chức.

Năm 2022, lần đầu tiên FECON nộp hồ sơ xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam. Trải qua hơn 9 tháng xét chọn nghiêm ngặt với hơn 1.000 hồ sơ đăng ký, FECON chính thức ghi tên trong danh sách 172 danh nghiệp xuất sắc có sản phẩm đủ điều kiện đạt Thương hiệu Quốc gia, với sản phẩm dịch vụ thế mạnh là “Xây dựng hạ tầng ngầm FECON”. Đây cũng là lần đầu tiên FECON vinh dự góp mặt trong danh sách này cùng với những thương hiệu lớn có tên tuổi khác trong và ngoài ngành. Việc được vinh danh là Doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã giúp FECON tự tin khẳng định giá trị và chất lượng dịch vụ xây dựng của Tập đoàn trên thị trường nội địa, đồng thời gia tăng năng lực cạnh tranh của Tập đoàn trên hành trình bước chân ra thế giới.

## ĐẠT NHIỀU GIẢI THƯỞNG LỚN TRONG CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ THƯƠNG HIỆU

Năm 2022 cũng là năm FECON liên tục ghi tên mình tại loạt giải thưởng uy tín như: TOP 10 Công ty uy tín ngành Xây dựng – Vật liệu xây dựng do VNR bình chọn. Đây là năm thứ 5 liên tiếp FECON được vinh danh trong danh sách này với các chỉ số tích cực về tài chính, hình ảnh doanh nghiệp trên truyền thông và đánh giá của các bên liên quan trong ngành. Bên cạnh đó, FECON duy trì vị thế TOP 50 Doanh nghiệp có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn 2022, trong đó FECON xếp vị trí TOP 4 Doanh nghiệp trong ngành Xây dựng. Đồng thời, đạt TOP 3 Doanh nghiệp tiêu biểu có nguồn nhân lực hạnh phúc 2022.

Tháng 10 năm 2022, FECON tiếp tục “thăng lớn” tại Lễ tôn vinh doanh nghiệp, Chủ tịch Công đoàn và sáng kiến sáng tạo tiêu biểu 2022 khi được vinh danh ở tất cả các hạng mục trao giải, gồm: TOP 10 Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động; Chủ tịch Công đoàn Cơ sở doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước tiêu biểu; 07 Cán bộ nhân viên được vinh danh danh hiệu “Sáng kiến, sáng tạo trong CNVCLĐ thủ đô” cho các cá nhân có những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp công nghệ hữu ích, làm tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc; 02 thợ giỏi tại Hội thi Thợ giỏi thành phố Hà Nội;

Trong đó, có 02/07 sáng kiến, sáng tạo trong CNVCLĐ thủ đô được Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam vinh danh và trao tặng bằng khen vào tháng 12/2022. Ngoài ra, FECON được vinh danh trong TOP 20 Doanh nghiệp phát triển kinh tế xanh bền vững dựa trên 03 tiêu chí: hoạt động hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội.



## 03

## FECON GIỮ VỮNG VỊ TRÍ TOP 10 NHÀ THẦU XÂY DỰNG

Theo báo cáo nghiên cứu công bố ngày 31/3 của Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VNR), cùng với các tên tuổi lớn trong ngành xây dựng như như Cotecons, Hòa Bình, Ricons... FECON tiếp tục lọt 10 nhà thầu xây dựng năm 2023. Ngoài ra, Tập đoàn cũng xếp thứ 3/10 nhà thầu nổi bật trên truyền thông.

Trong bối cảnh ngành Xây dựng đầy rẫy những khó khăn và biến động do tác động của điều kiện Kinh tế - Xã hội, việc lọt “TOP 10 Nhà thầu Xây dựng năm 2023” là kết quả xứng đáng cho những nỗ lực không ngừng của Người FECON trong suốt năm 2022.

"TOP 10 NHÀ THẦU XÂY DỰNG NĂM 2023" là giải thưởng độc lập do VNR tiến hành khảo sát và bình chọn dựa trên các cuộc khảo sát từ các chuyên gia trong ngành xây dựng cũng như căn cứ vào các yếu tố năng lực chuyên môn và đánh giá của truyền thông trong suốt năm 2022.

## TOP 10 NHÀ THẦU XÂY DỰNG NĂM 2023

	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG COTECCONS
	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH
	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG RICONs
	TỔNG CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NEWTECONS
	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG DELTA
	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UNICONS
	CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
	TCT ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ UDIC - CÔNG TY TNHH MTV
	CÔNG TY CỔ PHẦN ECOBA VIỆT NAM

Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/12/2022

## Top 3 nhà thầu nổi bật trên truyền thông

T2.2020-T1.2021 | T2.2021-T1.2022 | T2.2022-T1.2023  
% tổng số tin mã hóa

	11,2	13,0	26,1
	29,7	14,3	11,5
	4,3	4,6	8,9
	7,5	9,0	8,0
	1,1	1,6	2,0
	5,6	4,4	1,1
	1,8	0,9	1,0
	1,2	0,8	0,8



# DẤU ẤN FECON 2022

## CHÍNH THỨC TRỞ THÀNH CHỦ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN CỤM KHU CÔNG NGHIỆP DANH THẮNG – ĐOAN BÁI & KHU ĐÔ THỊ NAM THÁI

Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022, Ban lãnh đạo FECON đặt mục tiêu đẩy mạnh mảng đầu tư. Cụ thể, bên cạnh các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo mà FECON đang phát triển như Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 (Giai đoạn 2), Điện mặt trời Bình Phước 1,2, Điện gió Gia Lai, Điện gió Phú Yên, Điện gió ngoài khơi Bà Rịa – Vũng Tàu, FECON vẫn tiếp tục theo đuổi các dự án bất động sản KCN tại Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Bắc Giang.

Kết thúc năm 2022, FECON nhận tin vui khi UBND tỉnh Bắc Giang quyết định thành lập Cụm công nghiệp Danh Thắng – Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Dự án có diện tích 75 ha do Công ty Cổ phần FECON Hiệp Hòa làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Dự án có tổng mức đầu tư là 945 tỷ đồng, tiến độ thực hiện dự án đến tháng 8/2024. Nối tiếp thành công đó, ngày 30/12/2022, FECON tiếp tục nhận được quyết định chấp thuận đầu tư từ UBND tỉnh Thái Nguyên, thông báo chấp thuận Công ty Cổ phần FECON Phố Yên là nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 24,68 ha). Tổng mức đầu tư dự án là 2.250 tỷ đồng với tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động từ năm 2022 đến hết năm 2026. Đây được coi là điểm sáng cho hoạt động đầu tư của FECON trong năm 2022.



### CỤM CÔNG NGHIỆP DANH THẮNG – ĐOAN BÁI

**75** Ha  
DIỆN TÍCH

**945** TỶ ĐỒNG  
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

### KHU ĐÔ THỊ

**24,68** Ha  
DIỆN TÍCH

**2.250** TỶ ĐỒNG  
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

## HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI CORIO GENERATION

Năm 2022, FECON tập trung nguồn lực phát triển, nghiên cứu thi công các dự án điện gió ngoài khơi. Với chiến lược bước từng bước vững chắc song hành cùng mục tiêu phát triển bền vững, tháng 6 năm 2022, FECON tiến hành ký kết hợp tác chiến lược với Tập đoàn Corio Generation trong dự án điện gió ngoài khơi, công suất 500MW tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo đó, hai bên thống nhất thiết lập quan hệ hợp tác trong lĩnh vực hoạt động nghiên cứu phát triển và đầu tư dự án điện gió ngoài khơi tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngoài ra, FECON sẽ tiếp tục cùng Corio Generation nghiên cứu, phát triển các dự án cụ thể, trên cơ sở tại các nước khác, đồng thời có những ý kiến đóng góp thực tiễn giúp hoàn thiện cơ chế chính sách đầu tư điện gió và thúc đẩy quá trình nội địa hóa chuỗi cung ứng ngành công nghiệp này tại Việt Nam.



Tháng 10/2022, FECON tiếp tục góp mặt tại dự án Thử nghiệm điện gió ngoài khơi tại khu vực Đông Nam Á với hạng mục đúc khối neo trọng lực cho móng nổi trụ điện gió nổi ngoài khơi. Dự án thử nghiệm thành công có ý nghĩa to lớn trong việc thúc đẩy phát triển công nghệ điện gió ngoài khơi, nội địa hóa chuỗi cung ứng, áp dụng đại trà công nghệ móng nổi vào các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam, và góp phần vào lộ trình phát triển ngành công nghiệp điện gió ngoài khơi theo tầm nhìn phát triển năng lượng đến 2050 của đất nước.

## DUY TRÌ CHƯƠNG TRÌNH PMP BƯỚC SANG NĂM THỨ 5

Tính đến tháng 12/2022, chương trình Phát triển lực lượng quản lý dự án FECON - PMP đã triển khai được tròn 5 năm. Trong 5 năm qua đã có hơn 700 kỹ sư, quản lý dự án tham gia và trưởng thành từ chương trình, trở thành đội ngũ cán bộ quản lý nòng cốt đóng góp vào sự phát triển chung của cả Tập đoàn.

Được triển khai lần đầu tiên vào năm 2018, trong suốt 5 năm qua, chương trình PMP đã được duy trì tổ chức và có nhiều điểm cải tiến, hoàn thiện. Hoạt động xây dựng và phát triển đội ngũ quản lý dự án kế cận của Tập đoàn ngày càng được đón nhận, thể hiện qua sự gia tăng cả về số lượng và chất lượng ứng viên tham gia đánh giá phân hàm qua từng năm.

Năm 2022, chương trình đánh giá phân hàm PMO diễn ra từ tháng 11 với sự góp mặt của 161 ứng viên đến từ Công ty mẹ và 5 đơn vị thành viên. Trong đó, có 139 ứng viên tham gia đánh giá lần đầu và 22 ứng viên đánh giá nâng hàm. Kết thúc kỳ đánh giá, Hội đồng ghi nhận hơn 80% ứng viên mới được phân hàm, 15% ứng viên được tăng hàm và 2% ứng viên tham gia giữ nguyên hàm.

PMP 2022 khép lại đánh dấu chặng đường 5 năm không ngừng xây dựng và phát triển đội ngũ quản lý dự án kế cận ngày càng tinh nhuệ, dày dặn kinh nghiệm và không ngừng vươn lên, làm nền tảng vững chắc cho mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.





# DẤU ẤN FECON 2022



## 3 TRIỆU GIỜ LAO ĐỘNG AN TOÀN TRONG NĂM 2022

Năm 2022, FECON là một trong các nhà thầu chính đảm trách thi công loạt gói thầu tại các dự án xây dựng công nghiệp lớn như: Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4, Nhiệt điện Vũng Áng II,... Để có được sự tin tưởng của chủ đầu tư, FECON phải đảm bảo được những yêu cầu khắt khe không chỉ về chất lượng, tiến độ mà còn an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Trong đó, việc kiểm soát và đảm bảo tốt vấn đề an toàn lao động là một trong những yếu tố giúp FECON ghi điểm mạnh mẽ trong mắt chủ đầu tư. Cuối năm 2022, với tư cách là nhà thầu chính tại loạt dự án lớn, FECON vui mừng ghi nhận đạt 3 triệu giờ làm việc an toàn liên tục (tính từ ngày 1/1/2022) nhờ vào sự quyết tâm, giám sát chặt chẽ của các cá nhân, tập thể ban điều hành trên các công trường.

Kết quả này có được là nhờ FECON luôn chú trọng đề cao công tác an toàn ở từng dự án. Cùng với đó, chuỗi hoạt động, chương trình đào tạo nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn quản lý an toàn theo tiêu chuẩn ISO 45001-2018 và 14011-2015 cũng đã được triển khai đều đặn, xuyên suốt cho toàn thể cán bộ, quản lý an toàn thuộc hệ thống FECON. Ngoài ra, sự đầu tư, hỗ trợ, quan tâm từ phía Ban lãnh đạo Tập đoàn được xem là một trong những yếu tố quan trọng làm nên thành công trong công tác an toàn tại FECON.



## ĐỒNG HÀNH CÙNG NHIỀU HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI Ý NGHĨA, XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Mặc dù khủng hoảng kéo dài tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất – kinh doanh, tuy nhiên, trong suốt năm 2022 FECON vẫn thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua việc duy trì các hoạt động cộng đồng bằng các chương trình ý nghĩa như: Hoạt động đền ơn đáp nghĩa - Tổ chức thăm hỏi gia đình có công với Cách mạng nhân ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7, duy trì quỹ học bổng cho học sinh, sinh viên hoàn cảnh khó khăn có thành tích học tập xuất sắc tại Đại học Mở Địa chất, Đại học Thủy Lợi và Ý Yên - Nam Định, tổ chức chương trình hiến máu nhân đạo “Giọt hồng yêu thương” cùng chương trình an sinh xã hội “Áo ấm vùng cao”,...

Bên cạnh đó, Công ty vẫn duy trì các hoạt động nội bộ, phát triển văn hóa doanh nghiệp thu hút sự tham gia của hàng trăm Cán bộ công nhân viên toàn tập đoàn như: Hội thao FECON 2022 với chuỗi hoạt động thể thao nâng cao sức khỏe, gắn kết các cán bộ công nhân viên trong toàn hệ thống FECON. Trong đó, 02 Tour công trường tại 2 dự án lớn là Nhiệt điện Vũng Áng II và Nhơn Trạch 3&4 là 2 sự kiện nội bộ tiêu biểu, mở ra cơ hội giao lưu, gắn kết, tìm hiểu về văn hóa công ty đối với khối công trường. Đây cũng là dịp để Ban lãnh đạo Công ty ghi nhận các cá nhân xuất sắc, động viên tinh thần, tạo động lực cho anh em kỹ sư FECON quyết tâm đưa dự án về đích an toàn và đúng tiến độ bất chấp bối cảnh khó khăn trong năm vừa qua.



# 03

## VỮNG CHẮC NỀN MÓNG

- Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh
- Lịch sử phát triển công ty
- Sơ đồ tổ chức tập đoàn
- Các đơn vị thành viên
- Mô hình tổ chức và nhân sự
- Hội đồng Quản trị
- Ban Điều hành
- Ban Kiểm soát
- Chính sách nhân sự





# TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

## TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2025.

## SỨ MỆNH

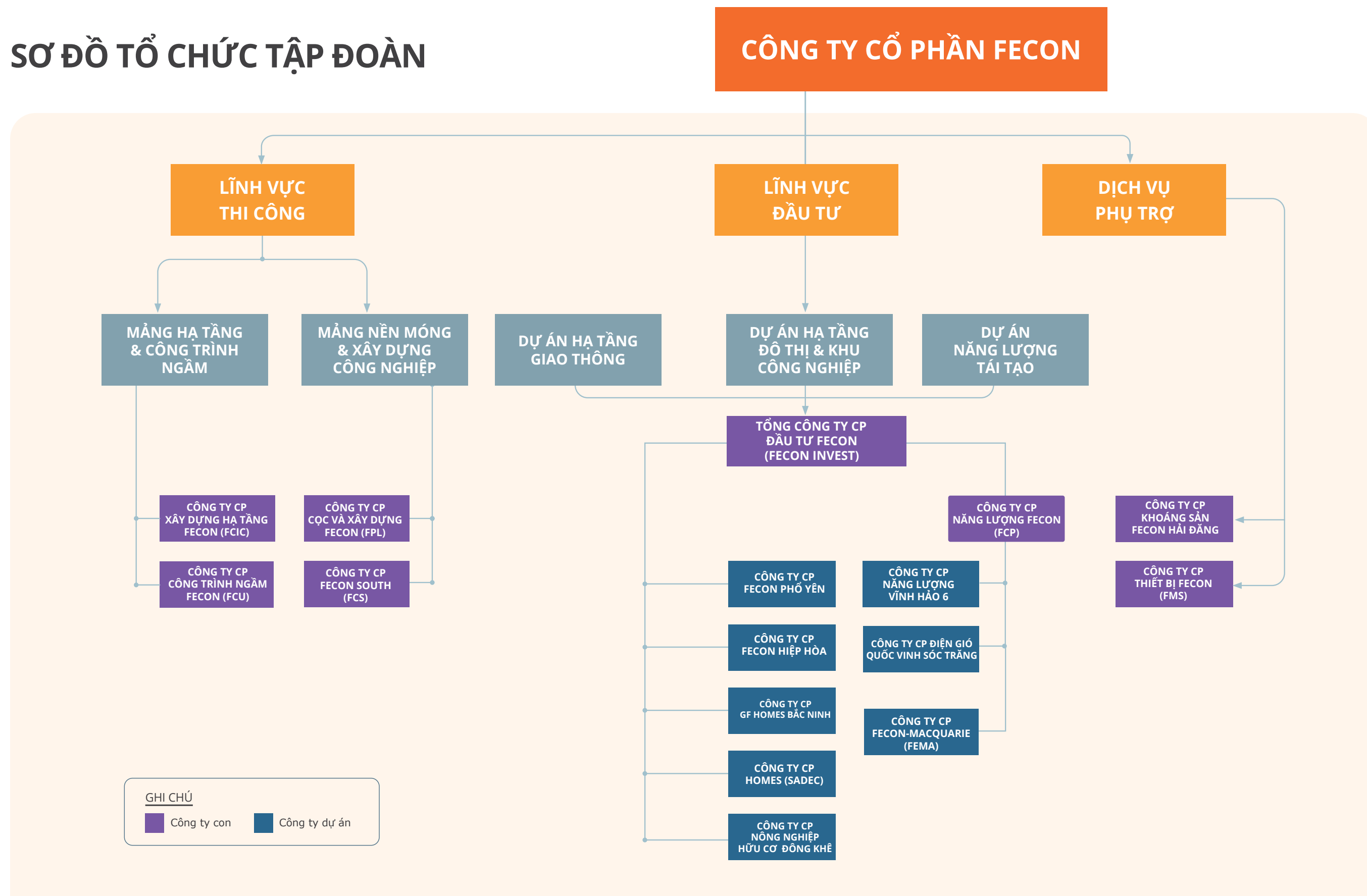
FECON không ngừng học hỏi, sáng tạo nhằm mang đến giá trị bền vững cho xã hội thông qua các hoạt động xây dựng và đầu tư dự án.

## TRIẾT LÝ KINH DOANH FECON

- Mọi hoạt động của Công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là: ích nước – lợi nhà;
- Mọi sản phẩm và dịch vụ dù là lớn hay nhỏ luôn làm thỏa mãn khách hàng;
- Chất lượng, hiệu quả, đúng hẹn để khắc ghi ấn tượng “Chuyên nghiệp” trong tâm thức của khách hàng;
- Tài sản quan trọng nhất của Công ty là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập;
- Văn hoá doanh nghiệp là niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng;
- Học tập, rèn luyện không ngừng để đổi mới và thích nghi là trách nhiệm của Công ty và của mỗi thành viên FECON.



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TẬP ĐOÀN



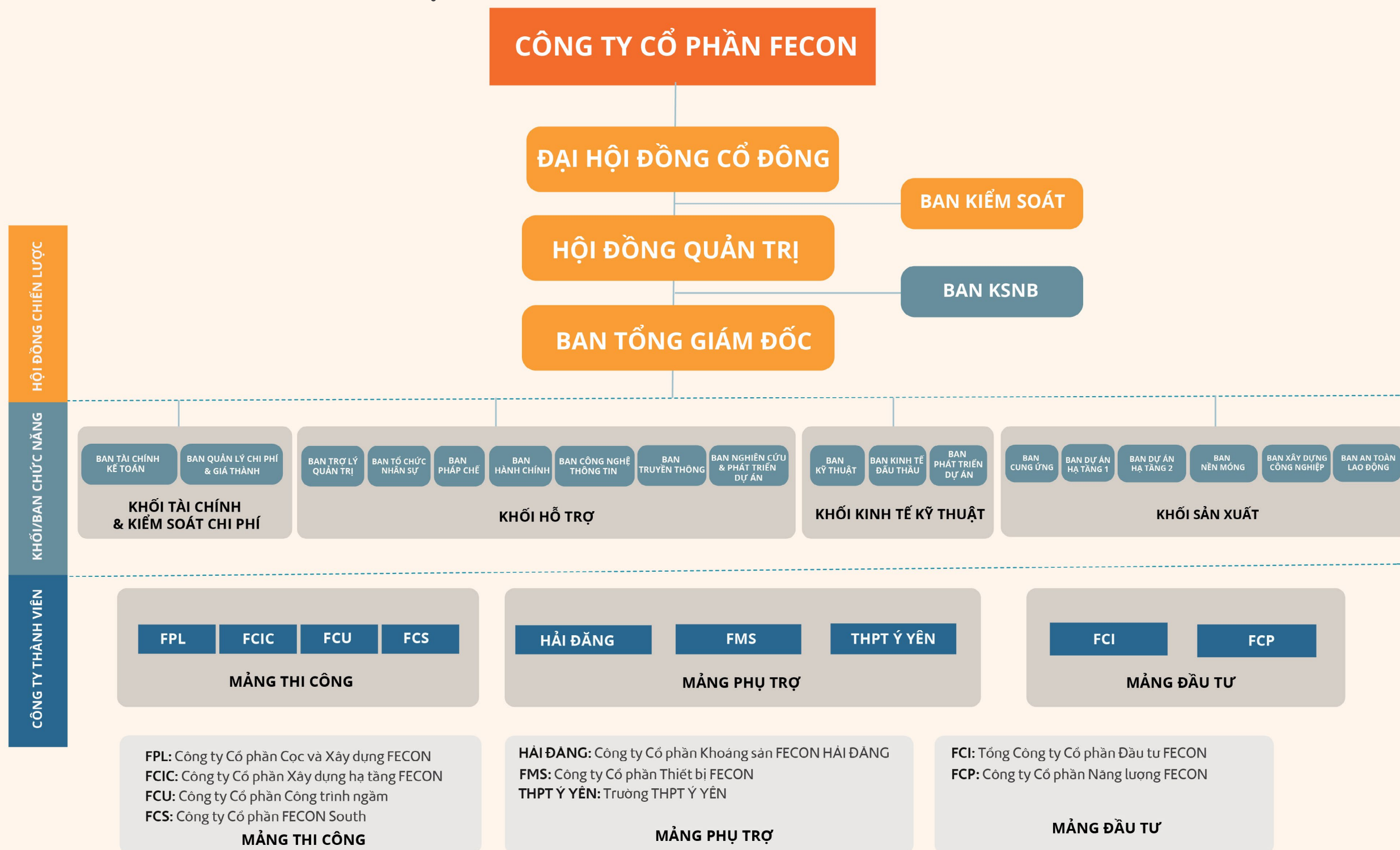
CÁC ĐƠN VỊ  
THÀNH VIÊN



STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN NĂM GIỮ	QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH
I Đầu tư vào các Công ty con						
1	Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần công trình ngầm FECON)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	86,14%	99,93%	94,12%
2	Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1 (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm		99,89%	93,40%
3	Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc		99,89%	93,40%
4	Công ty Cổ phần Cọc và xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	93,50%	93,50%	93,50%
5	FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%
6	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON (trước là Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
7	Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (trước là Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON)	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%
9	Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	57,90%	57,90%	57,90%
10	Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
11	Công ty CP Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Đầu tư FECON)	Hà Nội	Đầu tư các dự án năng lượng tái tạo	14,29%	99,99%	91,87%
12	Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh		97,22%	88,01%
13	FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%
14	Công ty CP Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	99,999%	99,999%	96,59%
15	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	99,997%	99,997%	95,85%
16	Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	100%	100%	100%
17	Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng và bán bê tông	100%	100%	99,56%
18	Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Năng lượng FECON và Công ty Cổ phần Năng lượng ECOTECH Việt Nam)	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.		51,00%	47,85%
19	Công ty Cổ phần GF Homes (tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Đồng Tháp	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
20	Công ty Cổ phần GF Homes Bắc Ninh (tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Bắc Ninh	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
II Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết						
1	Công ty Cổ phần FECON Miltec	Long An	Sản xuất sản phẩm từ plastic: bắc thăm, vải địa kỹ thuật và các sản phẩm khác từ plastic.		49,09%	49,09%
2	Công ty CP Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Hà Nội	Thi công xây dựng	49%	49%	28,4%
3	Công ty CP Hạ tầng Omega Fortune	Hà Nội	Thi công xây dựng	49,10%	49,10%	49,10%
4	Công ty CP Nguồn Nhân Lực Thanh Giang FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	48,83%	48,83%	48,83%
5	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Bắc Giang	Kinh doanh BDS	36,00%	36,00%	36,00%



# MÔ HÌNH TỔ CHỨC & NHÂN SỰ





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BAN KIỂM SOÁT



ĐỘI NGŨ  
LÃNH ĐẠO







## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Ông PHẠM VIỆT KHOA

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1973. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sỹ ngành Cơ học đất, Nền móng và Công trình ngầm; Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

**1994 - 1998:** Công tác tại Công ty xây dựng số 20 (LICOI 20).

**1999 - 2003:** Công tác tại Công ty Tư vấn và Thiết kế cầu lớn hầm (BRITEC).

**2003 - 2004:** Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng FECON.

**2004 - 2015:** Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc (sau là Tổng Giám đốc) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.

**2016 đến nay:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FECON.

Ông được vinh danh trong Top 10 Doanh nhân tiêu biểu của Việt Nam (Giải thưởng Sao Đỏ) năm 2014.



### Ông TRẦN TRỌNG THẮNG

Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam. Kỹ sư Địa chất công trình - Địa kỹ thuật. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Northwestern (Thụy Sĩ).

**1994 - 2002:** Công tác tại Công ty Xây dựng 20 – LICOI 20.

**2002 - 2004:** Công tác tại Công ty Tư vấn Thiết kế Công nghiệp & Đô thị VCC - Bộ Xây dựng.

**2004 - 2014:** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.

**2014 - 2017:** Quyền Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON.

**2017 - 2018:** Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON.

**11/2018 - nay:** Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty CP FECON.



### Bà NGUYỄN THỊ NGHIÊN

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1976. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sỹ Tài chính tại Đại học Kinh tế quốc dân

**07/2011 - 04/2015:** Phó Phòng kế toán Thống kê Tài chính Công ty viễn thông liên tỉnh

**05/2015 - 12/2016:** Trợ lý TGĐ về Tài chính Công ty Cổ phần FECON

**05/2015 - 09/2018:** Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON

**09/2018 - 08/2019:** Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON

**09/2019 - 4/2022:** Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON

**04/2022 - nay:** Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần FECON

(\* )Thành viên HĐQT bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022



### Ông NGUYỄN TRẦN ĐĂNG PHƯỚC

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1973. Quốc tịch Việt Nam. Cử nhân quản trị kinh doanh

**7/2017-11/202:** Thành viên HĐQT

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)

**12/2011-04/2018:** Tổng Giám đốc Công ty TNHH Beiersdofr Việt Nam

**04/2019-nay:** Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thiết bị điện (THIBIDI)

**04/2021 - nay:** Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Đỏ, Ủy viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

(\* )Thành viên HĐQT bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp)



### Ông SATOYUKI YAMANE

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1967. Quốc tịch Nhật Bản.  
Cử nhân Kinh tế

**1991 - 2018:** Trưởng Phòng Phát triển kinh doanh, Giám đốc Phát triển kinh doanh, Giám đốc Kế hoạch kinh doanh tại Raito Kogyo Co., Ltd,

**2018 - nay:** Giám đốc Khối nước ngoài tại Raito Kogyo Co., Ltd

**4/2019 - nay:** Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON



### Ông NGUYỄN HỮU THÁI HÒA

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1969. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ Ngành Quản trị Kinh doanh tại Đại học CEIBS

**1994 - 1997:** Kỹ sư Thiết kế nội thất & kiến trúc tại Tập đoàn Thiết kế Eppstadt, Toronto, Canada.

**1997 - 2001:** Giám đốc Bộ phận Phương pháp & Chất lượng công nghiệp tại Công ty TNHH Schneider Electric Việt Nam.

**2001 - 2005:** Giám đốc Bộ phận Thí điểm Quốc tế Công ty TNHH Schneider Electric Pháp.

**9/2005 - 2008:** Giám đốc Phương pháp & Hệ thống Chất lượng Giải pháp kinh doanh điện Schneider Hồng Kông - SEBS HK Limited. Bộ phận điều hành châu Á Thái Bình Dương.

**3/2008 - 10/2010:** Cố vấn chất lượng cấp cao của Bộ trưởng Bộ Khoa học & Công nghệ (MOST), Việt Nam.

**1999 - 2009:** Kiểm toán viên trưởng (Chứng nhận Kiểm toán viên quốc tế) Kiểm toán tư vấn trưởng của BVQI).

**1/2011 - 9/2015:** Giám đốc chiến lược tại FPT Group.

**9/2015 - 06/2016:** Giám đốc CTS (Trung tâm khoa học tư duy) Trung tâm khoa học và công nghệ.

**06/2016 - 05/2018:** Phó Chủ tịch Hội đồng chiến lược VNPT - Kiêm Giám đốc chiến lược.

**6/2017 - nay:** Chủ tịch của iBOSSSES VIETNAM.

**6/2018 - nay:** Giám đốc chiến lược VN DIRECT Việt Nam

**4/2019 - nay:** Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON,

(\*\*\*)Thành viên HĐQT độc lập



### Ông HÀ THẾ LỘNG

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1953. Quốc tịch Việt Nam.  
Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm kỹ thuật - Điện Xí nghiệp.

**1983 - 1987:** Quản đốc phân xưởng mạ Công ty Điện cơ thống nhất.

**1987 - 1991:** Quản lý lao động tại NM dệt Cherocatsu thuộc Liên Xô (cũ).

**2004 - 2007:** Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.

**2007 - 2010:** Giám đốc Công ty TNHH Cọc bê tông Dự ứng lực FECON.

**2010 - 2014:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.

**11/2018 - nay:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị FECON

**Hiện nay:** Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON.

(\*\*\*)Thành viên HĐQT độc lập

## BAN KIỂM SOÁT



### Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

Trưởng Ban

Sinh năm 1987. Quốc tịch Việt Nam  
Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kiểm toán - Đại học Kinh tế Quốc dân

**2010 - 2013:** Trưởng nhóm kiểm toán và tư vấn kế toán Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Doanh nghiệp KTC

**2013 - 2015:** Chuyên viên kiểm toán nội bộ CTCP Bảo hiểm Hàng không (VNI)

**2015 - 2016:** Thành viên B CTCP Bảo hiểm Hàng không (VNI)

**2016 - 2020:** Trưởng nhóm kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần FECON.

**2020 - 2021:** Phó Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ Công ty Cổ phần FECON.

**2021 - đến nay:** Trưởng Ban kiểm soát Nội bộ Công ty Cổ phần FECON.

\* Ngày 28/4/2022 Thông qua việc đề cử và bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Lan Hương làm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần FECON nhiệm kỳ 2019 - 2024.



### Ông TRẦN CÔNG TRÁNG

Thành viên BKS

Sinh năm 1976. Quốc tịch Việt Nam.  
Cử nhân Kinh tế tại trường Đại học

**01/2000 - 12/2002:** Phụ trách Phòng Kế toán Chi nhánh Công ty Vận tải và Xây dựng đường thủy nội địa.

**01/2003 - 05/2008:** Kế toán Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 22- Tổng công ty HANDICO - Kiêm Kế toán trưởng Xí nghiệp xây dựng 5.

**1/2008 - 6/2011:** Phó phòng kế toán Công ty xây dựng số 3 Hà Nội - Tập đoàn BRG. Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Nhiệt Đới.

**T7/2011 - T7/2013:** Phó Giám đốc Công ty TNHH Việt Lâm.

**07/2013 - 10/2014:** Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty kiểm toán Vietin.

**2018 - 2/2019:** Trưởng phòng kế toán tại Công ty CP Tư vấn kỹ thuật Hạ tầng Golden Earth

**2/2019 đến nay:** Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

**4/2019 đến nay:** Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần FECON.



### Ông NGUYỄN TIẾN THÀNH

Thành viên BKS

Sinh năm 1991. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ Kinh tế (chuyên ngành: Kế toán) - Học viện Tài chính

**2013 - 2014:** Trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính quốc tế IFC.

**2014 - 2015:** Trưởng nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

**2015 - 2018:** Trưởng nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.

**4/2019 đến nay:** Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần FECON.



## BAN ĐIỀU HÀNH



### Ông NGUYỄN VĂN THANH

**Tổng Giám đốc**

Sinh năm 1980. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ xây dựng tại Đại học công nghệ Nanyang (NTU).

**2003 - 2005:** Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà Hà Nội.  
**2005 - 2006:** Công tác tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam Lilama.  
**2006 - 2009:** Trợ lý Giám đốc dự án - Tập đoàn Kỹ thuật và Xây dựng Kim Seng Heng - Singapore.  
**2009 - 2011:** Tư vấn Trưởng dự án - Công ty Tư vấn CPG Singapore Ltd.  
**2011 - 2017 :** Giám đốc kinh doanh - Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.  
**2017:** Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần FECON.



### Ông NGUYỄN QUỐC BẢO

**Phó Tổng Giám đốc thường trực**

Sinh năm 1985. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ kỹ thuật và công nghệ chuyên ngành Xây dựng tại Liên bang Nga  
(Trường Đại Học Quốc Gia Tam BỐ)

**2011 - 2012:** Kỹ sư thiết kế - Công ty VSL Việt Nam  
**2012 - 2013 :** Phó Giám đốc kế hoạch - Công ty Forio JSC  
**2013 - 2018:** Chỉ huy trưởng, Đội trưởng đội QLDA, Trưởng Ban Dự án 2 Công ty Cổ phần FECON  
**2018 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần FECON.



### Ông NGUYỄN THANH TÙNG

**Phó Tổng giám đốc**

Sinh năm 1981. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Schidler College of Business

**2004 - 2005:** Kỹ sư Xây dựng - Công ty TNHH Tư vấn thiết kế CIMAS/CTCI  
**2005 - 2014:** Kỹ sư Xây dựng Vamed Engineering GMBH & Co.  
**2015:** Quản lý dự án - Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA  
**2016 - 2018:** Giám đốc điều hành - Công ty Hạ tầng Econs Việt Nam  
**10/2018 - 11/2019:** Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng công nghiệp  
**12/2019 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Xây dựng công nghiệp 2, Trưởng Ban Kỹ thuật Công ty Cổ phần FECON.



### Ông LÊ QUANG HANH

**Phó Tổng giám đốc**

Sinh năm 1978. Quốc tịch Việt Nam.  
Phó Giáo sư ngành Giao thông vận tải. Tiến sĩ kỹ thuật Trường Đại học Kỹ thuật Tổng hợp Darmstadt (Đức)

**2000-2003:** Công tác tại Công ty tư vấn Thăng Long - Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long  
**2003-2010:** Giảng viên Trường Đại học Giao thông Vận tải  
**2006-2009:** Trợ lý nghiên cứu - Đại học Technische Universitaet Darmstadt (Đức)  
**2011-2014:** Viện Trưởng Viện Nền móng và Công trình ngầm FECON  
**2015 - nay:** Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON.  
**Từ tháng 4/2017 đến nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON



### Ông TẠ CÔNG THANH VINH

**Phó Tổng giám đốc**

Sinh năm 1985. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ Địa chất công trình Trường

**2010 - 2013:** Quản lý Kỹ thuật tại Menard SNC  
**2013 - 2014:** Trưởng phòng Đại diện phía Nam, Chỉ huy trưởng/ Giám đốc Dự án Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON  
**2014 - 2016:** Giám đốc kỹ thuật - Công ty Cổ phần FECON  
**2016 - 2019:** Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Giám đốc Công ty Cổ phần FECON South  
**Hiện nay:** Ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON



### Ông ĐỖ MẠNH CƯỜNG

**Phó Tổng giám đốc**

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.  
Tốt nghiệp ngành Xây dựng cầu hầm - Đại học GTVT

**2000 - 2003:** Kỹ sư thiết kế - Công ty CP TVTK Cầu lớn hầm - TEDI  
**2003 - 2005:** Kỹ sư cầu - Liên doanh tư vấn Nippon Koei - TEDI  
**2005 - 2007:** Trưởng nhóm kỹ sư Việt nam mảng kết cấu Cầu, cống, công trình trên biển.  
**08/2007 - 09/2008:** Kỹ sư thiết kế Công ty CP TVTK cầu lớn Hầm - TEDI  
**10/2008 - 09/2010:** Phó kỹ sư thường trú (trưởng nhóm kỹ sư Việt nam) - Liên danh tư vấn OC - TEDI - APECO  
**09/2010 - 10/2014:** Phó trưởng phòng Cầu 4 - Công ty CP TVTK Cầu lớn Hầm TEDI  
**10/2014 - 07/2016:** Trưởng phòng Kinh tế - kỹ thuật - Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC  
**07/2016 - 07/2019:** Phó giám đốc - Công ty CP Hạ tầng FECON  
**07/2019 - 05/2020:** Giám đốc Công ty CP Hạ tầng và phát triển đô thị FECON  
**06/2020 - Nay:** Phó Tổng giám đốc - Công ty CP FECON.



## BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp)



**Bà NGUYỄN THỊ NGHIÊN**  
Giám đốc Tài chính

Sinh năm 1976. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ Tài chính tại Đại học Kinh tế  
quốc dân

**07/2011 - 04/2015:** Phó Phòng kế toán Thống kê Tài  
chính Công ty viễn thông liên tỉnh

**05/2015 - 12/2016:** Trợ lý TGD về Tài chính Công ty  
Cổ phần FECON

**05/2015 - 09/2018:** Phó Giám đốc Công ty Cổ phần  
Hạ tầng FECON

**09/2018 - 08/2019:** Kế toán trưởng Công ty Cổ phần  
FECON

**09/2019 - 4/2022:** Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán  
trưởng Công ty Cổ phần FECON

**04/2022 - nay:** Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần  
FECON



**Ông PHẠM VĂN TÙNG**  
Kế toán trưởng

Sinh năm 1987. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ Kinh tế tài chính - Ngân hàng  
tại Đại học Kinh tế quốc dân

**06/2011 - 06/2017:** Kế toán viên Công ty Cổ phần  
ACC-244 thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình  
hàng không ACC, Bộ Quốc phòng

**07/2017 - 03/2019:** Kế toán ngân hàng Công ty  
Cổ phần FECON

**05/2019 - 11/2021:** Kế toán trưởng Công ty Cổ phần  
Thi công cọc FECON số 1

**11/2021 - 03/2022:** Phó ban Tài chính kế toán  
Công ty Cổ phần FECON

**04/2022 - nay:** Kế toán trưởng Công ty  
Cổ phần FECON

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



# CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ & PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ



## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ

**Tóm tắt chính sách nhân sự và các điều chỉnh trong chính sách đối với người lao động trong chính sách nhân sự:**

Song song với việc phát triển kinh doanh, FECON luôn chú trọng ổn định và phát triển các nguồn lực nội bộ trong đó có nguồn lực về nhân sự. Các chính sách đối với người lao động tập trung xây dựng các chính sách về lương, thưởng, phúc lợi phù hợp và cạnh tranh với thị trường nhằm thu hút, khích lệ và động viên người lao động, ghi nhận sự đóng góp của cá nhân đối với tổ chức đồng thời thiết lập hệ thống đánh giá nhằm đảm bảo việc chi trả chế độ chính xác, công bằng.

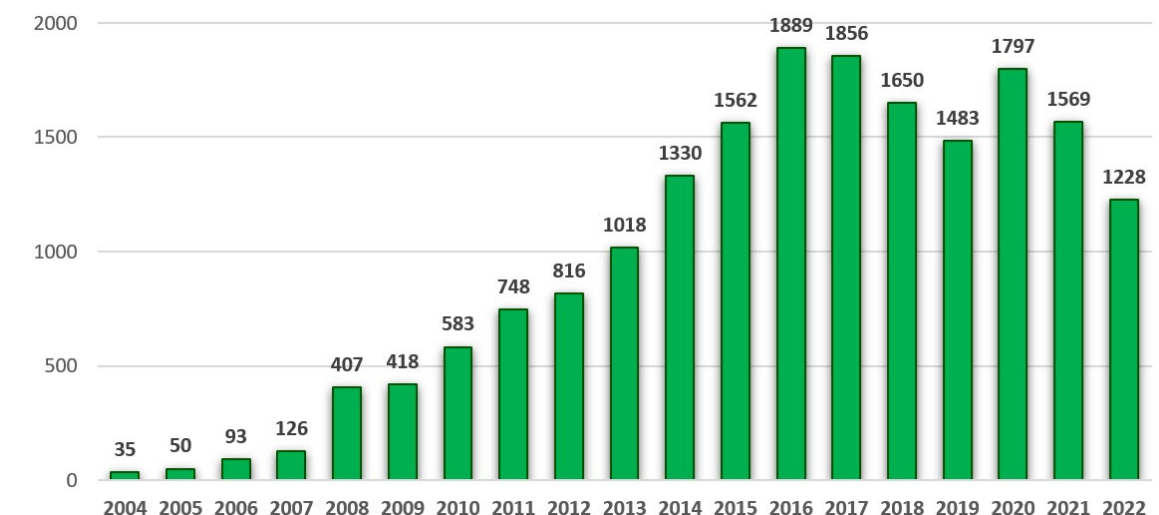
Trong năm 2022, FECON tiếp tục có những điều chỉnh kịp thời trong chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy năng suất và đóng góp của người lao động, trong đó chính sách thu nhập dành cho khối quản lý dự án tiếp tục được nghiên cứu cải tiến với cơ chế lương thưởng rõ ràng. Chính sách nhân sự mới cũng đã được sửa đổi bổ sung và ban hành bản cập nhật của năm 2022, sau 01 năm ban hành chính sách nhân sự mới từ 2021 và bổ sung thêm nội dung Chính sách phòng chống tham nhũng để đảm bảo tính minh bạch và phát triển bền vững của FECON.

Cùng với đó, Ban lãnh đạo luôn coi trọng và đầu tư cho các công tác về đào tạo, coi đào tạo phát triển là một trong những chiến lược nhân sự cốt lõi nhằm phát triển doanh nghiệp bền vững. Năm 2022, mô hình học tập trong toàn tập đoàn được đẩy mạnh, không chỉ gắn kết người lao động với tổ chức mà còn là động lực thúc đẩy người lao động phát triển bản thân. Các chương trình đào tạo phát triển đã và đang được xây dựng đang có những kết quả bước đầu như: Nâng cao chất lượng

đội ngũ thể hiện rõ trong năng suất và hiệu quả công việc được nâng cao, khả năng thích ứng với những thay đổi của tổ chức đặc biệt trong giai đoạn đang mở rộng thêm phạm vi và các loại hình kinh doanh, đồng thời đào tạo nhóm nhân sự tiềm năng trở thành nhóm nguồn lực kế cận nhằm đảm bảo tính ổn định của tổ chức. Năm 2022 là năm mà toàn bộ hoạt động kinh tế xã hội vẫn khó khăn, từng bước thích ứng, thay đổi để khôi phục sau sự ảnh hưởng sâu sắc của dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, FECON vẫn duy trì Quý Nghĩa tình đồng đội, các hoạt động an sinh, trách nhiệm xã hội của Công ty đối với từng cá nhân và gia đình người lao động (ngày Thương binh liệt sỹ 27/7, gia đình khó khăn), các hoạt động đoàn thể (nhân dịp 08/03, 20/10, Tết Thiếu nhi...), các chương trình tôn vinh cá nhân, tập thể (thưởng danh hiệu, thưởng sáng kiến...). Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục duy trì các chương trình nhằm bảo vệ sức khỏe của cán bộ nhân viên, đồng hành cùng với các chương trình phòng chống Covid-19 của Chính phủ như: Tuyên truyền, hướng dẫn và nhắc nhở cán bộ nhân viên về việc tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch, hướng dẫn cách ly, chăm sóc sức khỏe theo hướng dẫn của Bộ Y tế, mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ cho các vị trí Lãnh đạo quản lý trong năm 2022.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước liên quan đến người lao động.

### Tổng số lượng lao động đến thời điểm 31/12/2022



Tổng số nhân sự tại FECON năm 2022 là 1.228 người, giảm 15% so với năm 2021 do thực hiện triển khai tái cấu trúc một số đơn vị theo hướng tinh gọn đội ngũ nhân sự, tăng năng suất lao động.



# 04

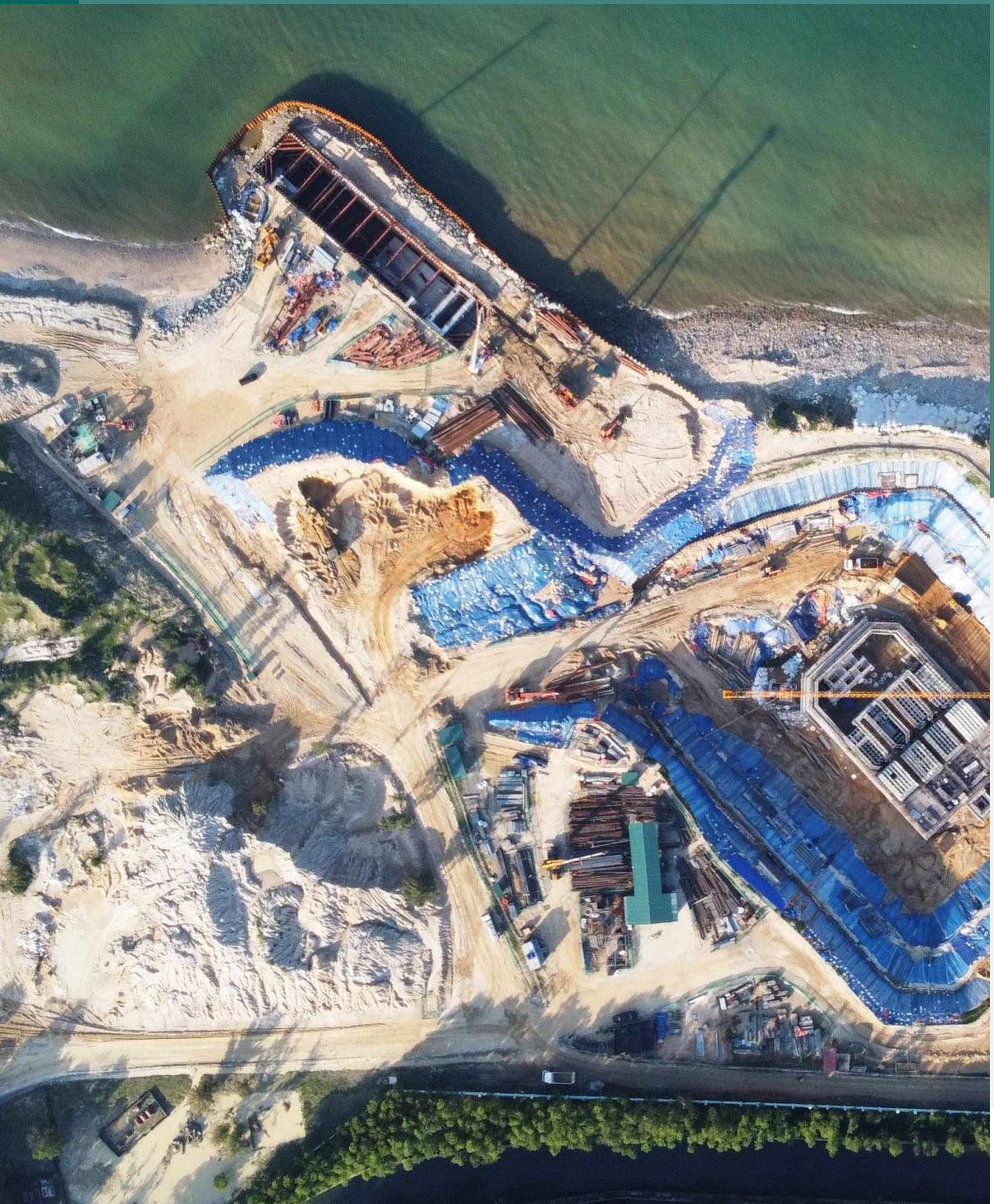
## VỮNG VÀNG VƯỢT SÓNG LỚN

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về Tổng quan hoạt động kinh doanh
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty
- Báo cáo của Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
- Báo cáo rủi ro





# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN



## 1. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### 1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây dựng nói riêng như đã nói ở trên. Đây được coi là bão táp thử thách khả năng sinh tồn và khả năng thích nghi của các doanh nghiệp.

Trong bối cảnh khó khăn với những biến động khách quan khó lường của thị trường như vậy, kết quả doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2022 giảm lần lượt 13%, 27% so với cùng kỳ và không đạt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua, nhưng kết quả này cũng đã thể hiện sự nỗ lực, cố gắng đáng ghi nhận của Ban Tổng Giám đốc FECON trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Bên cạnh đó, mảng đầu tư trong năm 2022 cũng là điểm sáng, tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ hơn của lĩnh vực này trong những năm sắp tới, cụ thể: FECON đã nhận được quyết định trở thành Chủ Đầu tư cho 02 dự án: Dự án Cụm Công nghiệp Danh Thắng - Đoàn Bái tại Bắc Giang diện tích 75 ha; Dự án khu đô thị Nam Thái (Square City) tại Phố Yên - Thái Nguyên diện tích 24 ha và thực hiện chuyển nhượng thành công Dự án Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6.

Ngoài ra, dấu ấn trong năm 2022 còn được ghi nhận qua việc FECON liên tục ghi tên mình tại hàng loạt giải thưởng uy tín như: đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam 2022 cho lĩnh vực “Xây dựng hạ tầng ngầm”, TOP 10 Công ty uy tín ngành Xây dựng – Vật liệu xây dựng do VNR bình chọn, TOP 50 Doanh nghiệp có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn 2022 (trong đó, FECON xếp vị trí TOP 4 Doanh nghiệp trong ngành Xây dựng), TOP 3 Doanh nghiệp tiêu biểu có nguồn nhân lực hạnh phúc 2022, TOP 10 Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động.

### 2. Tình hình tài chính

#### 2.1. Tình hình tài sản

Biến động tài sản của Công ty

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2022	% TĂNG/GIẢM
Tài sản ngắn hạn	5.062.620.383.406	5.235.382.974.606	3,4
Tài sản dài hạn	2.433.084.195.177	2.345.591.035.453	-3,60
Tổng tài sản	7.495.704.578.583	7.580.974.010.059	1,1

Tài sản ngắn hạn tăng 172,8 tỷ (+3,4%) chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn tăng 408,6 tỷ (+14,5%) so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, chỉ tiêu hàng tồn kho chưa có sự cải thiện so với cùng kỳ do một số hạng mục sản lượng thi công của Công ty chưa được chủ đầu tư/tổng thầu nghiệm thu, một phần nguyên nhân cũng bởi tình hình thị trường khó khăn đã tác động đến tình hình tài chính của các đơn vị này. Công ty hiện đang tích cực triển khai các giải pháp đẩy mạnh tiến độ nghiệm thu để giảm giá trị hàng tồn kho và đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn.

Tài sản dài hạn trong kỳ giảm 87,5 tỷ (-3,6%) chủ yếu là do tài sản cố định giảm 89,7 tỷ (-4,8%), nguyên nhân là do khấu hao của tài sản cố định hữu hình trong năm làm giảm giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình trong khi với tình hình khó khăn về thị trường xây dựng nên Công ty đầu tư tăng mới giá trị không đáng kể.

#### 2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% Tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	3.365.479.978.631	3.152.094.491.474	-6,3
Nợ dài hạn	1.201.043.299.905	945.555.085.715	-21,3
<b>Nợ phải trả</b>	<b>4.566.523.278.536</b>	<b>4.097.649.577.189</b>	<b>-10,3</b>

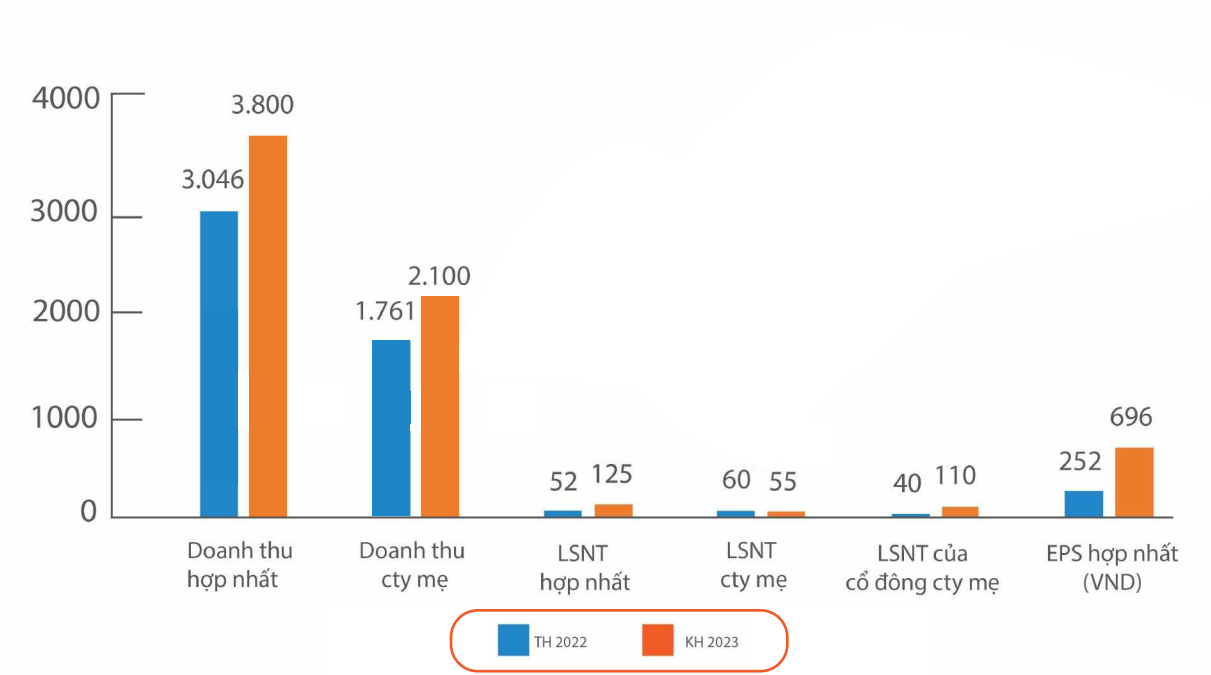
Nợ ngắn hạn trong kỳ giảm 213,4 tỷ (-6,3%) chủ yếu do Phải trả người bán ngắn hạn giảm 339,1 tỷ (-32,3%) và Chi phí phải trả ngắn hạn giảm 308,2 tỷ (-66,1%) do tại thời điểm 31/12/2022 nhiều dự án lớn của Công ty đã cơ bản hoàn thành, Công ty đã thực hiện thanh toán cho các thầu phụ, nhà cung cấp. Nợ dài hạn trong kỳ giảm 255,5 tỷ (-21,3%) nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2022 công ty đã thanh toán một phần các khoản vay dài hạn từ các tổ chức tín dụng đã phát sinh từ các năm trước.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đang từng bước hoàn thiện cấu trúc doanh nghiệp theo định hướng chiến lược Tập đoàn 2020-2025. Nổi bật là việc tái cấu trúc các công ty thành viên, rà soát và tinh gọn bộ máy Công ty như: sáp nhập 3 Ban nền móng vào thành Ban Nền móng; sáp nhập Ban Xây dựng dân dụng công nghiệp 1 vào Ban Xây dựng công nghiệp 2 và đổi tên thành Ban Xây dựng công nghiệp; sáp nhập Văn phòng phía nam vào Công ty Cổ phần FECON South (FCS) và tái cấu trúc Công ty FCS;...

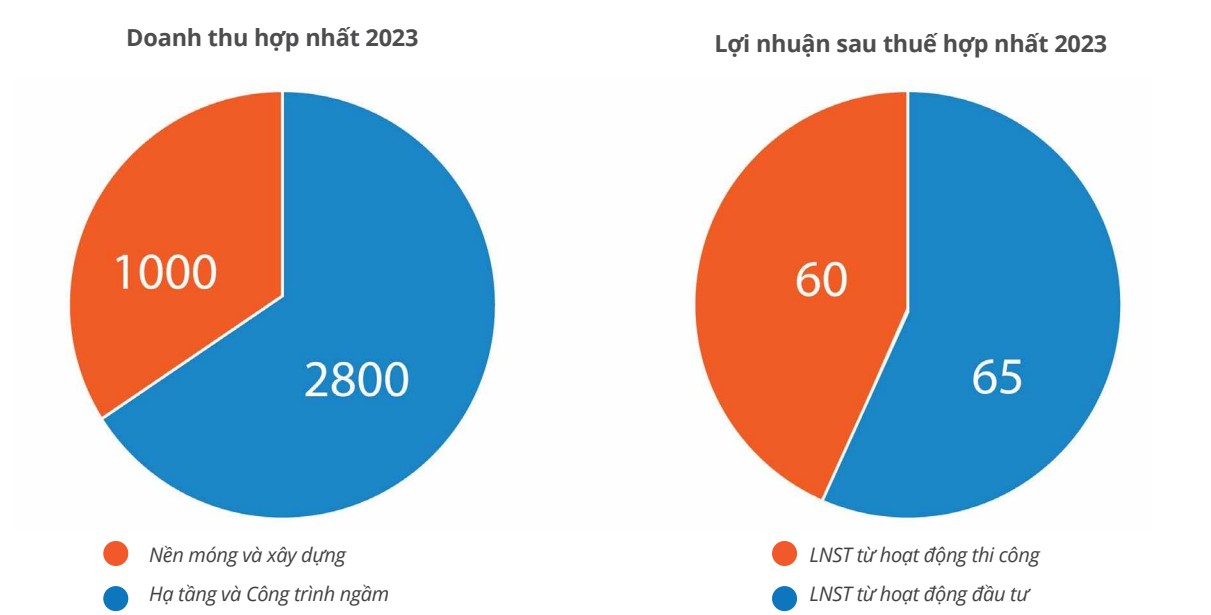


4. Kế hoạch kinh doanh năm 2023



Kế hoạch kinh doanh theo mảng (Tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2022
Doanh thu hợp nhất Tập đoàn	tỷ đồng	3,800
Mảng Nền móng và Xây dựng	tỷ đồng	2,800
Mảng Hạ tầng và Công trình ngầm	tỷ đồng	1,000
Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất Tập đoàn	tỷ đồng	125
LNST từ hoạt động thi công	tỷ đồng	65
LNST từ hoạt động đầu tư	tỷ đồng	60





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN



### 1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

#### 1.a Công tác điều hành & tổ chức

Mặc dù bối cảnh nền kinh tế năm 2022 có nhiều khó khăn nhưng hoạt động điều hành Tập đoàn được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị và đảm bảo tính ổn định liên tục. Công tác điều hành và phát triển tổ chức được thực hiện theo định hướng chiến lược đã đề ra cho giai đoạn 2020-2025 và đã được rà soát, cập nhật kế hoạch trung hạn cho giai đoạn 2023-2025 với mục tiêu trở thành Tập đoàn hàng đầu về xây dựng và phát triển hạ tầng tại Việt Nam.

Trong năm 2022, Tập đoàn đã vận hành doanh nghiệp dựa trên các mảng kinh doanh chính và tiếp tục đẩy mạnh các công tác quản trị tập trung các chức năng kinh doanh, cung ứng, tài chính, quản trị nhân sự và xây dựng thương hiệu, phát triển văn hóa doanh nghiệp. Mảng đầu tư trong năm đạt được kết quả đáng khích lệ, đặc biệt trong công tác phát triển dự án.

Năm 2022, FECON đã ký kết 3.500 tỷ đồng giá trị hợp đồng mới, trong đó nổi bật với các dự án lớn, trọng điểm như: Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2 Hà Tĩnh, Dự án Nhiều Lọc – Thị Nghè TP HCM; Dự án cảng Lạch Huyện 5-6 Hải Phòng; Dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3-4 Đồng Nai; dự án Tổ hợp thép Hòa Phát Dung Quất giai đoạn 2 tại Quảng Ngãi,... Trong bối cảnh mà các Khách hàng, Chủ đầu tư cũng gặp rất nhiều khó khăn, số lượng dự án triển khai ít và quá trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện rất khắt khe thì giá trị các hợp đồng FECON đã ký kết mặc dù chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng đã thể hiện được sự ghi nhận và đánh giá cao của khách hàng về năng lực của FECON trên thị trường xây dựng, đặc biệt tại các dự án lớn có yêu cầu đặc biệt về chất lượng.

#### 1.b Hoạt động kinh doanh

Các yếu tố ảnh hưởng khách quan đến từ nền kinh tế, thị trường bất động sản và thị trường tài chính đã ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường xây dựng như đã nêu trên là nguyên nhân căn bản tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của FECON. Kết thúc năm 2022, tổng tài sản FECON đạt 7.581 tỷ đồng, doanh thu hợp nhất 3.046 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất 52 tỷ đồng.



**Về lĩnh vực thi công:** Với các khó khăn về nguồn việc, trong năm Tập đoàn đã và đang thực hiện thi công các Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2 Hà Tĩnh, Dự án Nhiều Lọc – Thị Nghè TP HCM; Dự án cảng Lạch Huyện 5-6 Hải Phòng; Dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3-4 Đồng Nai; dự án Tổ hợp thép Hòa Phát Dung Quất giai đoạn 2 tại Quảng Ngãi,... Chi phí đầu vào tăng cao dẫn đến hiệu quả của hầu hết các dự án không đạt lợi nhuận kế hoạch, thậm chí có những gói thầu bị lỗ. Đặc biệt một số dự án FECON đã ký hợp đồng nhưng chưa triển khai trong năm 2022 do chưa giải phóng mặt bằng hoặc chưa thu xếp được nguồn vốn như dự án Metro Line 3 Hà Nội gói thầu đào hầm và xử lý nền các ga ngầm, dự án nước thải Yên Xá Hà Nội gói thầu xử lý nền và đào các hố ga ngầm, dự án Khách sạn Đông Hương Thanh Hóa, dự án Khách sạn Golden Đà Lạt Lâm Đồng,...

Với tình hình thực hiện dự án đầy khó khăn như trên, dẫn đến FECON chỉ hoàn thành 61% kế hoạch doanh thu hợp nhất, 57% kế hoạch doanh thu Công ty mẹ, 19% kế hoạch lợi nhuận sau thuế hợp nhất và 75% kế hoạch lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ, chỉ tiêu EPS hợp nhất chỉ đạt 15% so với kế hoạch.

**Về lĩnh vực đầu tư:** Những nỗ lực từ mảng đầu tư từ nhiều năm trước đã bắt đầu có thành quả và đã đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2022. FECON đã thành công trong việc nhận được quyết định trở thành Chủ Đầu tư cho 02 dự án: Dự án Cụm Công nghiệp Danh Thắng - Đoàn Bái tại Bắc Giang diện tích 75 ha; Dự án khu đô thị Nam Thái (Square City) tại Phố Yên - Thái Nguyên diện tích 24 ha và đã thực hiện chuyển nhượng thành công Dự án Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 theo kế hoạch để thu về lợi nhuận cho Tập đoàn và sẵn sàng triển khai các dự án đầu tư mới. Dự kiến từ năm 2023 và các năm tiếp theo, lĩnh vực đầu tư sẽ có đóng góp đặc biệt cho kết quả kinh doanh của Tập đoàn với việc tham gia đầu tư tại các Dự án mới tập trung trong 3 lĩnh vực chính, bao gồm: Các dự án năng lượng tái tạo; Các dự án đô thị và khu công nghiệp; Các dự án hạ tầng giao thông.





2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Mặc dù các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận FECON không đạt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua nhưng Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn đã có nhiều nỗ lực xử lý các tồn tại, khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó, bao gồm:

2.1. Đối với công tác vận hành tổ chức:

Từng bước hoàn thiện cấu trúc doanh nghiệp theo định hướng chiến lược Tập đoàn giai đoạn 2020-2025; bước đầu triển khai các hành động chiến lược ưu tiên, đặt nền móng cho năm bản lề tiến đến sự phát triển của Tập đoàn giai đoạn mới. Nổi bật là việc rà soát, tinh gọn bộ máy Tập đoàn như: sáp nhập 3 Ban nền móng vào thành Ban Nền móng; sáp nhập ban Xây dựng dân dụng công nghiệp 1 vào Ban Xây dựng công nghiệp 2 và đổi tên thành Ban Xây dựng công nghiệp; sáp nhập Văn phòng phía nam vào Công ty Cổ phần FECON South (FCS) và tái cấu trúc Công ty FCS;...

Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, duy trì các buổi họp giao ban định kỳ, các chỉ đạo đưa ra kịp thời và có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn đã tuân thủ đúng phân cấp thẩm quyền quy định tại Điều lệ, quy chế quản trị, các quy chế nội bộ và các quyết định của Hội đồng quản trị

Hoạt động vận hành doanh nghiệp nói chung đang ở mức độ tuân thủ, chưa đạt mức độ tối ưu hiệu quả. Vì vậy, yêu cầu trong năm 2023 Ban Tổng Giám đốc cần phối hợp tốt hơn, đặc biệt trong phối hợp sản xuất giữa công ty mẹ với công ty con, giữa các công ty con với nhau và công tác quản trị tập trung một số chức năng chính; chỉ có phối hợp nhịp nhàng, trơn tru kịp thời, đúng người đúng việc mới huy động được tối ưu nguồn lực của Tập đoàn, để tăng đột biến năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

2.2. Đối với công tác phát triển kinh doanh

Duy trì vị thế dẫn đầu của mảng kinh doanh cốt lõi là nền móng & ngầm, từng bước chuyển dịch sang mô hình Nhà thầu chính/Tổng thầu mảng xây dựng công nghiệp và hạ tầng nói chung; đã cùng với đối tác chiến lược bước ra thị trường khu vực bằng năng lực, thế mạnh của Tập đoàn. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã phát huy tốt uy tín công ty và mối quan hệ của cá nhân để phát triển thành công một số dự án theo mảng phụ trách, kết quả này cũng thể hiện tính đúng đắn của hệ thống phân quyền theo mảng dự án. Công tác đấu thầu dự án được thực hiện chuyên nghiệp, chặt chẽ nhưng tỷ lệ trúng thầu chưa cao do khâu sàng lọc dự án ngay từ đầu còn thiếu hiệu quả, giá thầu chưa cạnh tranh, Ban Tổng Giám đốc cần cải thiện mạnh công tác này trong năm tới để tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao cơ hội trúng thầu và doanh thu, lợi nhuận cho Tập đoàn;

Bên cạnh các dự án kinh doanh đã và đang phát triển, năm 2023 Ban Tổng Giám đốc cần mạnh mẽ mở rộng tầm nhìn sang các thị trường lân cận như Campuchia, Lào, Philippines, Đài Loan để có thể phát triển và thực hiện các dự án FECON có ưu thế tại các thị trường này, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn.

2.3. Đối với công tác quản lý dự án:

Áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí dự án hiệu quả, tối đa hoá các ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa biện pháp thi công tại các dự án để đảm bảo an toàn chất lượng và chi phí dự án. Với các dự án cấp 2 trở lên, Tập đoàn đã triển khai quản lý dự án tập trung từ khâu tiếp cận chào thầu đến trực tiếp tổ chức quản lý dự án tại hiện trường và cung ứng máy móc, nguyên vật liệu. Tuy nhiên, do số lượng dự án trong năm không nhiều, một số dự án bị dừng hoặc giãn tiến độ, cho nên khoảng 40% thời gian các Ban dự án ít việc làm dẫn đến kết quả kinh doanh không đạt kế hoạch, nhân sự khối quản lý dự án cũng bị giảm đáng kể sau thời gian ít việc làm. Yếu tố khách quan siết chặt dòng tiền vào bất động sản và xây dựng của thị trường dẫn tới nhiều dự án bị dừng hoặc giãn hoãn, các dự án đã làm xong thì không thể thu hồi công nợ do chủ đầu tư bị siết chặt tín dụng, không thể giải ngân thêm dẫn đến tình hình thiếu hụt dòng tiền và tăng đột biến chi phí tài chính,...

Mặc dù vậy, nhiệm vụ củng cố và phát triển lực lượng vẫn phải là nhiệm vụ ưu tiên trong năm 2023 để sẵn sàng cho các cơ hội dự án lớn trong trước mắt cũng như dài hạn. Ban Tổng Giám đốc cần đặc biệt ưu tiên cho nhiệm vụ phát triển đội ngũ giám đốc dự án, quản lý hợp đồng, phát triển chuỗi cung ứng, mạng lưới nhà cung cấp theo định hướng doanh thu đến năm 2025; sẵn sàng chớp cơ hội để bứt phá khi nhận được các dự án lớn có yêu cầu cao về chất lượng và tiến độ.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp)

2.4. Đối với hoạt động tài chính:

Tình hình thực hiện dự án và thu hồi công nợ như đã nêu trên dẫn đến nhiều khó khăn thách thức trong quản lý tài chính nói chung và quản lý dòng tiền nói riêng. Ban Tổng Giám đốc đã rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, hạn chế phát sinh công nợ khó đòi, thúc đẩy tối đa nghiệm thu thanh toán dự án, cơ cấu lại khoản mục đầu tư theo định hướng chiến lược. Trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo Ban Quản lý chi phí & dòng tiền của Công ty chủ động tích cực trong việc thu hồi công nợ, giải quyết/thu hồi được nhiều khoản công nợ đã kéo dài từ nhiều năm trước.

Công tác quản trị tài chính của Tập đoàn nhìn chung đã có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt trong mảng tài chính đầu tư. Trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc cần có các hành động quyết liệt để cải thiện tích cực mảng này, hỗ trợ và đôn đốc Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (FECON Invest) cải thiện năng lực tài chính, kịp thời hiện thực hóa các cơ hội dự án đầu tư đã đầy đủ điều kiện pháp lý để triển khai, mang lại lợi nhuận cho công ty và tạo tiền đề triển khai các dự án tiếp theo.

2.5. Đối với hoạt động đầu tư:

Bên cạnh việc chuyển dịch chiến lược kinh doanh, củng cố và phát triển sản phẩm truyền thống, Tập đoàn đã kịp thời tìm đối tác để thoái vốn hai dự án năng lượng tái tạo chuẩn bị sẵn sàng nguồn vốn để thực hiện đầu tư các dự án mảng bất động sản khu công nghiệp & khu đô thị. Đồng thời, tiếp tục phát triển các dự án năng lượng tái tạo, khu công nghiệp khu đô thị có quy mô lớn hơn để sẵn sàng đầu tư trong các năm 2024 - 2025.

FECON Invest cần chuẩn bị lực lượng marketing bán hàng phù hợp để đón đầu các nhiệm vụ marketing bán hàng cho các dự án thực hiện trong năm 2023 và tiếp tục chuẩn bị sẵn sàng thị trường & khách hàng cho các dự án triển khai trong năm 2024 và 2025.

**Tóm lại**, trong bối cảnh thị trường vô cùng khó khăn, Hội đồng quản trị ghi nhận kết quả chung về sản xuất kinh doanh và nỗ lực của Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm qua. Ban Tổng Giám đốc cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác phối hợp cấp cao, chủ động và dũng mãnh hơn để phát triển các cơ hội kinh doanh mới cho Tập đoàn. Phát huy tinh thần dám nghĩ dám làm, trung thực thẳng thắn với ý thức tự giác kỷ luật cao, công khai minh bạch trong điều hành, thừa nhận hạn chế để đổi mới khắc phục cải thiện năng lực hướng tới ngày một chuyên nghiệp hơn, hiệu quả hơn, giúp Tập đoàn đạt được các kết quả kinh doanh ngày một khởi sắc, đồng thời phát triển tổ chức theo hướng bền vững, trường tồn. FECON phải là Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu Việt Nam vào năm 2025 theo mục tiêu đã đặt ra.

3. CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thường trực Hội đồng quản trị, gồm các thành viên sau:

	Họ và tên	Chức danh
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

Thường trực Hội đồng quản trị được thành lập theo Nghị quyết số 23A/2019/NQ-HĐQT.FECON ngày 27 tháng 04 năm 2019 của Hội đồng quản trị và được thông qua lại danh sách theo Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT.FECON ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Hội đồng quản trị, là cơ quan được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ để giải quyết và phê duyệt kịp thời một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phục vụ công tác chỉ đạo giám sát điều hành hàng ngày, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được ủy quyền. Thường trực Hội đồng quản trị sau khi được thành lập đã triển khai công việc hiệu quả, phối hợp với Ban Tổng Giám đốc đáp ứng được kịp thời yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Hội đồng quản trị Tập đoàn cũng đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách các lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của Tập đoàn theo Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐQT.FECON ngày 06 tháng 09 năm 2022.



4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tuân thủ theo đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn. Năm 2022, Hội đồng quản trị tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và các cuộc họp bất thường để giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và đưa ra chủ trương về tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác với các nội dung chính như sau (Danh sách dưới đây bao gồm cả nội dung hoạt động của Hội đồng quản trị và Thường trực Hội đồng quản trị):

Thời gian	Nội dung
Quý 1/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>Thông qua việc Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON;</li><li>Thông qua việc thành lập Ban Nền móng 3;</li><li>Thông qua chủ trương và phương án điều chỉnh cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần FECON SOUTH kể từ ngày 01/02/2022;</li><li>Thông qua quy chế hoạt động VP đại diện Công ty cổ phần FECON tại VPPN;</li><li>Thông qua chủ trương mua cổ phần phát hành thêm trong đợt tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cọc và xây dựng FECON (FPL)</li><li>Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 (FCPL1) và Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON (FDB) cho Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON (FPL);</li><li>Ban hành quy chế kiểm toán nội bộ;</li><li>Thời giữ nhiệm vụ phụ trách Ban Nền móng 1 đối với ông Trần Văn Thuyết;</li><li>Bổ nhiệm ông Phạm Đức Huyền giữ vị trí Trưởng ban - Ban Nền Móng 1 kể từ ngày 01/03/2022;</li><li>Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và ngày đăng ký cuối cùng;</li><li>Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022;</li><li>Ủy quyền cho ông Hà Thế Phương thay ông Phạm Việt Khoa làm Người đại diện vốn tại CTCP Đầu tư FECON và giới thiệu với ĐHĐCĐ và HĐQT CTCP Đầu tư FECON bầu ông Hà Thế Phương làm Chủ tịch HĐQT;</li><li>Cập nhật số cổ phần đại diện phần vốn góp của Người đại diện FECON tại Công ty FPL sau khi mua cổ phần phát hành thêm trong đợt tăng vốn điều lệ của FPL.</li></ul>
Quý 2/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>Bổ nhiệm ông Lê Bảo An giữ vị trí Trưởng ban Ban Truyền thông;</li><li>Ủy quyền cho ông Đỗ Trần Nam thay cho ông Tạ Công Thanh Vinh làm người đại diện phần vốn của FECON tại FCIC;</li><li>Bổ nhiệm vị trí kế toán trưởng đối với ông Phạm Văn Tùng;</li><li>Thời giữ chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Nghiên;</li><li>Ủy quyền cho ông Trần Nhật Khoa thay cho ông Nguyễn Chí Công làm NDDV của FECON tại Công ty FECON South;</li><li>Đề cử ứng viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019- 2014;</li><li>Thông qua chủ trương và phương án tái cấu trúc Ban Đảm bảo chất lượng;</li><li>Thông qua việc điều chỉnh Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Ban Trợ lý quản trị;</li><li>Thông qua việc điều chỉnh Sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Ban Kỹ thuật;</li><li>Bổ nhiệm ông Nguyễn Huy Hà giữ vị trí Trưởng Ban dự án Hạ tầng 3;</li><li>Thời giữ chức vụ Trưởng ban Nền móng 2 - Công ty cổ phần FECON đối với ông Phạm Hoàng Long kể từ ngày 01/05/2022;</li><li>Thời giữ chức vụ Trưởng ban Xây dựng công nghiệp 3 - Công ty cổ phần FECON đối với ông Đỗ Quang Dũng kể từ ngày 02/05/2022;</li><li>Thông qua việc đề nghị cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần FECON tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Đồng Đô;</li><li>Phê duyệt Đơn giá, Định mức thi công nội bộ;</li><li>Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi, bổ sung;</li><li>Ban hành cập nhật về Hội đồng Quản lý dự án;</li><li>Ban hành Điều lệ và tổ chức hoạt động sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần FECON;</li><li>Điều chỉnh cấp bậc lương, mức lương và chế độ của Cán bộ nhân viên 2022;</li><li>Ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới kiểm soát viên;</li><li>Ban hành chính sách chống tham nhũng;</li><li>Thời giữ chức vụ Trưởng ban Nền móng 1 - Công ty Cổ phần FECON đối với ông Phạm Đức Huyền kể từ ngày 31/05/2022;</li><li>Bổ nhiệm ông Phạm Đức Huyền giữ vị trí Trưởng ban - Ban xây dựng công nghiệp 3;</li><li>Ủy quyền đại diện phần vốn của FECON tại Trường Trung học phổ thông Ý Yên;</li><li>Ủy quyền cho ông Trần Lâm thay cho ông Hà Cửu Long làm người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần thiết bị FECON;</li></ul>

4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022 (TIẾP)

Thời gian	Nội dung
Quý 2/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>Ban hành bản cập nhật phân cấp thẩm quyền phê duyệt Công ty Cổ phần FECON;</li><li>Thành lập Ủy ban phát triển văn hoá doanh nghiệp FECON;</li><li>Ban hành bản cập nhật quy chế quản lý dự án tập trung phiên bản V1.0/2022;</li><li>Ban hành bản cập nhật Chức năng nhiệm vụ của các Ban chức năng và Ban Dự án;</li><li>Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2022 lần 1;</li><li>Thời giữ chức vụ Trưởng ban nhân sự đối với ông Lý Ngọc Anh kể từ ngày 14/06/2022;</li><li>Giao nhiệm vụ Ông Lý Ngọc Anh giữ vị trí Phó ban Nhân sự - Công ty cổ phần FECON kể từ ngày 15/06/2022;</li></ul>
Quý 3/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>Thời giữ nhiệm vụ phụ trách Ban Nền Móng 2 đối với ông Nguyễn Tuấn Anh;</li><li>Ban hành quy chế Quản lý và hoạt động của Người đại diện vốn của FECON;</li><li>Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;</li><li>Thông qua chủ trương giảm vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON;</li><li>Thời giữ chức vụ trưởng ban dự án - Ban dự án hạ tầng 1 - Công ty cổ phần FECON đối với ông Cao Nguyên Thắng;</li><li>Giao nhiệm vụ cho ông Cao Nguyên Thắng giữ vị trí Quyền trưởng ban - Ban Phát triển dự án;</li><li>Ban hành Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ;</li><li>Thông qua danh sách Thường trực HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024;</li><li>Bầu chức danh Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019- 2024;</li><li>Ban hành cập nhật Quy chế Quản lý và sử dụng con dấu;</li><li>Ban hành bộ định mức đơn giá thi công mảng nền móng;</li><li>Thông qua chủ trương và Phương án tái cấu trúc ban Nền móng 1 và Nền móng 3; Đổi tên Ban Nền móng 2 thành Ban Nền móng;</li><li>Thông qua việc Bổ nhiệm ông Bùi Môn Bách giữ vị trí Giám đốc Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON;</li><li>Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của Công ty;</li><li>Phê duyệt trả cổ tức năm 2021 bằng tiền;</li><li>Thời giữ chức vụ Phó ban Nhân sự-Phụ trách Ban Tổ chức nhân sự đối với Ông Lý Ngọc Anh;</li><li>Phê duyệt Định mức chi phí thường xuyên của Ban điều hành dự án_phiên bản V2/2022;</li><li>Tuyển dụng và bổ nhiệm vị trí Giám đốc/Trưởng ban Nhân sự tại Công ty Cổ phần FECON.</li></ul>
Quý 4/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>Bổ nhiệm ông Ngô Văn Thuận giữ vị trí Trưởng ban dự án- Xây dựng công nghiệp 2;</li><li>Điều chuyển và Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Hưng giữ vị trí Phó Giám đốc điều hành - Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON;</li><li>Phương án vay vốn của Công ty Cổ phần FECON tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ;</li><li>Ban hành Bộ định mức đơn giá mảng xây dựng dân dụng và công nghiệp_V1/2022;</li><li>Quyết định thành lập Hội đồng sơ khảo sáng kiến cải tiến FECON 2022;</li><li>Thông qua việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6;</li><li>Ban hành Bộ định mức đơn giá mảng Hạ tầng kỹ thuật_V1/2022;</li><li>Phê duyệt thay đổi thời gian thanh toán cổ tức năm 2021 bằng tiền;</li><li>Ban hành bản sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý máy móc thiết bị tập trung_V2/2022;</li><li>Điều chuyển và bổ nhiệm Ông Phạm Ngọc Thuận - Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng FECON; sang giữ vị trí Phó Giám đốc kiêm Trưởng ban Quản lý dự án - Công ty cổ phần FECON Phổ Yên;</li><li>Ban hành Quyết định về việc tăng cường kiểm soát công tác phát triển kinh doanh trên phạm vi toàn Tập đoàn;</li><li>Nghị quyết thời giữ chức vụ Trưởng ban Truyền thông đối với Ông Lê Bảo An;</li><li>Ban hành bản cập nhật Chính sách nhân sự của Công ty cổ phần FECON, áp dụng kể từ ngày 01/11/2022;</li><li>Nghị quyết thời giữ chức vụ Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON đối với ông Trần Lâm;</li><li>Thông qua việc Công ty Cổ phần FECON vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 (MB Bank-SGD1);</li><li>Ban hành Hệ thống chức danh Công ty Cổ phần FECON;</li><li>Bổ nhiệm Trưởng ban PTDA đối với bà Chu Thị Thúy Hằng;</li></ul>



5. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP (KHÔNG ĐIỀU HÀNH)

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đều tham dự đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị và đóng góp nhiều ý kiến khách quan, thiết thực trong công tác quản trị Tập đoàn và việc ra quyết định của Hội đồng quản trị. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ của Tập đoàn, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Nghị quyết phân công nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị. Các hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm như sau:

- **Về chiến lược:** Đóng góp tích cực vào việc xây dựng chiến lược của Tập đoàn giai đoạn 2020-2025, đặc biệt Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa - người có kinh nghiệm nhiều năm trong mảng xây dựng chiến lược tại các doanh nghiệp lớn, đã trực tiếp tham gia Ủy ban chiến lược của Công ty, đồng hành cùng đội ngũ Lãnh đạo chủ chốt trong thời gian xây dựng và khởi động triển khai chiến lược;

- **Về kiểm soát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:** Các thành viên đã xem xét kỹ lưỡng các kế hoạch, kết quả hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong các hoạt động quản trị điều hành hướng tới các mục tiêu đề ra và tích cực giám sát việc báo cáo kết quả hoạt động. Đặc biệt đối với công tác đầu tư dự án, các thành viên HĐQT độc lập đã cho ý kiến với trách nhiệm rất cao, có tính phản biện vào tất cả các dự án và ý tưởng đầu tư;

- **Về kiểm soát rủi ro:** Các thành viên giúp kiểm tra để đảm bảo các thông tin tài chính được công bố là minh bạch, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư dự án được phân tích hiệu quả cẩn thận trước khi triển khai. Đồng thời, các thành viên HĐQT độc lập cũng mang đến cái nhìn khách quan đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần gia tăng hiệu quả kiểm soát và quản trị rủi ro cho Công ty;

- **Về nhân sự:** Các thành viên HĐQT độc lập đã cùng với các thành viên HĐQT thực hiện điều hành, đóng góp một cách có trách nhiệm trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức công ty và các công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm và đào tạo cán bộ quản lý cấp cao.

6. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia khóa đào tạo và được cấp chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, bao gồm: ông Phạm Việt Khoa, ông Hà Thế Phương, ông Trần Trọng Thắng, ông Hà Thế Lộng.

Các thành viên Hội đồng quản trị khác cũng đã được tham gia các chương trình đào tạo, sự kiện về quản trị Tập đoàn do các đơn vị có năng lực tổ chức, đồng thời tham dự các khóa đào tạo nội bộ liên quan đến kỹ năng quản lý và hoạt động của Tập đoàn.

7. CÁC ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023

Để hoàn thành tốt những mục tiêu đã đề ra, toàn Tập đoàn cần tập trung sáng tạo, tận dụng các cơ hội của thị trường, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau:

(1) Tập trung triển khai tốt ráo, hiệu quả các dự án đã ký hợp đồng trên toàn hệ thống: đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, nghiệm thu, thu hồi công nợ đúng kế hoạch, đảm bảo hiệu quả kinh tế theo kế hoạch chi phí phê duyệt;

(2) Nâng cao năng lực quản lý chi phí và dòng tiền. Tăng cường kiểm soát, giám sát thực hiện tiết kiệm chi phí quản lý, quản lý dòng tiền và phát triển chuỗi cung ứng;

(3) Xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực cao trong QLDA, quản lý hợp đồng đặc biệt là đội ngũ Giám đốc dự án (PM) và Chỉ huy trưởng (SM) đưa FECON trở thành đơn vị đủ sức cạnh tranh trong ngành xây dựng và có thể cạnh tranh mạnh mẽ với các nhà thầu/tổng thầu lớn trong nước;

(4) Phát triển năng lực kinh doanh đấu thầu dựa trên khả năng tối ưu hóa thiết kế (Design & Build), đặc biệt là các dự án cấp đặc biệt; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm thông tin, tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường;

(5) Đẩy mạnh liên danh/liên kết/đề hiện thực hóa các cơ hội kinh doanh lớn, chinh phục các “ngọn núi” dự án như: cảng biển, nhà máy điện, hạ tầng KCN, hạ tầng giao thông, nhà máy FDI & kho logistic;

(6) Tối ưu hóa vận hành Tập đoàn nhằm tới năng suất cao: rà soát, sắp xếp lại bộ máy quản lý, định biên một cách hợp lý, hoàn thiện phương án quản lý, tổ chức theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh;

(7) Phát triển năng lực làm tổng thầu trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp & hạ tầng ngầm: chú trọng công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, phù hợp với tốc độ tăng trưởng của FECON;

(8) Tập trung triển khai đầu tư các dự án đã có chủ quyền và có điều kiện thuận lợi để hiện thực hóa lợi nhuận, tạo tiền đề cho các dự án tiếp theo;

(9) Phát triển nhà đầu tư chiến lược thu hút vốn, tăng cường sức mạnh tài chính cho FECON, FECON Invest và cho các hoạt động đầu tư dự án;

(10) Đẩy mạnh ứng dụng số hoá, realtime dữ liệu và chỉ số sản xuất kinh doanh để quản trị hiệu quả;

(11) Phát triển văn hoá doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu người FECON chuyên nghiệp;

(12) Tăng hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị Tập đoàn;

Với chức trách được phân công bởi ĐHĐCB, HĐQT cam kết đồng hành với Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn thực hiện các mục tiêu kinh doanh và kế hoạch hành động nêu trên trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực để tăng cơ hội kinh doanh, tăng năng suất lao động nhằm tới mục tiêu tối thượng là đảm bảo dòng tiền, tăng cao lợi nhuận và phát triển bền vững doanh nghiệp.

8. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

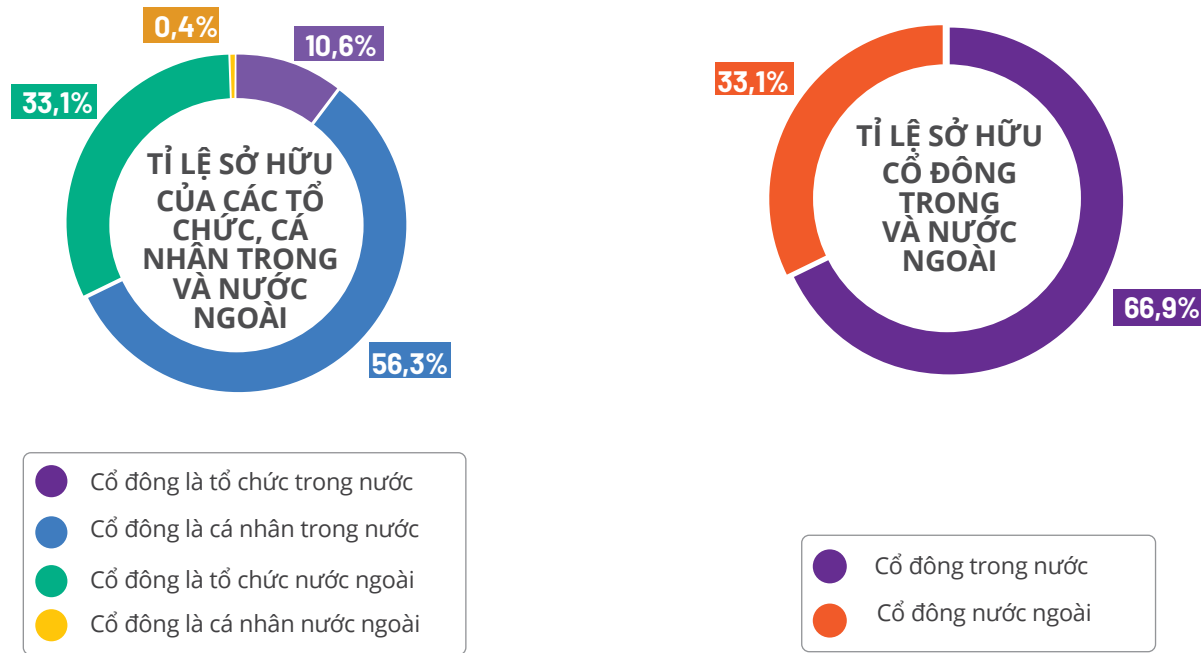
A. CỔ PHẦN

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG
1	Số lượng cổ phần đang lưu hành	157.439.005
2	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	125.439.005
3	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	32.000.000
Tổng số		157.439.005

B. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

\* Cơ cấu cổ đông công ty

TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CỔ PHẦN TƯƠNG ỨNG	GIÁ TRỊ (VND)	TỶ LỆ/VĐL THỰC GÓP
1	Cổ đông trong nước	20.438	105.359.003	1.053.590.030.000	66,9%
	Cổ đông là tổ chức	35	16.639.118	166.391.180.000	10,6%
	Cổ đông là cá nhân	20.403	88.719.885	887.198.850.000	56,3%
	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0%
2	Cổ đông nước ngoài	155	52.080.002	520.800.020.000	33,1%
	Cổ đông là tổ chức	23	51.442.848	514.428.480.000	32,7%
	Cổ đông là cá nhân	132	637.154	6.371.540.000	0,4%
Tổng cộng		20.593	157.439.005	1.574.390.050.000	100,0%



\*Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022

TT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ ĐĂNG KÝ SỞ HỮU	NGÀY CẤP	SỐ CỔ PHẦN NẮM GIỮ (CP)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Công ty Cổ phần Raito Kogyo	CB9736	06/03/2019	40.167.682	25,51%
2	Quỹ đầu tư Hạ tầng Red One	41/GCN-UBCK	01/11/2021	16.000.000	10,16%

\*Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại 31/12/2021: 75%.



C. TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BAN LÃNH ĐẠO

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	5.000.100	3,18
2	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT Thường trực	631.461	0,40
3	Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0,00
4	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên HĐQT	0	0,00
5	Hà Thế Lộng	Thành viên HĐQT	475.293	0,30
6	Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT	0	0,00
7	Nguyễn Thị Nghiên	Thành viên HĐQT	0	0,00
8	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm 28/04/2022)	100	0,00
9	Nguyễn Song Thanh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 28/04/2022)	1.471	0,00
10	Phùng Tiến Trung	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm 28/04/2022)	238.177	0,15
11	Phạm Trung Thành	Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm 28/04/2022)	33	0,00
12	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng BKS	0	0,00
13	Trần Công Tráng	Thành viên BKS	87	0,00
14	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên BKS	0	0,00
15	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS (miễn nhiệm 28/04/2022)	22	0,00
16	Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc	258.693	0,16
17	Nguyễn Quốc Bảo	Phó TGĐ thường trực	59	0,00
18	Đỗ Mạnh Cường	Phó TGĐ	10.15	0,01
19	Nguyễn Thanh Tùng	Phó TGĐ	0	0,00
20	Tạ Công Thanh Vinh	Phó TGĐ	7	0,00
21	Lê Quang Hanh	Phó TGĐ	78	0,00
22	Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng	63	0,00
TỔNG CỘNG			6.615.803	4,20

D. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Thời điểm thay đổi	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Ghi chú
1	18/06/2004	5.000.000.000	5.000	Cổ phần phổ thông	Mệnh giá: 1.000.000 đồng
2	30/06/2006	10.000.000.000	10.000	Cổ phần phổ thông	
3	10/08/2007	50.000.000.000	5.000.000	Cổ phần phổ thông	Mệnh giá: 10.000 đồng
4	16/09/2009	88.000.000.000	8.800.000	Cổ phần phổ thông	
5	17/11/2010	107.000.000.000	10.700.000	Cổ phần phổ thông	
6	04/11/2011	128.400.000.000	12.840.000	Cổ phần phổ thông	
7	17/05/2012	138.051.620.000	13.805.162	Cổ phần phổ thông	
8	18/04/2013	165.663.280.000	16.566.328	Cổ phần phổ thông	
9	18/10/2013	397.591.180.000	39.759.118	Cổ phần phổ thông	
10	18/06/2014	457.228.540.000	45.722.854	Cổ phần phổ thông	
11	18/11/2016	477.228.540.000	47.722.854	Cổ phần phổ thông	
12	10/3/2017	494.994.220.000	49.499.422	Cổ phần phổ thông	
13	28/7/2017	543.529.160.000	54.352.916	Cổ phần phổ thông	
14	10/4/2018	873.529.160.000	87.352.916	Cổ phần phổ thông	
15	12/6/2018	898.529.160.000	89.852.916	Cổ phần phổ thông	
16	12/12/2018	943.445.620.000	94.344.562	Cổ phần phổ thông	
17	10/06/2019	1.138.477.420.000	113.847.742	Cổ phần phổ thông	
18	17/10/2019	1.195.388.930.000	119.538.893	Cổ phần phổ thông	
19	25/01/2021	1.254.390.050.000	125.439.005	Cổ phần phổ thông	
20	14/01/2022	1.574.390.050.000	157.439.005	Cổ phần phổ thông	

E. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

F. CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Trong năm 2022, Tập đoàn thực hiện 01 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với thông tin cụ thể như sau:

- Tổng số lượng trái phiếu phát hành: **150.000 Trái phiếu**
- Tổng giá trị trái phiếu phát hành: **150.000.000.000 đồng**
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm bằng tài sản, không phải là nợ thứ cấp.
- Kỳ hạn: Tối đa 18 tháng kể từ ngày phát hành
- Ngày phát hành: **13/06/2022**
- Ngày đáo hạn: **13/12/2023**
- Mục đích phát hành: **Tăng quy mô vốn hoạt động của Tập đoàn.**



## 9. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### 8.1. Tác động lên môi trường

FECON luôn tập trung và chú trọng trong việc tuyên truyền về cách thức bảo vệ môi trường đối với cán bộ nhân viên trong Công ty đặc biệt từ những việc nhỏ như phân loại rác thải để tái chế, sử dụng tiết kiệm năng lượng, điện, nước, hạn chế sử dụng túi nilon, lựa chọn sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường,... Từ những hành động, việc làm như vậy sẽ góp phần hình thành lối sống tích cực trong cộng đồng cán bộ nhân viên trong Tập đoàn

### 8.2. Tiêu thụ năng lượng

FECON đặc biệt quan tâm và chú trọng đến việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập đoàn luôn nêu cao tinh thần và ý thức tuyên truyền trong hệ thống cán bộ nhân viên về việc giảm thiểu và tiết kiệm năng lượng, tận dụng các nguồn năng lượng tự nhiên và năng lượng tái chế để góp phần bảo vệ môi trường.

### 8.3. Tiêu thụ nước

Tiết kiệm tiêu thụ nước cũng luôn là một trong những vấn đề được FECON chú trọng. Tập đoàn thường xuyên nêu cao khẩu hiệu tránh lãng phí nguồn nước sạch trong hệ thống cán bộ nhân viên.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2022 là: 1.228 lao động.

“Con người là tài sản quý giá nhất” luôn là kim chỉ nam của FECON từ khi thành lập đến nay.

Năm 2022, khi nền kinh tế - xã hội dần trở lại sau 2 năm đại dịch Covid-19, FECON cũng nhanh chóng trở lại guồng quay của hoạt động sản xuất. Dù Covid-19 đã khiến nền kinh tế nói chung và FECON nói riêng chịu những thiệt hại nặng nề nhưng các chính sách phục lợi của Công ty đối với mỗi cán bộ nhân viên vẫn luôn được đảm bảo. Cụ thể, mỗi cán bộ nhân viên FECON vẫn luôn được quan tâm và hưởng đầy đủ các chính sách: lương, ngày sinh nhật, các dịp lễ tết,...như trước khi đại dịch để đảm bảo cuộc sống. Đây là một sự nỗ lực vô cùng lớn của Ban lãnh đạo công ty trong bối cảnh suy thoái kinh tế “hậu Covid-19”.

Hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực vẫn được triển khai một cách linh hoạt trong năm 2022. Tiêu biểu nhất là Chương trình FECON Manager Summit 2022 với chủ đề “Leader Mindset” được tổ chức vào giữa năm 2022 dành cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong toàn hệ thống FECON. Đây là chương trình nằm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực Tập đoàn, nhằm mang đến những tri thức quản trị tinh hoa, vừa giúp học viên nâng cao năng lực/tư duy quản lý, vừa có thể áp dụng để giải quyết các vấn đề hiện hữu của Tập đoàn.

Với đội ngũ thi công - lực lượng sản xuất trực tiếp của FECON tại các dự án, trong năm 2022, Tập đoàn cũng đã triển khai loạt chương trình “Tour Công Trường 2022” tại các công trường trọng điểm nhằm động viên khích lệ tinh thần làm việc của cán bộ nhân viên, lồng ghép các chương trình đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, kiến thức chuyên môn, kiến thức an toàn,... Đây là chương trình nhận được nhiều sự đón nhận và ủng hộ của các kỹ sư, công nhân tại các dự án, đồng thời, chương trình cũng đã tăng cường sự gắn kết đội ngũ công trường với nhau phát huy tinh thần đoàn kết để cùng đưa các dự án cán đích an toàn và thắng lợi.

Với những nỗ lực tạo dựng cho người lao động, FECON đã đạt được nhiều giải thưởng giá trị trong lĩnh vực tuyển dụng nhận sự, tiêu biểu như:

- TOP 50 Doanh nghiệp có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn 2022; trong đó, FECON xếp vị trí TOP 4 Doanh nghiệp trong ngành Xây dựng.
- TOP 3 Doanh nghiệp tiêu biểu có nguồn nhân lực hạnh phúc 2022
- TOP 10 Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động

### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Với tôn chỉ gắn sự phát triển của doanh nghiệp với sự phát triển của cộng đồng, dù vẫn còn chịu nhiều ảnh hưởng của “hậu Covid-19” nhưng FECON vẫn thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua việc đồng hành cùng các địa phương bằng các hoạt động thiết thực tổ chức như: chương trình tình nguyện “Áo ấm mùa đông” tại huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang; chương trình tặng quà cho các gia đình Thương binh – Liệt sỹ nhân ngày 27/7; chương trình tặng quà cho các học sinh nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Kỳ Lợi – Thị xã Kỳ Anh (Hà Tĩnh), chương trình tặng quà cho các gia đình chính sách tại xã Phước Khánh – Huyện Nhơn Trạch (Đồng Nai)

Cũng trong 2022, FECON triển khai chương trình Hiến máu nhân đạo với chủ đề “Gửi giọt hồng – Trao ngàn yêu thương” với sự hưởng ứng đông đảo cán bộ nhân viên tại khu vực Hà Nội. Chương trình nhằm đáp lại lời kêu gọi vận động hiến máu của Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương trong bối cảnh thiếu máu cung cấp cho các bệnh nhân đang điều trị tại các viện trên địa bàn thủ đô Hà Nội.





## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



### 1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát, phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc bám sát quá trình triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Đồng thời tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Công ty mẹ cũng như ở các đơn vị thành viên trong hệ thống, đảm bảo các hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn.

Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ hàng quý trong năm 2022 với các nội dung chính:

THỜI GIAN	SỐ THÀNH VIÊN THAM DỰ	NỘI DUNG
Quý I/2022	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021.</li> <li>Tổng kết hoạt động của BKS 2021, lập kế hoạch hoạt động 2022.</li> <li>Thảo luận, thống nhất danh sách đề cử danh sách đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022.</li> </ul>
Quý II/2022	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm định Báo cáo tài chính Quý I/2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất.</li> <li>Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.</li> <li>Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro Tập đoàn.</li> <li>Họp bầu bổ sung chức danh trong Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024</li> </ul>
Quý III/2022	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm định Báo cáo tài chính tài chính bán niên năm 2022 của Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất.</li> <li>Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro Tập đoàn; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ giai đoạn 06 tháng đầu năm 2022.</li> </ul>
Quý IV/2022	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm định Báo cáo tài chính Quý III/2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất.</li> <li>Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ giai đoạn 09 tháng đầu năm 2022.</li> <li>Tổng kết sơ bộ hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022, lập kế hoạch hoạt động năm 2023.</li> </ul>

### 2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2021

**01.** Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Đơn vị thuộc danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

**02.** Doanh thu hợp nhất Tập đoàn năm 2022 đạt 3.046 tỷ đạt 61% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 52 tỷ tương ứng 19% kế hoạch.

**03.** Tập đoàn đã hoàn thành việc trích lập các Quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và thực hiện trả cổ tức vào tháng 01/2023.

**04.** Tập đoàn đã chi trả lương, thù lao năm 2022 cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định và định mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

**01.** Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng định hướng, có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Từng thành viên Hội đồng quản trị, tiểu ban giúp việc của Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị : nghiên cứu, thảo luận, tham gia ý kiến, biểu quyết có chất lượng, trách nhiệm đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

**02.** HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp theo phiên toàn thể và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Hội đồng quản trị đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền để định hướng, chỉ đạo, đảm bảo tình hình hoạt động của toàn hệ thống thông suốt theo đúng chiến lược, kế hoạch đã đề ra.

**03.** Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Điều hành tiếp tục được thực hiện theo các quy chế đã ban hành và quy định phân cấp ủy quyền của Hội đồng Quản trị cho Ban Điều hành. Nhìn chung, giữa Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thống nhất để có các chỉ đạo định hướng cũng như giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề lớn phát sinh của Tập đoàn.

**04.** Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo kết quả giám sát Ban Điều hành của Hội đồng Quản trị.



4. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

01. Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn, của Cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật. Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được Hội đồng Quản trị, Ban điều hành quan tâm chỉ đạo và thực hiện.

02. Trong năm, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông/nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Tập đoàn nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

5. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

Trên cơ sở thẩm định lại các Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần FECON đã được lập và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, BKS Công ty có những đánh giá như sau:

- *Thống nhất với các Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;*
- *Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty, phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.*

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ TẠI 31.12.2022	
		CÔNG TY MẸ	HỢP NHẤT
1	Tổng tài sản	4.804	7.581
2	Vốn chủ sở hữu	2.509	3.483
3	Kết quả kinh doanh năm 2022		
-	Doanh thu thuần	1.761	3.046
-	Lợi nhuận sau thuế	60	52
-	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) – đồng/ cổ phiếu		252

Doanh thu Công ty mẹ và doanh thu hợp nhất trong năm 2022 đều giảm so với năm 2021 với mức giảm lần lượt 27% và 13%. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong năm 2022 đạt 52 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, các chỉ tiêu về doanh thu cũng như lợi nhuận sau thuế đã bị ảnh hưởng lớn và không đạt được như kế hoạch đề ra. Điều này không chỉ ảnh hưởng với FECON nói riêng, mà nó cũng phản ánh thực trạng chung của các công ty trong lĩnh vực xây dựng với một năm 2022 đầy khó khăn.

6. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Năm 2023 sẽ là năm tiếp tục cho sự đổi mới và phát triển của Công ty cùng với sự chuyển biến tích cực trong quản lý điều hành của các đơn vị thành viên FECON. Do vậy, BKS đặt ra các mục tiêu trọng tâm cho năm kế hoạch 2023 như sau:

1. Giám sát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 cũng như việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, các quy định, quy chế trong quản trị, điều hành FECON.
2. Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và các chính sách quan trọng về tài chính kế toán năm 2023.
3. Hệ thống, tối ưu hoá toàn bộ các Văn bản, tài liệu Quy chế, quy định tại Tập đoàn nhằm tạo sự hiệu quả trong việc quản lý triển khai các dự án và điều hành mọi công việc khác.
4. Cập nhật Danh mục rủi ro trọng yếu của Tập đoàn, trên cơ sở đó, xây dựng và quản lý kế hoạch kiểm toán nội bộ trong toàn hệ thống FECON. Tổ chức nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống kiểm soát viên trên toàn tập đoàn.
5. Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Tập đoàn theo quy định hiện hành.
6. Tích cực nghiên cứu, tư vấn, kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro trong quản trị điều hành.
7. Giám sát sự biến động về tình hình nắm giữ cổ phần FECON của những cổ đông lớn và người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.
8. Các công việc khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Công ty.





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



### CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	GIÁ TRỊ (VNĐ)
<b>I. Hội đồng quản trị</b>			
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	2.329.871.504
2	Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch ngày 01/08/2022)	1.050.000.000
3	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022)	1.307.778.976
4	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	1.310.152.916
5	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên HĐQT độc lập	488.888.884
6	Hà Thế Lộng	Thành viên HĐQT độc lập	488.888.884
7	Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	533.333.334
8	Nguyễn Thị Nghiên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	529.066.664
9	Nguyễn Song Thanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	133.333.332
10	Phùng Tiến Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	133.333.332
11	Phạm Trung Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	133.333.332
<b>II. Ban kiểm soát</b>			
1	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng Ban (Bổ nhiệm ngày 28/04/2022)	1.076.378.457
2	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban (Miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	469.538.460
3	Trần Công Tráng	Thành viên	399.999.996
4	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	432.664.723
<b>III. Ban Tổng Giám đốc</b>			
1	Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc	2.319.403.846
2	Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc Thường trực	1.695.749.999
3	Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng giám đốc	1.183.947.500
4	Lê Quang Hanh	Phó Tổng giám đốc	823.202.693
5	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc	1.739.494.231
6	Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc	1.357.538.462
7	Nguyễn Thị Nghiên	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng (Đến ngày 28/4/2022)	423.288.462



b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Hà Thế Phương	Người có liên quan	105.500	0,067	100	0,00006	Bán cổ phiếu
2	Phạm Thị Minh Hoa	Người có liên quan	16.397	0,01	8.597	0,005	Bán cổ phiếu
3	Trần Trọng Thắng	Người nội bộ	866.461	0,55	631.461	0,42	Bán cổ phiếu
4	Phạm Hồng	Người có liên quan	26.525	0,02	17.325	0,01	Bán cổ phiếu
5	Phùng Tiến Trung	Người nội bộ	328.177	0,27	238.177	0,15	Bán cổ phiếu
6	Nguyễn Thị Nghiên	Người nội bộ	10.151	0,008	0	0	Bán cổ phiếu
7	Nguyễn Quốc Bảo	Người nội bộ	10.159	0,008	59	0,00	Bán cổ phiếu
8	Trần Công Tráng	Người nội bộ	3.987	0,004	87	0,00	Bán cổ phiếu
9	Hà Thị Chín	Người có liên quan	1.876	0,00	00	0,00	Bán cổ phiếu
10	Hà Thị Tâm	Người có liên quan	1.859	0,00	59	0,00	Bán cổ phiếu

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH*. NGÀY CẤP. NỘI CẤP	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT... THÔNG QUA (NẾU CÓ. NẾU RÕ NGÀY BAN HÀNH)	NỘI DUNG. SỐ LƯỢNG. TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH
1	Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Là công ty con của Công ty Cổ phần FECON	0108841985- do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 26/07/2019	Tầng 17, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tháng 03/2022	NQ HĐQT số 04/2022/NQ-HĐQT.FECON ngày 10/02/2022	Mua cổ phần phát hành thêm trong đợt tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cọc và xây dựng FECON ("FPL") trị giá 39.757.500.000 VNĐ
2	Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	Là công ty con của Công ty Cổ phần FECON	0108620312- do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 27/02/2019	Tầng 16 tháp CEO, Lô HH2-1 KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	Tháng 03/2022	NQ HĐQT số 05/2022/NQ-HĐQT.FECON ngày 10/02/2022	Chuyển nhượng cổ phần CTCP thi công cọc FECON số 1 cho CTCP Cọc và xây dựng FECON trị giá 17.980.000.000 VNĐ
3	Công ty Cổ phần Cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Là công ty con của Công ty Cổ phần FECON	0108620305- 25/02/2019-do Sở KHĐT Hà Nam cấp ngày 25/02/2019	Tầng 16 tháp CEO, Lô HH2-1 KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	Tháng 03/2022	NQ HĐQT số 05/2022/NQ-HĐQT.FECON ngày 10/02/2022	Chuyển nhượng cổ phần CTCP Cọc khoan và kết cấu ngầm FECON cho CTCP Cọc và xây dựng FECON trị giá 17.980.000.000 VNĐ

\* Bán Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON ( FCM)

. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng là người có liên quan của tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên người nội bộ: Phạm Trung Thành

- Quốc tịch: Việt Nam

- Số CMND: 036077009517 cấp ngày 01/06/2020 tại Cục CS QLHC về TTXH 162131937

- Địa chỉ: Tổ 3, phường Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam Tổ Phủ Lý, Hà Nam

- Điện thoại liên hệ: 09060469800906046980

- Chức vụ tại công ty đại chúng: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

- Mối quan hệ giữa tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ: ông Phạm Trung Thành là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần FECON

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ: 30.250 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 0,07%.

STT	TỔ CHỨC THỰC HIỆN	QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU (CP)	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU (CP)	TỶ LỆ (%)	
1	Công ty Cổ phần FECON	Ông Phạm Trung Thành là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON	4.510.103	10,000	3	0,0	Bán cổ phiếu

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Năm 2022, Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan và các quy định nội bộ của Công ty.



## BÁO CÁO RỦI RO



### 5.1. Rủi ro môi trường vĩ mô

Các vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam và trên thế giới như chính sách tiền tệ, lãi suất, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, biến động chính trị, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh ... có độ bao phủ rộng lớn tác động mạnh mẽ đến hoạt động kinh doanh của FECON.

Đối mặt với các vấn đề của môi trường vĩ mô, FECON luôn theo dõi thường xuyên sự biến động của các yếu tố cơ bản, các dấu hiệu sớm của thị trường để kịp thời đưa ra các biện pháp phù hợp và hiệu quả nhất.

Bên cạnh đó, FECON chú trọng dự báo các viễn cảnh của thị trường, xây dựng các kịch bản ứng phó phù hợp để luôn làm chủ tình thế, tránh những tổn thất và nắm bắt được các cơ hội do rủi ro môi trường vĩ mô đem lại.



### 5.2. Rủi ro hoạt động

Rủi ro trong hoạt động xây dựng có thể xảy ra ở bất cứ khâu nào từ phát triển khách hàng, chào giá đấu thầu đến thi công nghiệm thu, bàn giao công trình. Rủi ro hoạt động đáng chú ý năm 2022 là tình trạng giá cả nguyên vật liệu xây dựng (thép, bê-tông, xi măng...) tăng cao, chuỗi cung ứng bị gián đoạn do ảnh hưởng của tình hình chính trị, kinh tế trong và ngoài nước. Để ứng phó với rủi ro này, FECON đã tích cực tìm kiếm, đa dạng hóa các nhà cung cấp mới tiềm năng với nguồn hàng hoá dồi dào, chất lượng và giá cả hợp lý; đồng thời phát triển hệ thống các nhà cung cấp, nhà thầu trung thành luôn sẵn sàng đồng hành cùng Tập đoàn trong mọi thời kỳ.



Rủi ro về an toàn lao động luôn là rủi ro được ưu tiên ngăn chặn hàng đầu trong hoạt động thi công xây dựng. Với tôn chỉ "An toàn là trên hết", FECON luôn thắt chặt việc áp dụng các quy trình, quy định về an toàn, đảm bảo công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân sự, thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo, đánh giá và kiểm tra công tác an toàn. Một trong những dấu ấn tiêu biểu trong năm 2022 của FECON đó là ghi nhận "3 triệu giờ lao động an toàn" - toàn Tập đoàn không xảy ra bất kỳ sự cố nào làm tổn thương đến sức khỏe của người lao động.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của ngành xây dựng các doanh nghiệp có quy mô đa dạng có xu hướng gia tăng mạnh mẽ, tạo áp lực cạnh tranh ngày càng lớn đối với Tập đoàn. Để tăng tính cạnh tranh cũng như tạo vị thế trong lĩnh vực xây dựng, Ban Lãnh đạo FECON xác định rõ ràng mục tiêu, lợi thế cạnh tranh của Tập đoàn, chủ động hợp tác với các đối tác có năng lực; phát triển khoa học công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại; cũng như đẩy mạnh áp dụng các phần mềm tiên tiến (PMIs, BIM, REVIT...) trong đấu thầu và điều hành dự án.

### 5.3. Rủi ro tài chính

Thị trường tài chính năm 2022 trải qua nhiều biến động, gây ra nhiều khó khăn đối với các hoạt động thi công và đầu tư của FECON. Công ty tập trung quản trị vào 2 nhóm rủi ro tài chính bao gồm: Rủi ro thanh khoản và Rủi ro tín dụng.



#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thiếu hụt tiền mặt để thanh toán nợ đến hạn hoặc tài trợ cho các hoạt động quan trọng và khẩn cấp... FECON tiếp tục nâng cao vai trò của Ban Tài chính Kế toán với sự hỗ trợ của Ban Quản lý chi phí và Dòng tiền trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch tài chính định kỳ, dự báo dòng tiền và các phương án dự phòng nguồn vốn từ tổng thể đến từng dự án.

#### Rủi ro tín dụng

Năm 2022, FECON cũng như các doanh nghiệp xây dựng, bất động sản gặp phải nhiều khó khăn trong tiếp cận, vay vốn từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng; lãi suất vay cũng tăng mạnh dẫn đến khó khăn cho hoạt động thi công và đầu tư. Đối mặt với thực trạng trên, FECON đã nỗ lực đàm phán, làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính, mở rộng tìm kiếm các nguồn tín dụng khác để duy trì các chính sách tín dụng tốt có lợi cho Tập đoàn.

### 5.4. Rủi ro về nhân sự

FECON nhận định con người luôn là yếu tố cốt lõi và quan trọng nhất trong quá trình phát triển của Tập đoàn. Rủi ro về chảy máu chất xám nguồn nhân lực, sự biến động về nhân sự đặc biệt các vị trí cấp trung và cấp cao là những rủi ro được FECON quan tâm hàng đầu.

FECON đã tổ chức các chương trình đào tạo về kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý, chuyên môn cho nhân sự, không ngừng xây dựng và đào tạo đội ngũ nhân sự kế nhiệm; đề ra lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng cá nhân; đánh giá chính xác năng lực, công sức và có chế độ phúc lợi, lương thưởng xứng đáng; đồng thời, cộng tác với các trường đại học, các đối tác tuyển dụng uy tín để bổ sung những nhân tài và nguồn nhân lực trẻ trên thị trường.

Một trong các yếu tố quan trọng để phát triển và giữ chân nhân sự là Văn hóa doanh nghiệp. Công ty luôn đề cao nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp theo hướng nhân văn, cầu thị hướng thượng, có trách nhiệm cao với cộng đồng, mọi hoạt động đều được tổ chức một cách chuyên nghiệp đóng góp vào quá trình phát triển bền vững nền kinh tế nước nhà và đảm bảo cuộc sống hạnh phúc cho cán bộ nhân viên công ty và gia đình.



### 5.5. Rủi ro về quản trị thương hiệu

Con đường duy nhất dẫn đến thành công trong kinh doanh là phải xây dựng được uy tín và thương hiệu tốt. Với chính sách phát triển bền vững của mình, FECON đã nâng cao hiểu biết về quản trị rủi ro thương hiệu trong nội bộ Tập đoàn, tăng cường năng lực truyền thông và luôn đảm bảo tính minh bạch, chính xác trong công tác công bố thông tin nhằm tối đa hóa lợi ích kỳ vọng của các bên liên quan.



### 5.6. Rủi ro pháp lý

Hệ thống pháp luật về xây dựng và bất động sản đang trong quá trình hoàn thiện và liên tục cập nhật, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp xây dựng & bất động sản và FECON không nằm ngoài vùng ảnh hưởng đó. Để giảm thiểu rủi ro pháp lý, FECON luôn luôn duy trì cập nhật, theo dõi liên tục các chính sách, văn bản pháp luật để có thể kiểm soát được các rủi ro về mặt pháp lý trong các hoạt động xây dựng đầu tư của mình.

FECON đã tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân sự pháp chế chuyên nghiệp; làm việc với các chuyên gia, đối tác luật chuyên nghiệp để có sự hỗ trợ và tư vấn kịp thời khi cần thiết.

Bộ phận Pháp chế tiếp tục đẩy mạnh công tác tham mưu tư vấn pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật tới các cán bộ nhân viên liên quan định kỳ hàng tháng.





# 05

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất





# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi tư tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Tập đoàn đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
Ông Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/8/2022)
Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Hà Thế Lộc	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên độc lập
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Nguyễn Song Thanh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Phùng Tiến Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)
Bà Nguyễn Thị Nghiên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)

## BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)
Ông Trần Công Tráng	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Độ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/10/2022)
Ông Đặng Xuân Tình	Giám đốc Thiết bị (Bổ nhiệm ngày 15/10/2022)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài Chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải

• Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

• Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

• Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;

• Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kê cả do gian lận hoặc bị lỗi;

• Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn

sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc.



NGUYỄN VĂN THANH  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông Hội đồng Quản trị,

### Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 31/3/2023, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



*[Handwritten signature in blue ink]*

*[Handwritten signature in blue ink]*

**NGUYỄN THỊ MAI HOA**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của

Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

**NGUYỄN THỊ TIẾN**

**Kiểm toán viên**

*số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2021-137-1*

*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023*



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>A - (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>5.235.382.974.606</b>	<b>5.062.620.383.406</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>174.638.758.149</b>	<b>312.430.239.372</b>
1. Tiền	111		112.906.623.636	172.755.595.009
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.732.134.513	139.674.644.363
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>28.560.627.146</b>	<b>49.148.587.209</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	28.560.627.146	49.148.587.209
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.229.997.090.874</b>	<b>2.821.445.306.296</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.981.715.704.484	2.057.456.007.585
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	235.619.508.387	173.861.796.618
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	37.095.020.000	62.062.540.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	978.197.568.639	531.326.076.549
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.878.109.747)	(4.197.690.370)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.247.399.111	936.575.914
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.669.258.655.738</b>	<b>1.662.011.105.914</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	1.669.258.655.738	1.662.011.105.914
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>132.927.842.699</b>	<b>217.585.144.615</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	42.412.551.500	31.912.874.669
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		85.175.473.475	59.377.573.349
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	5.339.817.724	2.294.696.597
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	124.000.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
<b>B - (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>2.345.591.035.453</b>	<b>2.433.084.195.177</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>127.242.158.796</b>	<b>57.423.776.151</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	2.602.610.000	2.602.610.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	99.534.466.986	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	25.105.081.810	54.821.166.151

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp)

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.796.666.790.712</b>	<b>1.886.312.740.786</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.552.750.680.596	1.631.823.344.094
- Nguyên giá	222		2.021.088.456.407	2.037.531.474.573
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(468.337.775.811)	(405.708.130.479)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	214.376.785.317	228.314.685.631
- Nguyên giá	225		259.091.987.190	262.507.159.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(44.715.201.873)	(34.192.473.996)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	29.539.324.799	26.174.711.061
- Nguyên giá	228		56.938.438.542	48.459.475.815
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.399.113.743)	(22.284.764.754)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>36.931.509.509</b>	<b>26.965.662.452</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.7	9.265.434.881	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	27.666.074.628	26.965.662.452
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>222.086.444.649</b>	<b>292.205.863.439</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2	157.141.403.202	188.633.242.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	60.810.027.447	102.072.620.939
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	4.135.014.000	1.500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>162.664.131.787</b>	<b>170.176.152.349</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	106.013.439.576	110.253.641.667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.792.709.465	207.450.700
5. Lợi thế thương mại	269	5.13	54.857.982.746	59.715.059.982
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>7.580.974.010.059</b>	<b>7.495.704.578.583</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
HỢP NHẤT (Tiếp)

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>4.097.649.577.189</b>	<b>4.566.523.278.536</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.152.094.491.474</b>	<b>3.365.479.978.631</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	709.797.462.112	1.048.908.369.492
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	286.769.356.420	354.059.702.076
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	58.874.060.313	44.150.876.373
4. Phải trả người lao động	314		40.425.059.546	39.140.847.087
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	158.394.891.906	466.586.353.729
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		17.595.239	35.190.479
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	123.266.047.838	72.440.223.420
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.766.741.053.406	1.331.632.444.581
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.808.964.694	8.525.971.394
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>945.555.085.715</b>	<b>1.201.043.299.905</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		4.286.662.860	2.778.828.591
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	-	54.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	941.268.422.855	1.140.623.103.116
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	3.641.368.198
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>3.483.324.432.870</b>	<b>2.929.181.300.047</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>3.483.324.432.870</b>	<b>2.929.181.300.047</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		517.556.564.217	517.556.564.217
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.039.280.000	10.039.280.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		337.163.604.401	333.791.372.072
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		263.830.171	254.161.637

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
HỢP NHẤT (Tiếp)

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		207.271.473.900	218.438.279.112
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		167.662.438.943	150.063.866.509
- LNST chưa phân phối kì này	421b		39.609.034.957	68.374.412.603
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		836.639.630.181	274.711.593.009
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) 440</b>			<b>7.580.974.010.059</b>	<b>7.495.704.578.583</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh






BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.045.529.728.963	3.484.219.388.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.045.529.728.963	3.484.219.388.593
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.689.278.212.092	3.014.506.972.691
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>356.251.516.871</b>	<b>469.712.415.902</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	168.600.604.996	18.943.155.701
7. Chi phí tài chính	22	6.4	228.504.068.345	152.265.106.452
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		212.398.541.759	145.670.784.482
<b>8. Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>24</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	26.794.089.460	25.239.575.877
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	214.701.491.537	200.099.244.674
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>54.852.472.525</b>	<b>111.051.644.600</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	64.886.780.338	6.711.769.614
13. Chi phí khác	32	6.6	41.433.030.451	7.945.583.007
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>23.453.749.887</b>	<b>(1.233.813.393)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>78.306.222.412</b>	<b>109.817.831.207</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	31.932.270.346	38.927.106.131
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(5.226.626.963)	108.939.308
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>51.600.579.029</b>	<b>70.781.785.768</b>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		39.609.034.957	68.374.412.603
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.991.544.072	2.407.373.165
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	252	452

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

<b>Người lập</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Tổng Giám đốc</b>
		
<b>Trần Thu Trang</b>	<b>Phạm Văn Tùng</b>	<b>Nguyễn Văn Thanh</b>





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		78.306.222.412	109.817.831.207
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		154.323.431.407	96.495.220.916
- Các khoản dự phòng	03		(319.580.623)	12.193.220
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		370.595.532	(43.529.558)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(162.097.043.787)	(14.674.711.795)
- Chi phí lãi vay	06		212.398.541.759	145.670.784.482
<b>3.Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>282.982.166.700</b>	<b>337.277.788.472</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		375.686.814.105	1.102.426.826.139
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.785.456.705)	(633.903.739.932)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(587.252.008.155)	(682.982.384.654)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.259.474.740)	(33.930.923.243)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(212.407.654.019)	(147.453.328.257)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.082.668.597)	(41.655.872.956)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		100.000.000	4.080.600.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.875.898.771)	(14.245.349.666)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(202.894.180.182)</b>	<b>(110.386.384.097)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(138.392.121.634)	(1.215.794.261.669)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.518.518.159	59.694.945.962
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(531.645.814.557)	(44.877.003.185)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.030.659.722	37.293.459.965

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT(Tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(54.880.701.000)	(89.217.551.203)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		212.433.090.000	32.622.255.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.689.418.896	11.732.288.359
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(469.246.950.414)</b>	<b>(1.208.545.866.771)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		373.342.500.000	435.535.960.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.019.989.416.193	4.188.149.225.102
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.779.735.960.227)	(3.210.207.256.840)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(79.480.115.548)	(99.633.260.536)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(40.869.223.256)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>534.115.840.418</b>	<b>1.272.975.444.470</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(138.025.290.178)</b>	<b>(45.956.806.398)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>312.430.239.372</b>	<b>358.353.732.799</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		233.808.955	33.312.971
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>174.638.758.149</b>	<b>312.430.239.372</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FECON được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31/12/2022 là 1.228 lao động (tại ngày 31/12/2021: 1.357 lao động)

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô; "Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

### 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN NĂM GIỮ	QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH
Đầu tư vào các Công ty con					
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần công trình ngầm FECON)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	86,14%	99,93%	94,12%
Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1(Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm		99,89%	93,40%
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc		99,89%	93,40%
Công ty Cổ phần cọc và xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần thi công cọc và xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	93,50%	93,50%	93,50%
FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON (trước là Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (trước là Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON)	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	57,90%	57,90%	57,90%
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Tư vấn đầu tư xây dựng	14,29%	99,99%	91,87%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đồng Khê (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh		97,22%	88,01%
FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%



1.4. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp)

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN NẪM GIỮ	QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH
<b>Đầu tư vào các Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	99,999%	99,999%	96,59%
Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	99,997%	99,997%	95,85%
Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng và bán bê tông	100%	100%	99,56%
Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Năng lượng FECON và Công ty Cổ phần Năng lượng ECOTECH Việt Nam)	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng		51,00%	47,85%
Công ty Cổ phần GF Homes (tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Đồng Tháp	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
Công ty Cổ phần GF Homes Bắc Ninh (tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Bắc Ninh	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>					
Công ty Cổ phần FECON Miltec	Long An	Sản xuất sản phẩm từ plastic: bắc thấm, vải địa kỹ thuật và các sản phẩm khác từ plastic	49,09%		49,09%
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Hà Nội	Thi công xây dựng	49%	49%	28,4%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Hà Nội	Thi công xây dựng	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	48,83%	48,83%	48,83%
Công ty Cổ phần Fecon Hòa Yên	Bắc Giang	Kinh doanh BĐS	36,00%	36,00%	36,00%

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tập đoàn kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

### Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng năm 2022 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần FECON, các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON, Trường PTTH Ý Yên, Công ty Cổ phần Đầu tư FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON, Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO, LTD, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng, Công ty Cổ phần Thiết bị FECON, Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1, Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON, Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON, FECON Trung Chính Myanmar, Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam, Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON, Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng, Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI, Công ty Cổ phần GF Homes, Công ty Cổ phần GF Homes Bắc Ninh.

### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

#### Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

#### Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

**(i)** Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2022.

**(ii)** Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### *Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

#### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



4.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	SỐ NĂM
<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>10 - 50</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>05 - 20</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>06 - 10</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>03 - 08</i>
<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	<i>03 - 10</i>

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 - 10 năm.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

*Thuê tài chính*

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

4.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	SỐ NĂM
Máy móc, thiết bị	08 - 20
Phương tiện vận tải	8 - 10

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính năm.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu một lần khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ. Chi phí trả trước là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Đối với chi phí trả trước là Giá trị quyền sử dụng văn phòng tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm. Tập đoàn phân bổ theo thời gian 48 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ Công ty mẹ - Công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

4.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Trích trước chi phí các công trình khi đã có nghiệm thu khối lượng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: khoản chênh lệch giữa giá bán và giá thuê lại tài sản thuê tài chính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn thuê của hợp đồng.

4.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu xây lắp.

Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## 4.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

#### *Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### *Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### *Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán*

Bao gồm giá vốn của công trình xây lắp, bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.  
Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính*

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

## 4.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế và 25% đối với thuế suất đầu tư vốn ra ngoài Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

#### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.  
Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam theo đó không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	33.575.249.285	19.295.351.785
Tiền gửi ngân hàng	79.331.374.351	153.460.243.224
Các khoản tương đương tiền	61.732.134.513	139.674.644.363
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	61.732.134.513	139.674.644.363
<b>Tổng</b>	<b>174.638.758.149</b>	<b>312.430.239.372</b>

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2022 VND		01/01/2022VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi	Số giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	28.560.627.146	28.560.627.146	49.148.587.209	49.148.587.209
- Tiền gửi có kỳ hạn	28.560.627.146	28.560.627.146	48.648.587.209	48.648.587.209
- Các khoản đầu tư khác	-	-	500.000.000	500.000.000
<b>Dài hạn</b>	4.135.014.000	4.135.014.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Trái phiếu kỳ hạn từ 8 - 10 năm				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Các khoản đầu tư khác	2.635.014.000	2.635.014.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>32.695.641.146</b>	<b>32.695.641.146</b>	<b>50.648.587.209</b>	<b>50.648.587.209</b>

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư dài hạn

	31/12/2022 VND		01/01/2022VND	
	TỶ LỆ	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	49,00%	49,00%	49,00%	188.633.242.500
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	-	-	-	24.500.000.000
Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên	36,00%	36,00%	36,00%	162.177.242.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	24,20%	24,20%	24,20%	-
Công ty Cổ phần FECON Miltec	49,04%	49,04%	49,04%	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	49,10%	49,10%	49,10%	491.000.000
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	48,83%	48,83%	48,83%	1.465.000.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				<b>102.072.620.939</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON				41.262.620.939
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1,94%	1,94%	1,94%	7.000.000.000
Công ty Cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	11,85%	11,85%	11,85%	16.000.000.000
Hợp tác kinh doanh, đầu tư với các cá nhân				37.810.000.000
<b>Tổng</b>				<b>290.705.863.439 (*)</b>

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch giữa Công ty và các Công ty liên kết, đầu tư khác trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.



5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.981.715.704.484</b>	<b>2.057.456.007.58</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	62.553.118.955	62.553.118.955
Công ty Posco E&C-Thầu chính Gói thầu A2 thuộc DA Hóa dầu Long Sơn	22.204.245.170	22.204.245.170
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	27.627.016.393	34.863.407.320
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	22.487.461.683	4.038.004.902
Liên danh Hyundai E&C-GHELLA	66.000.185.704	67.243.818.523
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt	926.391.103	11.822.990.559
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Nhơn Trạch	24.848.062.156	41.027.496.576
Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn - Tây Đô	-	79.309.142.550
Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC)	30.967.790.964	234.534.396.555
Liên Danh Nhà Thầu Kumho - Huyndai	4.367.959.097	12.522.462.968
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phurong Hoàng Xanh A&A	187.158.721	2.038.584.918
Công ty TNHH VESTAS WIND TECHNOLOGY Việt Nam	253.000.000	78.136.751.550
Công ty Cổ Phần Quốc Lộc Phát	33.322.564.088	30.540.074.468
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	96.884.800.005	-
Công ty mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	40.856.919.222	-
Phải thu các đối tượng khác	1.548.229.031.223	1.376.621.512.571
<b>Dài hạn</b>	<b>2.602.610.000</b>	<b>2.602.610.000</b>
Phải thu các đối tượng khác	2.602.610.000	2.602.610.000
<b>Tổng</b>	<b>1.984.318.314.484</b>	<b>2.060.058.617.585</b>
<b>Trong đó phải thu ngắn hạn các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</b>	<b>6.247.678.690</b>	<b>16.090.701.168</b>

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2022 VND	01/01/2022VND
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thông Thuận	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH POWERCHINA Việt Nam	23.638.325.874	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Cảng	26.000.000.000	12.000.000.000
Các đối tượng khác	145.981.182.513	121.861.796.618
<b>Tổng</b>	<b>235.619.508.387</b>	<b>173.861.796.618</b>

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2022 VND	01/01/2022VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>37.095.020.000</b>	<b>62.062.540.000</b>
Công ty Cổ phần Tổng hợp xây dựng công trình 69	550.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 (1)	32.460.020.000	34.127.540.000
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	-	23.300.000.000
Các đối tượng khác	4.085.000.000	4.085.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>99.534.466.986</b>	<b>-</b>
Ông Lê Anh Tùng (2)	76.234.466.986	-
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO) (3)	23.300.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>136.629.486.986</b>	<b>62.062.540.000</b>
<b>Trong đó phải thu cho vay các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</b>	<b>23.300.000.000</b>	<b>23.300.000.000</b>

1) Theo hợp đồng vay số 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần FECON và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6, thời hạn vay là 10 tháng tính từ ngày bên vay rút khoản vay đầu tiên; Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 01/2019//HĐCG/FCN-FCP ngày 15/12/2019 giữa bên chuyển giao Công ty Cổ phần FECON và bên nhận chuyển giao Công ty Cổ phần Năng lượng FECON toàn bộ quyền và nghĩa vụ của FCN phát sinh từ hợp đồng vay số 02/2019/HĐ-VH6- FCN ngày 20/02/2019; Phụ lục hợp đồng số 01/2019/FCN-VH6-FCP ngày 16/12/2019 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần FECON, bên kế thừa Công ty Cổ phần Năng lượng FECON và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6, theo đó số tiền vay là 55.584.000.000 đồng; Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/01/2020 tự động gia hạn kỳ hạn vay bằng kỳ hạn vay của hợp đồng 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019 nếu Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 không có thông báo hoặc các bên không có thỏa thuận khác.

(2) Hợp đồng vay tiền số 1205/2022/HĐV/FCP-LAT ngày 12/5/2022 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần Năng lượng FECON và bên vay ông Lê Anh Tùng; Số tiền vay 76.234.466.986 đồng; Mục đích vay: Toàn bộ số tiền giải ngân cho vay chỉ được sử dụng thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bên vay đối với Ecotech Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng giữa Ecotech Việt Nam và ông Lê Anh Tùng. Thời điểm trả nợ không muộn hơn ngày 28/10/2025.

(3) Theo thỏa thuận hợp đồng vay có thể chuyển đổi ngày 15/5/2020 và Phụ lục số 01/FCP-/Ofico/2022 ngày 12/5/2022 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng FECONvà Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune. Theo đó Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune vay số tiền 23.300.000.000 đồng; Thời hạn vay: đến ngày 14 tháng 5 năm 2025 hoặc tùy theo quyết định của bên cho vay. Nếu khoản vay được hoàn trả muộn hơn 14/5/2025 thì cứ 10.000 đồng sẽ quy đổi bằng 1 cổ phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng FECON nắm giữ tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune.

5.6 Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2022 VND		01/01/2022VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>978.197.568.639</b>	-	<b>531.326.076.549</b>	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	540.315.589	-	853.129.871	-
Công ty Cổ phần năng lượng Vĩnh Hảo 6	-	-	153.620.680	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	6.128.219.175	-	3.798.219.176	-
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	-	-	4.936.371.933	-
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	-	-	30.100.589.822	-
Ông Hà Thế Phương (i)	50.900.000.000	-	-	-
Ông Muôn Văn Chiến (i)	177.900.000.000	-	-	-
Ông Phùng Tiến Trung (i)	190.200.000.000	-	-	-
Phải thu khác	46.036.040.553	-	40.176.819.552	-
Tạm ứng	502.398.839.212	-	446.556.860.265	-
Ký cược, ký quỹ	4.094.154.110	-	4.750.465.250	-
<b>Dài hạn</b>	<b>25.105.081.810</b>	-	<b>54.821.166.151</b>	-
Các khoản phải thu khác	9.303.337.614	-	39.479.684.269	-
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Vĩnh Châu - TDC	-	-	27.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	9.303.337.614	-	12.479.684.269	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	15.801.744.196	-	15.341.481.882	-
<b>Tổng</b>	<b>1.003.302.650.449</b>	-	<b>586.147.242.700</b>	-

**Trong đó phải thu khác các bên liên quan trình bày Thuyết**

**minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan**

**4.090.710.166**

(i) Là khoản liên quan đến các Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Năng lượng FECON với các cá nhân; Thời hạn hợp tác: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết; Lợi ích từ việc hợp tác đầu tư: Tùy thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động của Công ty mục tiêu và cổ tức được nhận từ Công ty mục tiêu (nếu có), các Bên sẽ thỏa thuận việc phân chia lợi ích từ việc hợp tác đầu tư và lập thành văn bản, Phụ lục hợp đồng.

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2022 VND		01/01/2022VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.669.258.655.738</b>	-	<b>1.662.011.105.914</b>	-
Nguyên liệu, vật liệu	15.230.435.660	-	17.426.221.038	-
Công cụ, dụng cụ	1.405.096.954	-	1.806.958.908	-
Chi phí SXKDDD	1.595.373.887.103	-	1.569.971.713.268	-
Thành phẩm	20.475.059.648	-	24.034.431.471	-
Hàng hóa	36.774.176.373	-	48.771.781.229	-
Dài hạn	9.265.434.881	-	-	-
Chi phí SXKDDD	9.265.434.881	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.678.524.090.619</b>	-	<b>1.662.011.105.914</b>	-

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>42.412.551.500</b>	<b>31.912.874.669</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	2.299.616.417	725.849.985
Chi phí bảo hiểm	944.598.843	905.615.111
Chi phí thuê kho, văn phòng	392.794.927	349.002.299
Chi phí mua phần mềm	1.350.192.689	1.423.371.054
Chi phí khác	37.425.348.624	28.509.036.220
<b>Dài hạn</b>	<b>106.013.439.576</b>	<b>110.253.641.667</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	23.288.916.073	31.028.443.017
Chi phí sửa chữa	2.107.691.406	1.464.644.193
Tiền thuê văn phòng, thuê tài sản	51.491.958.898	53.697.036.826
Chi phí phần mềm	21.450.000	68.880.918
Phí bảo hiểm	2.211.418.715	3.560.385.227
Chi phí khác	26.892.004.484	20.434.251.486
<b>Tổng</b>	<b>148.425.991.076</b>	<b>142.166.516.336</b>



5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TSCĐ HỮU HÌNH KHÁC	TỔNG
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2022	137.880.124.411	1.537.238.459.474	193.052.372.462	3.156.467.952	166.204.050.274	2.037.531.474.573
Tăng trong năm	539.364.104	119.436.294.163	8.861.891.503	6.950.746.116	3.134.883.609	138.923.179.495
Mua trong năm	493.253.400	86.162.914.524	4.050.634.189	295.930.180	910.804.000	91.913.536.293
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	31.971.879.517	3.571.470.471	-	-	35.543.349.988
Đầu tư XDCB hoàn thành	46.110.704	1.262.700.122	324.522.662	-	2.224.079.609	3.857.413.097
Phân loại lại	-	-	915.264.181	6.654.815.936	-	7.570.080.117
Tăng khác	-	38.800.000	-	-	-	38.800.000
Giảm trong năm	487.642.709	139.848.823.289	10.344.142.169	234.371.818	4.451.217.676	155.366.197.661
Thanh lý, nhượng bán	-	60.085.072.060	2.713.616.144	195.571.818	3.535.953.495	66.530.213.517
Chuyển sang tài sản thuê tài chính	-	39.980.418.786	6.858.347.427	-	-	46.838.766.213
Phân loại lại	-	6.654.815.936	-	-	915.264.181	7.570.080.117
Giảm do hợp nhất	487.642.709	33.128.516.507	772.178.598	-	-	34.388.337.814
Giảm khác	-	-	-	38.800.000	-	38.800.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2022	19.973.228.307	326.405.599.282	31.615.745.449	3.156.467.952	24.557.089.489	405.708.130.479
Tăng trong năm	13.462.960.794	99.224.282.477	11.054.508.674	389.806.481	15.043.810.811	139.175.369.237
Khấu hao trong năm	13.462.960.794	84.854.332.659	10.252.060.265	367.817.105	15.043.810.811	123.980.981.634
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	13.904.537.107	742.015.897	-	-	14.646.553.004
Tăng do hợp nhất	-	462.552.538	-	-	-	462.552.538
Phân loại lại	-	2.860.173	60.432.512	21.989.376	-	85.282.061
Giảm trong năm	449.741.641	72.206.736.653	1.886.146.992	163.470.208	1.839.628.411	76.545.723.905
Thanh lý, nhượng bán	-	23.325.185.197	1.211.272.829	160.610.035	1.757.274.061	26.454.342.122
Chuyển sang thuê tài chính	-	13.861.435.348	227.303.630	-	-	14.088.738.978
Phân loại lại	1	67.527	10	2.860.173	82.354.350	85.282.061
Giảm do hợp nhất	449.741.640	35.020.048.581	447.570.523	-	-	35.917.360.744
Số dư tại 31/12/2022	32.986.447.460	353.423.145.106	40.784.107.131	3.382.804.225	37.761.271.889	468.337.775.811
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2022	117.906.896.104	1.210.832.860.192	161.436.627.013	-	141.646.960.785	1.631.823.344.094
Tại 31/12/2022	104.945.398.346	1.163.402.785.242	150.786.014.665	6.490.038.025	127.126.444.318	1.552.750.680.596

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 1.320.990.606.436 đồng (Tại ngày 31/12/2021 là 1.402.449.847.406 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 102.946.053.459 đồng ( Tại ngày 31/12/2021 là 81.733.490.650 đồng).

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN,	TỔNG
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2022	253.616.749.465	8.890.410.162	262.507.159.627
Tăng trong năm	52.317.931.216	6.625.061.916	58.942.993.132
Thuê trong năm	52.317.931.216	6.625.061.916	58.942.993.132
Giảm trong năm	58.786.695.098	3.571.470.471	62.358.165.569
Mua lại tài sản thuê tài chính	58.786.695.098	3.571.470.471	62.358.165.569
Số dư tại 31/12/2022	247.147.985.583	11.944.001.607	259.091.987.190
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2022	32.308.073.500	1.884.400.496	34.192.473.996
Tăng trong năm	23.959.628.054	1.209.652.827	25.169.280.881
Khấu hao trong năm	23.959.628.054	1.209.652.827	25.169.280.881
Giảm trong năm	13.904.537.107	742.015.897	14.646.553.004
Mua lại tài sản thuê tài chính	13.904.537.107	742.015.897	14.646.553.004
Số dư tại 31/12/2022	42.363.164.447	2.352.037.426	44.715.201.873
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2022	221.308.675.965	7.006.009.666	228.314.685.631
Tại 31/12/2022	204.784.821.136	9.591.964.181	214.376.785.317

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	QUYỀN KHAI THÁC MỎ	BẢN QUYỀN BẰNG SÁNG CHẾ	PHẦN MỀM VI TÍNH	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC	TỔNG
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2022	6.052.301.130	13.195.889.771	241.800.000	28.044.367.657	925.117.257	48.459.475.815
Tăng trong năm	- 7.803.260.043		-	792.946.304		- 8.596.206.347
Mua trong năm	- 7.803.260.043		-	792.946.304		- 8.596.206.347
Giảm trong năm	-	-	-	117.243.620	-	117.243.620
Thanh lý, nhượng bán		-		117.243.620		117.243.620
Số dư tại 31/12/2022	6.052.301.130	20.999.149.814	241.800.000	28.720.070.341	925.117.257	56.938.438.542
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2022	1.146.106.699	6.255.852.954	83.139.452	14.262.253.244	537.412.405	22.284.764.754
Tăng trong năm	- 1.655.573.550		30.225.000	3.446.834.105	40.536.237	5.173.168.892
Khấu hao trong năm	- 1.655.573.550		30.225.000	3.446.834.105	40.536.237	5.173.168.892
Giảm trong năm	-	-	-	58.819.903	-	58.819.903
Thanh lý, nhượng bán	-			58.819.903	-	58.819.903
Số dư tại 31/12/2022	1.146.106.699	7.911.426.504	113.364.452	17.650.267.446	577.948.642	27.399.113.743
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2022	4.906.194.431	6.940.036.817	158.660.548	13.782.114.413	387.704.852	26.174.711.061

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022VND
Chi phí dự án trồng lê tại huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	17.377.531.333	16.906.543.928
Mua sắm tài sản cố định	9.117.719.465	9.550.027.615
Chi phí dự án Cụm công nghiệp Đoàn Bái-Danh Thắng	1.170.823.830	-
Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (giai đoạn 2)	-	509.090.909
<b>Tổng</b>	<b>27.666.074.628</b>	<b>26.965.662.452</b>

5.13 Lợi thế thương mại

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
Lợi thế thương mại đầu năm	59.715.059.982	52.314.688.118
Lợi thế thương mại tăng trong năm	2.604.000.000	14.277.897.652
Lợi thế thương mại giảm trong năm	7.461.077.236	6.877.525.788
Lợi thế thương mại cuối năm	54.857.982.746	59.715.059.982

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022(VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>709.797.462.112</b>	<b>709.797.462.112</b>	<b>1.048.908.369.492</b>	<b>1.048.908.369.492</b>
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	32.544.738.817	32.544.738.817	73.303.809.731	73.303.809.731
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	6.145.170.934	6.145.170.934	53.185.812.772	53.185.812.772
GEOHARBOUR Limited	36.973.395.673	36.973.395.673	36.816.311.641	36.816.311.641
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dung Trần	2.913.524.188	2.913.524.188	7.913.524.188	7.913.524.188
POWERCHINA HUADONG ENGINEERING CORPORATION LIMITED	-	-	24.753.983.800	24.753.983.800
Các đối tượng khác	631.220.632.500	631.220.632.500	852.934.927.360	852.934.927.360
<b>Tổng</b>	<b>709.797.462.112</b>	<b>709.797.462.112</b>	<b>1.048.908.369.492</b>	<b>1.048.908.369.492</b>

*Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan*

	32.544.738.817	32.544.738.817	74.793.653.951	74.793.653.951
--	----------------	----------------	----------------	----------------



5.15 Người mua ứng tiền trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>286.769.356.420</b>	<b>354.059.702.076</b>
Công ty TNHH Techtronic Tools ( Việt Nam)	-	26.323.216.754
Công ty TNHH Phong điện Hòa Đông	3.056.906.604	37.269.610.938
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội	-	12.002.165.125
Công ty CP Gumada Land (HCMC)	-	4.584.366.828
Ban Quản lý dự án 7	8.275.880.074	24.551.683.000
Văn phòng chính phủ	689.611.588	20.031.600.000
Công ty TNHH PowerChina Việt Nam	-	9.293.113.264
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Phú Hải	16.896.233.312	15.330.875.159
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	14.504.686.398	-
Công ty China Harbour Engineering Co.,Ltd - Thầu phụ thi công xây dựng công trình biển da nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II	32.478.368.430	-
Các đối tượng khác	210.867.670.014	204.673.071.008
<b>Tổng</b>	<b>286.769.356.420</b>	<b>354.059.702.076</b>

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
<b>Phải nộp</b>	<b>44.150.876.373</b>	<b>104.841.989.258</b>	<b>90.118.805.318</b>	<b>58.874.060.313</b>
Thuế giá trị gia tăng	7.692.186.200	36.608.713.167	32.229.606.523	12.071.292.844
Thuế XNK	-	23.760.560	23.760.560	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.039.399.971	32.678.219.941	30.082.668.597	31.634.951.315
- Phát sinh trong năm	29.039.399.971	31.901.144.905	29.305.593.561	31.634.951.315
- Điều chỉnh các năm trước	-	777.075.036	777.075.036	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.622.746.301	19.509.052.285	17.510.564.529	6.621.234.057
Thuế tài nguyên	1.470.277.000	3.289.076.000	4.409.353.000	350.000.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	21.600.000	21.600.000	-
Thuế nhà thầu	287.921.040	681.103.389	969.024.429	-
Thuế môn bài	-	32.000.000	32.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.038.345.861	11.998.463.916	4.840.227.680	8.196.582.097
<b>Tổng</b>	<b>44.150.876.373</b>	<b>104.841.989.258</b>	<b>90.118.805.318</b>	<b>58.874.060.313</b>
<b>Phải thu</b>	<b>2.294.696.597</b>	<b>28.119.970.766</b>	<b>31.165.091.893</b>	<b>5.339.817.724</b>
Thuế GTGT	388.642	388.642	2.030.300.677	2.030.300.677
Thuế XNK	1.861.615.269	27.709.500.835	27.789.222.028	1.941.336.462
Thuế thu nhập doanh nghiệp	428.418.634	31.125.441	-	397.293.193
Thuế thu nhập cá nhân	4.274.052	4.274.052	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	69.349.763	138.699.526	69.349.763
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	305.332.033	1.206.869.662	901.537.629
<b>Tổng</b>	<b>2.294.696.597</b>	<b>28.119.970.766</b>	<b>31.165.091.893</b>	<b>5.339.817.724</b>

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>158.394.891.906</b>	<b>466.586.353.729</b>
Lãi vay phải trả	-	9.112.260
Trích trước chi phí các công trình	156.826.030.069	458.349.117.627
Trích trước chi phí khác	1.568.861.837	8.228.123.842
<b>Tổng</b>	<b>158.394.891.906</b>	<b>466.586.353.729</b>

5.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>123.266.047.838</b>	<b>72.440.223.420</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	121.600
Kinh phí công đoàn	2.882.140.076	2.117.137.107
Bảo hiểm xã hội	716.011.826	1.137.470.167
Bảo hiểm y tế	152.334.423	394.347.582
Bảo hiểm thất nghiệp	79.950.977	110.227.553
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	157.326.335	4.237.926.335
Phải trả phải nộp khác	119.278.284.201	64.442.993.076
Cổ tức phải trả	55.840.164.254	123.486.173
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư công nghệ Ecotech Việt Nam	-	25.873.559.000
Công ty TNHH Geoharbour Holding (*)	9.955.679.021	9.955.679.021
Phải trả, phải nộp khác	53.482.440.926	28.490.268.882
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>54.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng	-	54.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>123.266.047.838</b>	<b>126.440.223.420</b>
<b>Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</b>	<b>755.124.163</b>	<b>744.922.110</b>

(\*): Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 09/01/2018 giữa bên chuyển nhượng Công ty TNHH Geoharbour Holding và Bên nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần FECON; Cổ phần chuyển nhượng: Cổ phần của Công ty Cổ phần Xử lý nền và xây dựng FECON; Số lượng: 5.070.857 cổ phần; Giá chuyển nhượng: 47.095.000.000 đồng.

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022 VND		Trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.766.741.053.406</b>	<b>1.766.741.053.406</b>	<b>3.073.542.091.166</b>	<b>2.638.433.482.341</b>	<b>1.331.632.444.581</b>	<b>1.331.632.444.581</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đô (1)	657.125.733.998	657.125.733.998	1.088.545.701.823	1.026.861.057.916	595.441.090.091	595.441.090.091
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	6.873.761.880	6.873.761.880	12.547.243.532	7.055.352.146	1.381.870.494	1.381.870.494
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Sở Giao dịch (2)	248.191.046.081	248.191.046.081	398.360.770.751	384.908.541.988	234.738.817.318	234.738.817.318
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Phú Nhuận (3)	75.536.644.057	75.536.644.057	243.896.214.366	196.984.599.523	28.625.029.214	28.625.029.214
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Chi nhánh Đồng Anh (4)	5.993.632.385	5.993.632.385	41.557.705.485	75.672.399.103	40.108.326.003	40.108.326.003
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội (5)	25.339.273.819	25.339.273.819	37.027.085.420	42.101.829.241	30.414.017.640	30.414.017.640
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm (6)	44.742.750.002	44.742.750.002	193.423.755.445	225.264.497.929	76.583.492.486	76.583.492.486
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (7)	130.714.190.690	130.714.190.690	223.610.810.033	164.202.394.239	71.305.774.896	71.305.774.896
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thanh Xuân (8)	87.982.878.618	87.982.878.618	174.765.673.151	163.939.010.595	77.156.216.062	77.156.216.062
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	-	-	9.913.287.969	21.388.610.518	11.475.322.549	11.475.322.549
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (9)	76.748.442.122	76.748.442.122	165.249.488.376	96.201.046.254	7.700.000.000	7.700.000.000
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lăng Hạ (10)	31.589.480.481	31.589.480.481	53.787.295.001	42.131.323.561	19.933.509.041	19.933.509.041
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Khối ngân hàng bán buôn (11)	23.019.011.107	23.019.011.107	30.502.157.907	15.255.179.793	7.772.032.993	7.772.032.993
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (12)	52.009.899.204	52.009.899.204	53.854.576.544	38.620.327.211	36.775.649.871	36.775.649.871



5.19 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2022 VND		Trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
a. Vay	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long (13)	88.653.069.082	88.653.069.082	99.190.026.099	37.617.492.603	27.080.535.586	27.080.535.586
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long	-	-	-	37.546.738.566	37.546.738.566	37.546.738.566
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng Tp.Hồ Chí Minh	-	-	-	9.880.380.000	9.880.380.000	9.880.380.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Hà Nội	-	-	2.571.354.401	2.571.354.401	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3.219.170.061	3.219.170.061	28.875.494.285	25.656.324.224	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (14)	11.000.000.000	11.000.000.000		-	-	-
FeMa HoldCo Pte Limited (15)	18.292.495.600	18.292.495.600	18.292.495.600	-		
Vay các đối tượng khác	33.720.954.978	33.720.954.978	37.820.954.978	21.813.641.771	17.713.641.771	17.713.641.771
<b>Trái phiếu thường</b>						
Côngty cổ phần chứng khoán Dầu khí(16)	122.563.636.364	122.563.636.364	125.000.000.000	2.436.363.636	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (17)	23.424.982.877	23.424.982.877	23.750.000.000	325.017.123		

5.19 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2022 VND		Trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
<b>Vay dài hạn</b>	<b>825.948.158.203</b>	<b>825.948.158.203</b>	<b>184.619.160.445</b>	<b>371.565.131.347</b>	<b>1.012.894.129.105</b>	<b>1.012.894.129.105</b>
Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội - CN Sở Giao Dịch 1	-	-	-	905.968.800	905.968.800	905.968.800
Ngân hàng TMCP Quân đội (18)	745.191.529.954	745.191.529.954	29.268.526.095	41.012.336.393	756.935.340.252	756.935.340.252
SHOWA LEASING „LTD	-	-	-	515.400.000	515.400.000	515.400.000
Vay Công ty Shanghai Harbour Brunei (19)	44.009.705.032	44.009.705.032	-	-	44.009.705.032	44.009.705.032
Trần Ngọc Dương (20)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam	-	-	-	446.666.676	446.666.676	446.666.676
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội	1.493.333.351	1.493.333.351	-	559.999.992	2.053.333.343	2.053.333.343
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (21)	23.253.589.866	23.253.589.866	-	22.972.338.370	46.225.928.236	46.225.928.236
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Kinh Đô	-	-	86.923	256.057.480	255.970.557	255.970.557
<b>Trái phiếu thường</b>						
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí -	-	-	154.313.030.304	233.646.363.636	79.333.333.332	79.333.333.332
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	-	1.037.517.123	71.250.000.000	70.212.482.877	70.212.482.877

5.19 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

		31/12/2022 VND		Trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
Thuế tài chính		115.320.264.652	115.320.264.652	72.290.755.746	84.699.465.105	127.728.974.011
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam		6.018.144.626	6.018.144.626	-	4.176.485.016	10.194.629.642
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam		47.528.160.091	47.528.160.091	39.930.017.947	21.672.865.084	29.271.007.228
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam		10.612.382.665	10.612.382.665	-	20.250.548.379	30.862.931.044
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chaillease - Chi nhánh Hà Nội		7.952.833.837	7.952.833.837	8.410.477.090	6.913.509.250	6.455.865.997
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV- Sumi Trust - CN Hà Nội		35.963.188.001	35.963.188.001	15.790.138.537	30.086.251.856	50.259.301.320
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM		2.873.562.460	2.873.562.460	3.660.129.200	1.471.805.520	685.238.780
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đô		4.371.992.972	4.371.992.972	4.499.992.972	128.000.000	
<b>Tổng</b>		<b>2.708.009.476.261</b>	<b>2.708.009.476.261</b>	<b>3.330.452.007.357</b>	<b>3.094.698.078.793</b>	<b>2.472.255.547.697</b>

5.19 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

b. Nợ thuế tài chính

		31/12/2022 VND		01/01/2022 (VND)	
		Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính
		Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đô		128.000.000	-	128.000.000	-
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		4.898.999.352	722.514.336	4.176.485.016	10.391.44
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		24.838.404.510	3.165.539.426	21.672.865.084	14.804.547.574
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chaillease - CN Hà Nội		7.621.806.048	708.296.798	6.913.509.250	6.603.819.128
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam		21.424.266.080	1.173.717.701	20.250.548.379	39.566.150.934
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín		-	-	-	221.674.436
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV- Sumi Trust - CN Hà Nội		33.019.466.782	2.933.214.926	30.086.251.856	36.956.954.312
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM		1.521.820.263	50.014.743	1.471.805.520	459.221.077
<b>Tổng</b>		<b>93.452.763.035</b>	<b>8.753.297.930</b>	<b>84.699.465.105</b>	<b>109.003.812.661</b>
				<b>9.370.552.125</b>	<b>99.633.260.536</b>



**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**(1)** Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/132625/HĐTDHM ngày 14/7/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng 1.500 tỷ đồng trong đó hạn mức vay vốn, LC, bảo lãnh thanh toán là 700 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 800 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, tối đa tới ngày 31/7/2023. Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/3993901/HĐTD ngày 05/08/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 200.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, Bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày mở hợp đồng nhưng không quá 05/8/2023. Biện pháp bảo đảm: các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày, và sau ngày của hợp đồng này. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/12745542/HĐTD ngày 05/9/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON. Hạn mức tín dụng là 130.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay ngắn hạn, L/C, bảo lãnh thanh toán là 60 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 70 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: tối đa đến ngày 31/07/2023. Lãi suất cho vay xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: Máy ép cọc DTZ 718; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508(N59902); Máy đóng cọc Hitachi PD100; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508-105M(N56702); Máy đóng cọc Sumitomo LS218 RH5; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH608-120M; Bộ búa đóng cọc thủy lực DKH-13; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508-105M(N59202); Máy đóng cọc Nippon Saryo DH558-110M; Trạm trộn bê tông công suất 120m<sup>3</sup>/h; Bộ máy bơm Hitachi trục vít 120HP (xuất xứ Nhật); và Xe ô tô Ford Rang.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/6233431/HĐTD ngày 13/09/2022 giữa bên cấp tín dụng Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam và bên được cấp tín dụng Công ty Cổ phần Đầu Tư FECON. Hạn mức cấp tín dụng 120.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian cấp hạn mức: tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. thời hạn cho vay, bảo lãnh, L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp đảm bảo: Các hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ký quỹ được thực hiện trước và sau ngày của hợp đồng này mà điều khoản phạm vi đảm bảo của các hợp đồng đảm bảo bao gồm hợp đồng này.

**(2)** Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 108516.22.002.966899.TD ngày 19/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng 750 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 300 tỷ đồng, hạn mức thấu chi là 4 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 20 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 450 tỷ đồng, hạn mức phát hành LC (không gồm LC xuất khẩu) là 20 tỷ đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, LC phục vụ hoạt động xây dựng của khách hàng. Thời hạn cấp tín dụng tối đa đến ngày 30/11/2023. Lãi suất cho vay được quy định chi tiết theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại Hợp đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số 18278.081.5575330.TD ngày 1/6/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON. Hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay là 100 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 50 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 50 tỷ đồng. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh xây lắp. Thời hạn cấp tín dụng : từ ngày ký hợp đồng đến ngày 1/4/2023. Lãi suất: Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Chi tiết về việc đảm bảo tiền vay được quy định cụ thể tại hợp đồng đảm bảo ký giữa ngân hàng và công ty hoặc bên thứ ba.

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**(3)** Hợp đồng cấp tín dụng số 35.22.226.2831023.TD ngày 04/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Phú Nhuận và Công ty Cổ phần FECON South. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp của khách hàng. Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 27/12/2022; Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Hình thức bảo đảm: Tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, hợp đồng tiền gửi, thế tiết kiệm và giấy từ có giá do Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành, trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc. Hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm do TCTD khác phát hành, BDS, Phương tiện vận tải. Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang, quyền đòi nợ đã hình thành từ phương án. Hợp đồng tiền gửi số: 53346.21.226.2831023.TG.DN và 53129.21.226.2831023.TG.DN. Quyền phát sinh từ hợp đồng giao thầu số 66/2021/HĐ-BCU.FECON ký ngày 13/7/2021 và các Phụ lục kèm theo hợp đồng và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang.

**(4)** Hợp đồng cấp tín dụng số 64493.21.031.5207909.TD ngày 25/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh; Hạn mức tín dụng 1 là 17.250.000.000 đồng, doanh số giải ngân tối đa 25.785.000.000 đồng; Hạn mức tín dụng 2 là 34.500.000.000 đồng, doanh số giải ngân tối đa 51.750.000.000 đồng. Tại thời điểm cấp tín dụng, Hạn mức tín dụng 1 có hiệu lực, Hạn mức tín dụng 2 chưa có hiệu lực. Hạn mức tín dụng 2 chỉ phát sinh hiệu lực khi khách hàng có nhu cầu sử dụng vượt giá trị của Hạn mức tín dụng 1 và khách hàng có đề nghị gửi MB và được MB chấp thuận; Thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/06/2022; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn phục vụ thi công theo Hợp đồng xây lắp số 0910/2021/LH2/IPC-FC1 ngày 09/10/2021 về việc cung cấp vật tư và thi công cọc cho móng tuabin điện gió - Dự án Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 và Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC; Lãi suất theo văn bản nhận nợ của khách hàng với MB; Biện pháp đảm bảo gồm tiền ký quỹ, tiền gửi của MB, tối thiểu 15% nghĩa vụ đảm bảo bằng tài sản độc lập, tối đa 85% nghĩa vụ đảm bảo bằng hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ, bảo đảm theo quy định cụ thể tại hợp đồng bảo đảm ký giữa MB và khách hàng.

**(5)** Hợp đồng tín dụng số 18416/22MB/HĐTD ngày 21/6/2022 giữa Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 100 tỷ đồng bao gồm toàn bộ số dư theo hợp đồng tín dụng số 10122/21MB/HĐTD ngày 09/6/2021 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Trong đó hạn mức cho vay không vượt quá 50 tỷ đồng, hạn mức cấp bảo lãnh không vượt quá 100 tỷ đồng, hạn mức phát hành thư tín dụng (LC) không vượt quá 100 tỷ đồng; Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 21/06/2022; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng là cho vay, phát hành bảo lãnh, phát hành LC phục vụ thi công dự án, công trình, hợp đồng do bên được cấp tín dụng thực hiện; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ/Hợp đồng cấp tín dụng/ Hợp đồng cấp bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ là Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và/hoặc đã hình thành từ hợp đồng thi công và các phụ lục sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) giữa bên được cấp tín dụng và bên thanh toán và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty Cổ phần FECON và/hoặc Bên thứ ba.

**(6)** Hợp đồng cấp tín dụng số 005/2022-HĐCVHM/NHCT903-FECON SOUTH JSC ngày 18/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ thiêm và Công ty Cổ phần FECON South. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp của bên vay. Thời hạn vay: Được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 8 tháng và được duy trì hạn mức đến ngày bên Vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn duy trì hạn mức từ 18/01/2022 đến hết ngày 15/01/2023. Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ Hình thức đảm bảo tiền vay Tài sản đảm bảo là các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng cho vay có quy định hoặc dẫn đến nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho vay.

**(7)** Hợp đồng tín dụng hạn mức số 16/2022/HDTD/TTKHDNL MB2/01 ngày 30/3/2022 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 500 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay tối đa là 200 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh tối đa là 500 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp và lắp đặt của khách hàng; Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức theo từng phương án kinh doanh đảm bảo không vượt quá 9 tháng/khế ước nhận nợ, được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ giữa TPBank và khách hàng; Lãi suất cho vay được quy định tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng; Biện pháp bảo đảm: Theo các hợp đồng bảo đảm và hợp đồng thế chấp tài sản, ký quỹ giữa ngân hàng và khách hàng.

### 5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 45/2022/HDTD/TTKD BTL ngày 16/06/2022 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON. Hạn mức tín dụng 140.000.000.000 (Tám mươi tỷ đồng chẵn); Thời hạn: 12 tháng. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh theo từng lần giải ngân và quy định trong từng giấy nhận nợ.  
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ và các biện pháp bảo đảm khác.
- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 02/2022/HDTD/TTKD BTL/01 ngày 10/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bắc Từ Liêm và Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON. Hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay 80 tỷ đồng đồng, hạn mức L/C 20 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh 100 tỷ đồng. Lãi suất cho vay xác định theo từng khế ước giải ngân và nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công nền móng và công trình ngầm. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn của các khoản vay không vượt quá 08 tháng. Tài sản đảm bảo các hợp đồng thế chấp tài sản giữa Công ty và Ngân hàng.

**(8)** Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 244/2022HDTD/TXN ngày 11/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON; Hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng, hạn mức cho vay 120 tỷ đồng, hạn mức L/C 120 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 150 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, xây lắp của Công ty; Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng cầm cố tài sản số 64/2021/HDBD/TXN/04 ngày 18/05/2021, hợp đồng thế chấp tài sản số 130/2020/HDBD/TXN/02 ngày 04/02/2021, hợp đồng bảo đảm ký kết trước, trong và sau ngày hiệu lực của Hợp đồng này.

**(9)** Hợp đồng tín dụng số 199990722 ngày 05/05/2022 giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 200 tỷ đồng bao gồm cho vay ngắn hạn và cam kết bảo lãnh; Mục đích cấp tín dụng: Đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Bên được cấp tín dụng; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất: Thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất; Tài sản đảm bảo: Quyền phải thu từ các hợp đồng kinh tế cụ thể do VIB tài trợ (ngoại trừ các đối tác Bitexco, Cienco, Công ty Nam Cường, các đối tác có vốn/Công ty mẹ thuộc sở hữu Trung Quốc/Đài Loan; Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm đối với hạn mức bảo lãnh dự thầu tối đa 30 tỷ đồng và bảo lãnh bảo hành tối đa 10 tỷ đồng.

**(10)** Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-2021.01001 ngày 12/10/2021 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 350 tỷ đồng bao gồm cho vay, cam kết bảo lãnh (trừ bảo lãnh vay vốn, xác nhận bảo lãnh và bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng của các tổ chức khác) và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật và Agribank, trong đó hạn mức cho vay tối đa là 200 tỷ đồng; Thời hạn cho vay là theo từng giấy nhận nợ cụ thể, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 05/10/2021; Mục đích vay: vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2021 - 2022 ; Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ. Cho vay có đảm bảo một phần bằng tài sản, tài sản đến đâu giải ngân đến đó, đảm bảo tại mọi thời điểm duy trì được tỷ lệ tài sản nền trên.

### 5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

**(11)** Theo hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu (áp dụng với Chiết khấu BCT kèm hồi phiếu theo phương thức thanh toán trả sau) số MMD202113398490/HĐHMCK ngày 28/04/2021 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Công ty Cổ phần FECON; Giá trị hạn mức chiết khấu BCT kèm hồi phiếu theo phương thức thanh toán trả sau: 60 tỷ đồng; Tỷ lệ chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau: Tỷ lệ chiết khấu tối đa là 100% giá trị hồi phiếu hoặc hóa đơn. Mục đích sử dụng tiền chiết khấu BCT: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, được nêu cụ thể tại đề nghị chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất và phí chiết khấu được quy định cụ thể trên đề nghị chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau; Đồng tiền BTT là VND; Biện pháp bảo đảm theo quy định của Techcombank từng thời kỳ được quy định cụ thể trong các hợp đồng bảo đảm. Đây là hình thức thực hiện khi FECON nhận một số khoản thanh toán của chủ đầu tư thuộc hệ thống VinGroup.

- Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2022553500/HDHM/CK ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 cấp hạn mức chiết khấu 15.000.000.000 đồng. Thời hạn cung cấp hạn mức chiết khấu là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất được nêu cụ thể trên Đề nghị chiết khấu.

**(12)** Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/19202 ngày 03/01/2020, Bản sửa đổi thứ nhất Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/20227 ngày 25/12/2020 và Bản sửa đổi thứ hai Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/21215 ngày 25/11/2021 giữa Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức vay tài trợ thương mại 200 tỷ đồng; Mục đích: Tài trợ nhập khẩu, mua vật liệu, hàng hóa và các dịch vụ trong nước; Lãi suất: 1,5% cộng với chi phí huy động vốn tùy từng thời điểm hoặc một mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên tại Đơn yêu cầu tùy từng thời điểm (trên cơ sở một năm 365 ngày); Kỳ hạn tối đa 6 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Hạn mức bảo lãnh 200 tỷ đồng; Mục đích: Dành cho việc phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh ứng trước, bảo lãnh bảo hành; Kỳ hạn tối đa lên đến 03 năm cho tất cả các bảo lãnh ngoại trừ bảo lãnh thanh toán chỉ lên đến 01 năm; Bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh ứng trước được giới hạn ở mức 10% - 15% giá trị hợp đồng hoặc tùy vào quyết định của ngân hàng; Biện pháp bảo đảm: Thế chấp các hợp đồng của bên vay được ngân hàng tài trợ sẽ phải đăng ký giao dịch bảo đảm (không áp dụng cho bảo lãnh dự thầu), bất kì biện pháp bảo đảm hoặc hỗ trợ tín dụng nào khác có thể được cung cấp cho ngân hàng tùy từng thời điểm.

**(13)** Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT326-FECON ngày 22/4/2022 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cho vay 260.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 22/4/2022 đến hết ngày 22/4/2023; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC phục vụ hoạt động SXKD của bên vay; Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo mà bên vay và/hoặc tổ chức/cá nhân khác ký kết với bên cho vay và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác.

**(14)** Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 2022-00145-000 ngày 18/7/2022 giữa Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (VILC) và Công ty Cổ phần FECON; Số tiền vay: 11 tỷ đồng; Ngày đến hạn liên quan đến từng lần giải ngân theo Hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày giải ngân.

**(15)** Theo thỏa thuận vay ngày 22/6/2022 giữa bên cho vay FeMa HoldCo Pte. Limited và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng FeECON; Số tiền vay: 1.250.000 USD để chuẩn bị cho dự án điện gió ngoài khơi 500MW tại Vũng Tàu.



**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**(16)** Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 1406/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 14/06/2022, 1606/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 16/06/2022, 2306/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 23/6/2022 và 1107/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 11/07/2022 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (Nhà đầu tư); Hợp đồng tư vấn chào bán và đại lý phát hành trái phiếu số 749/2022/TVĐLPH/FCN-PSI ngày 06/6/2022; Hợp đồng đại lý lưu ký và thanh toán số 755/2022/HĐĐLLK/FCN-PSI ngày 06/6/2022; Hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 756/2022/HĐQLTSBĐ/FCN-PSI ngày 06/06/2022.

- Trái phiếu được phát hành cho các nhà đầu tư dưới hình thức chào bán riêng lẻ. Mệnh giá mỗi trái phiếu là 1.000.000 đồng. Số lượng trái phiếu phát hành 150.000 trái phiếu; Kỳ tính lãi 03 tháng một lần; Biện pháp bảo đảm: Cổ phần của Tổ chức phát hành tại Công ty Cổ phần Đầu tư FECON và Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON.

**(17)** Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2021/HĐĐMTP/TPBANK-FECON ngày 15/06/2021 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Bên mua Trái phiếu); Mệnh giá một trái phiếu 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Giá phát hành 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Số lượng trái phiếu được mua: 95.000 Trái phiếu; Tổng giá trị được mua 95 tỷ đồng; Cam kết mua lại trái phiếu: Công ty Cổ phần FECON mua lại trái phiếu vào các tháng thứ 3,6,9,12,15,18,21 tháng kể từ ngày phát hành Trái phiếu mỗi đợt mua lại 11,875 tỷ đồng; kỳ hạn trái phiếu là 24 tháng; Ngày thanh toán gốc: trừ khi trái phiếu được mua lại trước hạn theo các điều kiện và điều khoản trái phiếu, tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn; Ngày thanh toán lãi: Việc thanh toán lãi sẽ được thực hiện vào Ngày thanh toán lãi/ngày đáo hạn/ngày mua lại trước hạn/ngày mua lại định kỳ/ngày các trái phiếu đến hạn thanh toán theo nguyên nhân khác. Tài sản đảm bảo: 3 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần FECON (cổ phiếu niêm yết) thuộc sở hữu của ông Phạm Việt Khoa; 10.099.500 cổ phần Công ty Cổ phần FECON South thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần FECON; 5.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng FECON thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần FECON, Quyền tài sản từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC1, BCC2).

**(18)** Theo hợp đồng cho vay số 355.20.031.7109327.TD ngày 03/12/2020 giữa bên vay Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sốc Trăng và bên cho vay Ngân hàng TMCP Quân Đội; Phương thức cho vay: Cho vay dài hạn; Số tiền vay 900.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Tài trợ thanh toán các chi phí xây dựng, thiết bị để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sốc Trăng – Giai đoạn I tại xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Thời hạn cho vay 168 tháng (14 năm); Thời hạn rút vốn vay tối đa 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không muộn hơn 31/12/2021; Lãi suất thả nổi được quy định tại các văn bản nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Tiền – Thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi-Giấy tờ có giá, Tài sản khác, Động sản (Quyền tài sản và các quyền, các khoản thu, lợi tức phát sinh từ Dự án, Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Dự án), Bất động sản (Công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc Dự án,...)

**(19)** Khoản vay Công ty TNHH Shanghai Harbour Brunei theo Hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 01/6/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 02 tháng 5 năm 2012; thời hạn hợp đồng tối đa 72 tháng, lãi suất vay 0%. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay gốc nguyên tệ tại ngày 31/12/2020 là: 1.935.768,86 USD.

**(20)** Hợp đồng vay tiền số 0810/2019/HĐ-KT.FECON ngày 11/5/2020 giữa ông Trần Ngọc Dương (Tư cách là bên cho vay) và Công ty Cổ phần FECON; Số tiền vay là 12 tỷ đồng; mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay 24 tháng; phương thức trả lãi vào ngày 20 hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; Bảo đảm của bên vay: Bên vay bảo đảm bằng mọi biện pháp, bao gồm tất cả và toàn bộ số dư tài khoản tại ngân hàng, các tài sản (bao gồm bất động sản và động sản) mà bên vay là chủ sở hữu hợp pháp, bất kể ở thời điểm hiện tại và tương lai để hoàn trả khoản vay/hoặc các tài khoản tiền mà bên vay.

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**(21)** Gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay số 280/2019/GNN/PHG/01 ngày 17/6/2019. Số tiền vay là 3.900.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy bơm 2-SHAFT-AUGER theo Hợp đồng số 12/2019/HD-KH.FCU ký ngày 08/4/2019 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Sung Won Heavy Machinery Co.,Ltd. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.
- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 305/2019/HDTD/PHG/0 ngày 01/7/2019. Số tiền vay là 1.067.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ đi lại nội bộ theo Hợp đồng mua bán số 2406-04/2019/HĐMB-TG ký ngày 24/6/2019 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Công ty Cổ phần Hà Thành Ô tô. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày 05/7/2019. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.
- Hợp đồng cho vay số 215/2017/HDTD/PHG/03 ngày 20/9/2019. Số tiền vay là 622.680.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo Hợp đồng số 29/2019/HĐ-KH.FCU. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất linh hoạt theo từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Biện pháp đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi trường an lộc số HDTG/190414/PHG/1818189900E phát hành ngày 19/4/2019.
- Hợp đồng cho vay số 64/2021/HĐTD/PHG/01 Ngày 12/03/2021 giữa bên cho vay: Ngân hàng TMCP Tiên phong và bên được cấp tín dụng: Công ty Cổ phần Công trình Ngầm FECON. Số tiền vay: 130.000.000.000 VND Mục đích vay: cho vay trung hạn đầu tư thiết bị và các hạng mục, hệ thống phụ trợ phục vụ hợp đồng giao thầu số 149A9/2020/HĐ- BCU.FECON hạng mục hỗ trợ vận hành máy khoan TBM, gói thầu CP03- đường hầm và ga ngầm - Dự án tuyến đường sắt đô thị Nhổn- Hà Nội ký ngày 03/09/2020 Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON và Công ty Cổ phần FECON. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn vay: 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ.

Đơn vị tính: VND

5.20 Vốn chủ sở hữu  
 a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	THĂNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	CỔ PHIẾU QUỸ	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>1.254.390.050.000</b>	<b>418.206.069.395</b>	<b>10.039.280.000</b>	<b>(13.935.465.178)</b>	<b>334.081.396.957</b>	<b>254.161.63</b>	<b>212.288.658.729</b>	<b>287.590.342.306</b>	<b>2.502.914.493.846</b>
Bán cổ phiếu quỹ cao hơn giá mua vào	-	5.847.994.822		-13.935.465.178	-	-	-	-	19.783.460.000
Tăng vốn	320.000.000.000	95.752.500.000			-	-	-	12.000.000.000	427.752.500.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	68.374.412.603	2.407.373.165	70.781.785.768
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt								(37.631.701.500)	(40.984.687.408)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(10.064.143.402)	(625.037.578)	(10.689.180.980)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	(1.398.450.469)	-	953.031.189	(4.266.165.639)
Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế và nộp bổ sung	-	(2.250.000.000)			-	-	(7.491.704.245)	-	(9.741.704.245)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	28.874.866	-	28.874.866
Trích quỹ đầu tư phát triển tại các Công ty con					1.108.425.584		-	(1.108.425.584)	-
Trích thưởng Ban điều hành, HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	(1.570.772.916)	(220.805.605)	(1.791.578.521)
Giảm khác (Các khoản truy phạt thuế điều chỉnh Cty con)	-	-	-	-	-	-	564.047.742	(59.105.538)	504.942.204
Điều chỉnh liên quan đến Hợp nhất	-	-	-	-	-	(1.130.220.822)		(23.981.219.022)	(25.111.439.844)
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>1.574.390.050.000</b>	<b>517.556.564.217</b>	<b>10.039.280.000</b>		<b>- 333.791.372.072</b>	<b>254.161.637</b>	<b>218.438.279.112</b>	<b>274.711.593.009</b>	<b>2.929.181.300.047</b>

Đơn vị tính: VND

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)  
 a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	THĂNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	CỔ PHIẾU QUỸ	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>1.574.390.050.000</b>	<b>517.556.564.217</b>	<b>10.039.280.000</b>	-	<b>333.791.372.072</b>	<b>254.161.637</b>	<b>218.438.279.112</b>	<b>274.711.593.009</b>	<b>2.929.181.300.04</b>
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	537.142.500.000	537.142.500.000
Mua Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	19.704.000.000	19.704.000.000
Giảm vốn Công ty con	-	-	-	-	-	-	9.088.953.418	(1.399.261.170)	7.689.692.248
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	11.991.544.072	51.600.579.029
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	-	-	-	(47.231.701.500)	(6.725.077.602)	(53.956.779.102)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	-	(419.707.136)	(9.066.689.726)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	2.623.739.953	9.668.534	1.566.818.086	-
Trích quỹ đầu tư phát triển tại các Công ty con (i)	-	-	-	-	-	748.492.376	-	-	-
Trích thưởng Ban điều hành, HĐQT và BKS (i)								(1.901.038.968)	(2.055.872.638)
Phạt thuế	-	-	-	-	-	-	(2.256.749.451)	245.168.35	(2.011.581.094)
Thanh lý tài sản mua bán nội bộ Tập đoàn									5.147.447.438
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(27.049.567)	(23.113.765)	(50.163.332)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>1.574.390.050.000</b>	<b>517.556.564.217</b>	<b>10.039.280.000</b>		<b>337.163.604.401</b>	<b>263.830.171</b>	<b>207.271.473.900</b>	<b>836.639.630.181</b>	<b>3.483.324.432.870</b>

(i): Phân phối lợi nhuận và trích quỹ trong năm là phần trích các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con.



## 5.

**b.**

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	1.574.390.050.000	1.254.390.050.000
Vốn góp tăng trong năm	-	320.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>55.878.684.090</b>	<b>47.695.844.902</b>

**C.**

	31/12/ 2022 CỔ PHIẾU	01/01/2022 CỔ PHIẾU
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	157.439.005	157.439.005
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	157.439.005	157.439.005
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	157.439.005
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	157.439.005	157.439.005
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	157.439.005
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6  
H

## 6

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	231.358.192.635	160.047.523.766
Doanh thu xây lắp	2.648.284.220.013	3.218.002.263.465
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.588.052.499	105.422.510.130
Doanh thu bán điện	142.299.263.816	747.091.232
<b>Tổng</b>	<b>3.045.529.728.963</b>	<b>3.484.219.388.593</b>

**Trong đó Doanh thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan**

- Giao dịch các bên liên quan	23.835.507.994	32.919.981.833
-------------------------------	----------------	----------------

## 6

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	202.604.325.593	108.200.707.707
Giá vốn của hoạt động xây lắp	2.407.385.155.904	2.829.317.930.145
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.404.187.820	76.800.040.895
Giá vốn bán điện	75.884.542.775	188.293.944
<b>Tổng</b>	<b>2.689.278.212.092</b>	<b>3.014.506.972.691</b>

## 6

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.401.954.936	8.571.595.574
Doanh thu bán khoản đầu tư	145.052.094.399	4.594.389.082
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	107.827.421	477.918.050
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.173.564.017	4.262.730.315
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.220.000.750	1.025.023.500
Doanh thu tài chính khác	645.163.473	11.499.180
<b>Tổng</b>	<b>168.600.604.996</b>	<b>18.943.155.701</b>

**Trong đó Doanh thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan**

- Giao dịch các bên liên quan	2.329.999.999	2.329.999.999
-------------------------------	---------------	---------------

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
Chi phí lãi vay	212.398.541.759	145.670.784.482
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	10.015.355.316	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	478.422.953	789.350.370
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.935.716.037	926.848.978
Chi phí tài chính khác	3.676.032.280	4.878.122.622
<b>Tổng</b>	<b>228.504.068.345</b>	<b>152.265.106.452</b>
<b>Trong đó chi phí với các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</b>	<b>79.740.492</b>	<b>-</b>

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>26.794.089.460</b>	<b>25.239.575.877</b>
Chi phí nhân viên	16.951.839.255	16.322.626.054
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.377.405.145	776.582.642
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	200.230.938	375.305.640
Chi phí khấu hao TSCĐ	572.488.582	364.483.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.316.251.483	1.880.139.425
Chi phí bằng tiền khác	6.375.874.057	5.520.438.457
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>214.701.491.537</b>	<b>200.099.244.674</b>
Chi phí nhân viên quản lý	125.295.811.164	131.085.471.755
Chi phí vật liệu quản lý	1.408.521.544	893.249.753
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.955.683.427	4.195.879.112
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.199.761.544	6.802.704.554
Thuế phí và lệ phí	3.918.267.580	4.355.925.601
Chi phí dự phòng	-	147.920.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.977.337.668	27.225.352.561
Chi phí bằng tiền khác	14.804.611.997	18.650.942.330
Lợi thế thương mại	7.461.077.236	6.877.525.788
<b>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(319.580.623)</b>	<b>(135.726.780)</b>
Hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu	(319.580.623)	(135.726.780)
<b>Tổng</b>	<b>241.495.580.997</b>	<b>225.338.820.551</b>

6.6 Thu nhập khác /Chi phí khác

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý tài sản, vật tư, CCDC	7.131.579.570	1.547.083.149
Thu tiền bồi thường	141.871.877	4.643.090.531
Thanh lý phế liệu thu hồi		11.800.000
Thu nhập từ thưởng vượt mức, hoàn thành kế hoạch	2.200.270.062	-
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác sử dụng chung đường dây truyền tải điện nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	54.545.454.545	-
Các khoản khác	867.604.284	509.795.934
<b>Tổng</b>	<b>64.886.780.338</b>	<b>6.711.769.614</b>

Chi phí khác

Giá trị còn lại của tài sản, CCDC và chi phí thanh lý	693.230.552	38.356.010
Các khoản chi phí do ngừng sản xuất	441.933.605	2.882.898.430
Phạt vi phạm hợp đồng	1.994.565.547	1.642.539.949
Phạt an toàn lao động	-	263.850.000
Chi phí sử dụng chung đường dây truyền tải điện nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	30.000.000.000	
Chi phí nộp phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	2.065.613.102	1.603.771.080
Chi phí khác	6.237.687.645	1.514.167.538
<b>Tổng</b>	<b>41.433.030.451</b>	<b>7.945.583.007</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>23.453.749.887</b>	<b>(1.233.813.393)</b>

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	31.932.270.346	38.927.106.131
<b>Tổng</b>	<b>31.932.270.346</b>	<b>38.927.106.131</b>



6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>51.600.579.029</b>	<b>70.781.785.768</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	11.991.544.072	2.407.373.165
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(10.548.021.558)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông</b>		
<b>Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>39.609.034.957</b>	<b>57.826.391.045</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	157.439.005	127.940.932
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>252</b>	<b>452</b>

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Tập đoàn trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành năm 2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được trình bày lại do ảnh hưởng của trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận, thưởng ban điều hành năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 như trình bày tại thuyết minh số 6.8 - Thuyết minh Báo cáo tài chính. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm 2021 từ 534 đồng/cổ phiếu xuống 452 đồng/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	NĂM 2022 (Trình bày lại)	NĂM 2022 (đã trình bày)	CHÊNH LỆCH
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>70.781.785.768</b>	<b>70.781.785.768</b>	<b>-</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.407.373.165	2.407.373.165	-
- Các khoản điều chỉnh tăng			
- Các khoản điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Trích thưởng HĐQT và BKS)	(10.548.021.558)	-	(10.548.021.558)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>57.826.391.045</b>	<b>68.374.412.603</b>	<b>(10.548.021.558)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	127.940.932	127.940.932	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>452</b>	<b>534</b>	<b>(82)</b>

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.220.469.384.389	1.537.108.147.621
Chi phí nhân công	360.952.896.139	394.199.292.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	154.323.431.407	82.316.021.236
Chi phí dự phòng	(319.580.623)	12.193.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.015.717.372.154	2.304.532.562.179
Chi phí khác bằng tiền	196.231.853.415	326.912.386.192
Lợi thế thương mại	7.461.077.236	6.877.525.788
<b>Tổng</b>	<b>3.954.836.434.118</b>	<b>4.651.958.129.002</b>

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Tập đoàn như sau:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nguồn nhân lực Thanh Giang FECON	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng FCC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần FECON Miltec	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể
Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:	

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

		NĂM 2022 VND	NĂM 2021 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	20.096.255.167	21.844.330.331
<b>Tổng</b>		<b>20.096.255.167</b>	<b>21.844.330.331</b>

Trong đó, chi tiết như sau:

LƯƠNG THÙ LAO CỦA HĐQT

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	2.329.871.504	2.327.559.204
Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch ngày 01/8/2022)	1.050.000.000	450.000.000
Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	462.061.540	1.335.138.465
Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	1.310.152.916	1.307.778.976
Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên HĐQT độc lập	488.888.884	399.999.996
Hà Thế Lộng	Thành viên HĐQT độc lập	488.888.884	399.999.996
Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)	533.333.334	-
Nguyễn Thị Nghiên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)	529.066.664	-
Nguyễn Song Thanh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	133.333.332	399.999.996
Phùng Tiến Trung	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	133.333.332	399.999.996
Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	133.333.332	399.999.996

LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 28/4/2022)	1.076.378.457	-
Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	469.538.460	1.532.675.134
Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	432.664.723	379.054.377
Trần Công Tráng	Thành viên	399.999.996	399.999.996

LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc	2.319.403.846	2.282.375.000
Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc thường trực	1.695.749.999	1.892.812.500
Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/4/2021)	-	135.000.000
Muôn Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/4/2021)	-	60.000.000
Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc	1.183.947.500	1.201.614.583
Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc	823.202.693	721.197.917
Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/12/2021)	-	1.195.911.058
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.739.494.231	1.574.490.417
Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.357.538.462	1.141.927.083
Nguyễn Đức Độ	Phó Tổng Giám đốc	90.000.000	-
Đặng Xuân Tình	Giám đốc Thiết bị	54.450.000	-
Nguyễn Thị Nghiên	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính (Đến ngày 28/4/2022)	423.288.462	1.287.010.096

THU NHẬP CỦA NHÂN SỰ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguyễn Thái Dũng	(Từ ngày 03/5/2022) Phó ban Tài chính Kế toán	270.659.616	-
Nguyễn Thế Sinh	(Đến ngày 02/5/2022) Phó ban Tài chính Kế toán	167.675.000	128.495.000
Trần Phương	(Đến ngày 11/10/2021) Trưởng ban quan hệ nhà đầu tư & Phát triển thị trường vốn	-	491.290.545



7.1 Thông tin về các bên liên quan *(Tiếp Theo)*

Số dư với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	31/12/2022 VND	01/10/2022 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>6.247.678.690</b>	<b>16.090.701.168</b>
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	6.247.678.690	16.090.701.168
<b>Phải thu khác</b>		<b>425.337.342.682</b>	<b>4.090.710.166</b>
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	209.123.507	292.490.990
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết	6.128.219.175	3.798.219.176
Ông Hà Thế Phương	Người nội bộ	50.900.000.000	-
Ông Muôn Văn Chiến	Người nội bộ	177.900.000.000	-
Ông Phùng Tiến Trung	Người nội bộ	190.200.000.000	-
<b>Phải thu cho vay</b>		<b>23.300.000.000</b>	<b>23.300.000.000</b>
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Công ty liên kết	23.300.000.000	23.300.000.000
Phải trả người bán		32.544.738.817	74.793.653.951
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Công ty liên kết	32.544.738.817	73.303.809.731
<b>Phải trả khác</b>		<b>755.124.163</b>	<b>744.922.110</b>
Công ty Cổ phần NH2KM <i>(Trước đây là Công ty Cổ phần Nguồn nhân lực Thanh Giang FECON)</i>	Công ty liên kết	755.124.163	744.922.110

7.1 Thông tin về các bên liên quan *(Tiếp theo)*

Giao dịch với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	31/12/2022 VND	01/10/2022 VND
<b>Các giao dịch bán hàng</b>			<b>23.835.507.994</b>	<b>32.919.981.833</b>
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	Thuê văn phòng	428.206.957	441.968.128
		Thi công xây lắp	23.138.928.752	31.233.618.436
		Phí bảo Lãnh	268.372.285	193.645.269
		Bán hàng hóa		1.050.750.000
<b>Các giao dịch mua hàng</b>			<b>31.920.106.406</b>	<b>52.250.189.611</b>
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	Thi công xây lắp	31.920.106.406	52.250.189.611
<b>Lãi cho vay</b>			<b>2.329.999.999</b>	<b>2.329.999.999</b>
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết	Lãi cho vay	2.329.999.999	2.329.999.999
Lãi vay			79.740.492	-
Công ty Cổ phần NH2KM <i>(Trước đây là Công ty Cổ phần Nguồn nhân lực Thanh Giang FECON)</i>	Công ty liên kết Lãi vay		20.611.725	-
Công ty cổ phần FECON Hoà Yên	Công ty liên kết	Lãi vay	59.128.767	-

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.  
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023  
Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc  
Trần Thu Trang Phạm Văn Tùng Nguyễn Văn Thanh

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập

Trần Thu Trang

Kế toán trưởng

Phạm Văn Tùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh





Thấu hiểu lòng đất, Chinh phục tầm Cao

**A.** Tầng 15 tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**T.** (+84) 24 62690481  
**F.** (+84) 24 62690484

**E.** [info@fecon.com.vn](mailto:info@fecon.com.vn)  
[www.fecon.com.vn](http://www.fecon.com.vn)